

Số: 96./2026/CV-VPS  
No.: 96./2026/CV-VPS

Hà Nội, ngày 13. tháng 02 năm 2026  
Hanoi, day 13. month 02 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GDCK  
INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC INFORMATION PORTAL  
OF THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE STOCK EXCHANGES**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.  
**To:** - *The State Securities Commission;*  
- *The Vietnam Exchange;*  
- *The Hanoi Stock Exchange;*  
- *The Hochiminh Stock Exchange.*

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS**  
**Name of organization: VPS SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**  
  
- Địa chỉ: Số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội  
*Address: No. 88 Tran Thu Do, Yen So Ward, Hanoi City.*  
  
- Điện thoại: 024.7308 0188 Fax: 024.3974 3656  
*Telephone: 024.7308 0188 Fax: 024.3974 3656*  
  
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Nga – Người được ủy quyền công bố thông tin  
*Persons in charge of information disclosure: Nguyen Thanh Nga – Person authorized to disclose information*  
  
- Loại thông tin công bố: ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ Yêu cầu ☐ Khác  
*Types of disclosure: ☒ Periodic ☐ Extraordinary ☐ Request ☐ Other*
- Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (“Công ty”) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty.**  
**Contents of disclosure: VPS Securities Joint Stock Company (“Company”) discloses the Company’s Annual Report for year 2025.**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13./02/2026 tại đường dẫn <https://vps.com.vn/ve-chung-toi/cong-bo-thong-tin?view=bao-ca>.  
*This information was published on the Company’s website on 13./02/2026, as in the link <https://vps.com.vn/ve-chung-toi/cong-bo-thong-tin?view=bao-ca>.*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

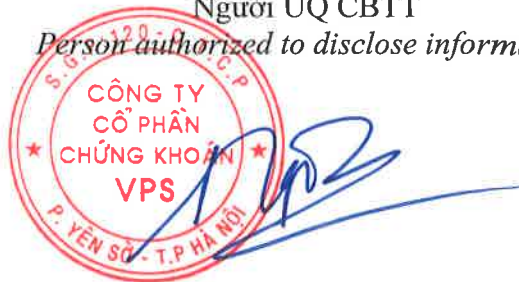
*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người UQ CBTT

*Person authorized to disclose information*



**NGUYỄN THANH NGÀ/ NGUYEN  
THANH NGÀ**

Giám đốc Phòng Kiểm soát nội bộ  
*Director of Internal Control Department*





Vượt trội *và Khác biệt*

# Báo cáo thường niên 2025

*Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS*



Vượt trội và Khác biệt  
*cùng VPS*

# MỤC LỤC

|                                                                 |           |                                                                                                 |           |
|-----------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| THUẬT NGỮ                                                       | 5         |                                                                                                 |           |
| <b>CHƯƠNG I</b>                                                 |           | <b>CHƯƠNG III</b>                                                                               |           |
| <b>TỔNG QUAN VỀ VPS</b>                                         | <b>6</b>  | <b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN LÃNH ĐẠO</b>                                                     | <b>56</b> |
| Giới thiệu VPS                                                  | 8         | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty                                         | 58        |
| Thông tin doanh nghiệp                                          | 8         | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động chung của Công ty                                   | 58        |
| Sức mạnh công nghệ                                              | 10        | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty                       | 59        |
| Các chỉ số nổi bật năm 2025                                     | 12        | Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị                                                | 59        |
| Các giải thưởng và ghi nhận chính trong năm 2025                | 13        |                                                                                                 |           |
| Định hướng phát triển và câu chuyện của VPS                     | 14        | Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc                                                       | 60        |
|                                                                 |           | Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh                                                           | 60        |
|                                                                 |           | Tình hình tài chính                                                                             | 61        |
|                                                                 |           | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                                           | 63        |
|                                                                 |           | Kế hoạch phát triển trong tương lai của Ban Tổng Giám đốc                                       | 65        |
|                                                                 |           | Báo cáo đánh giá liên quan tới trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty                  | 66        |
|                                                                 |           | Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường                                                  | 66        |
|                                                                 |           | Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động                                                    | 66        |
|                                                                 |           | Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương                    | 66        |
| <b>CHƯƠNG II</b>                                                |           | <b>CHƯƠNG IV</b>                                                                                |           |
| <b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025</b>                             | <b>26</b> | <b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>                                                                         | <b>68</b> |
| Thông điệp từ Tổng Giám đốc                                     | 28        | Mô hình quản trị công ty                                                                        | 70        |
| Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025                         | 30        | Quản trị công ty                                                                                | 70        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh                            | 30        | Hội đồng quản trị                                                                               | 70        |
| Tình hình tài chính                                             | 33        | Hoạt động của Ban Kiểm soát                                                                     | 74        |
| Chi tiết các hoạt động kinh doanh trong năm                     | 37        | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát | 75        |
| Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án                           | 39        |                                                                                                 |           |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu              | 40        | Quản trị rủi ro                                                                                 | 78        |
| Tổ chức và nhân sự                                              | 43        | Tổng quan về mô hình quản trị rủi ro của VPS                                                    | 78        |
| Cơ cấu tổ chức                                                  | 43        | Quy trình quản trị rủi ro                                                                       | 79        |
| Nhân sự chủ chốt                                                | 44        | Nhận diện các rủi ro trọng yếu                                                                  | 79        |
| Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động          | 46        |                                                                                                 |           |
| Văn hoá doanh nghiệp                                            | 48        |                                                                                                 |           |
| Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty | 50        | <b>CHƯƠNG V</b>                                                                                 |           |
| Tác động đối với môi trường                                     | 50        | <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>                                                                        | <b>82</b> |
| Tác động đối với xã hội                                         | 52        | Thông tin chung                                                                                 | 84        |
|                                                                 |           | Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị                                                          | 86        |
|                                                                 |           | Báo cáo kiểm toán độc lập                                                                       | 87        |
|                                                                 |           | Báo cáo tình hình tài chính                                                                     | 89        |
|                                                                 |           | Báo cáo kết quả hoạt động                                                                       | 94        |
|                                                                 |           | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                                                                      | 97        |
|                                                                 |           | Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu                                                      | 101       |
|                                                                 |           | Thuyết minh báo cáo tài chính                                                                   | 103       |



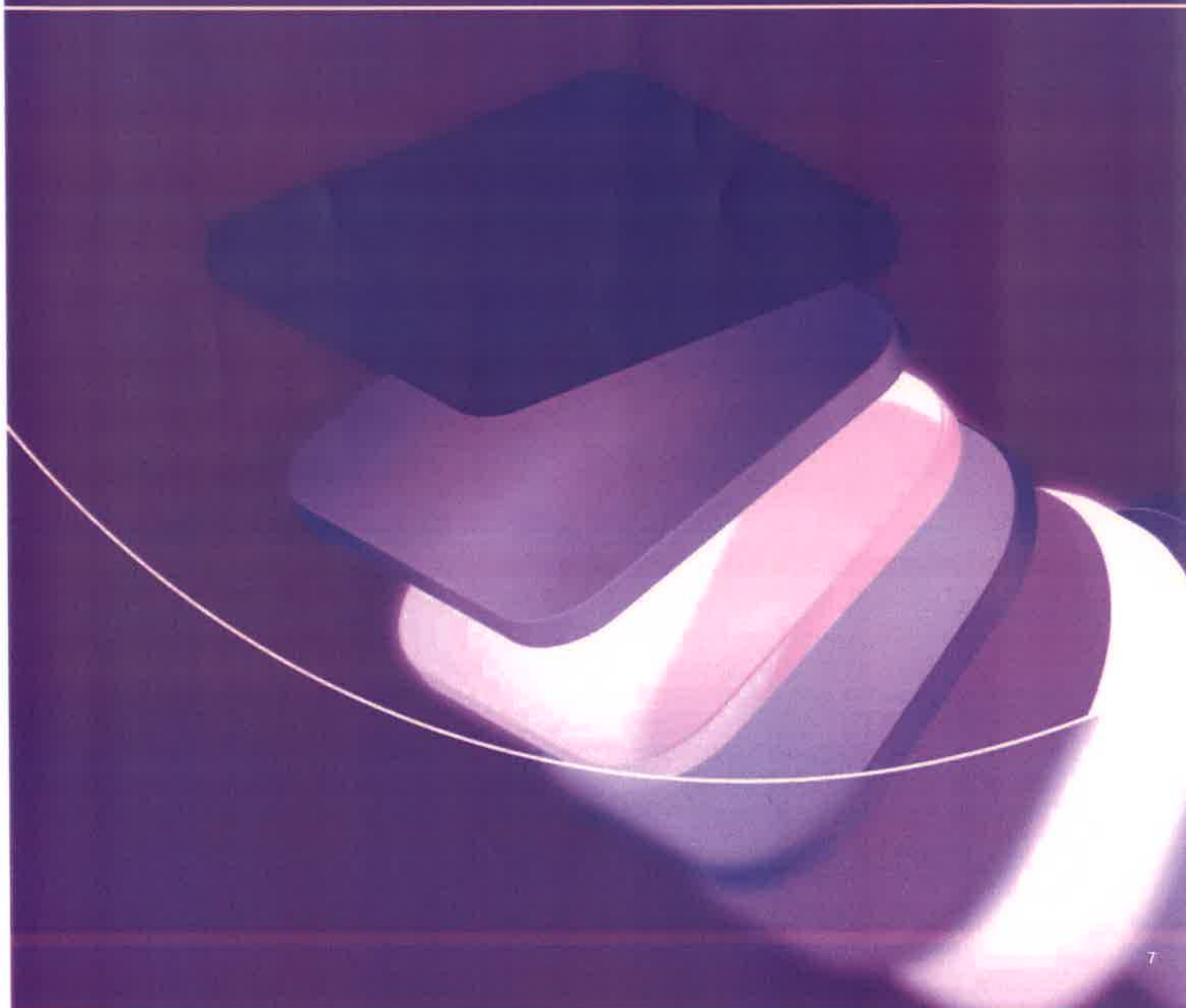
# THUẬT NGỮ

|                    |                                                                        |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------|
| <b>BKS</b>         | Ban Kiểm soát                                                          |
| <b>Công ty/VPS</b> | Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS                                        |
| <b>CBNV</b>        | Cán bộ nhân viên                                                       |
| <b>CTCK</b>        | Công ty chứng khoán                                                    |
| <b>CTCP</b>        | Công ty cổ phần                                                        |
| <b>CNTT</b>        | Công nghệ thông tin                                                    |
| <b>ĐHĐCĐ</b>       | Đại hội đồng cổ đông                                                   |
| <b>IPO</b>         | Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng                               |
| <b>HĐQT</b>        | Hội đồng quản trị                                                      |
| <b>HNX</b>         | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                                        |
| <b>HSX</b>         | Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh                               |
| <b>KPI</b>         | Chỉ số đo lường hiệu quả công việc                                     |
| <b>KSNB</b>        | Kiểm soát nội bộ                                                       |
| <b>KTNB</b>        | Kiểm toán nội bộ                                                       |
| <b>LNST</b>        | Lợi nhuận sau thuế                                                     |
| <b>PGD</b>         | Phòng giao dịch                                                        |
| <b>QTRR</b>        | Quản trị rủi ro                                                        |
| <b>ROE</b>         | Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu                                  |
| <b>ROA</b>         | Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản                                         |
| <b>TGD</b>         | Tổng Giám đốc                                                          |
| <b>TNHH</b>        | Trách nhiệm hữu hạn                                                    |
| <b>TMCP</b>        | Thương mại cổ phần                                                     |
| <b>TTCK</b>        | Thị trường chứng khoán                                                 |
| <b>TSLĐ</b>        | Tài sản lưu động                                                       |
| <b>UBCKNN</b>      | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                                            |
| <b>UPCOM</b>       | Sàn giao dịch chứng khoán dành cho các công ty đại chúng chưa niêm yết |

# CHƯƠNG I

## TỔNG QUAN VỀ VPS

|                                                  |    |
|--------------------------------------------------|----|
| Giới thiệu VPS                                   | 8  |
| Thông tin doanh nghiệp                           | 8  |
| Sức mạnh công nghệ                               | 10 |
| Các chỉ số nổi bật năm 2025                      | 12 |
| Các giải thưởng và ghi nhận chính trong năm 2025 | 13 |
| Định hướng phát triển và câu chuyện của VPS      | 14 |



## Giới thiệu VPS Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, hoạt động với định hướng phát triển dài hạn dựa trên bốn trụ cột cốt lõi: **hiệu quả vận hành, kỷ luật quản trị rủi ro, nền tảng công nghệ và lấy khách hàng làm trung tâm.**

Trên hành trình phát triển, VPS kiên định theo đuổi sứ mệnh **mở ra cơ hội tiếp cận đầu tư tài chính tới tất cả mọi người**, đồng hành cùng nhà đầu tư và doanh nghiệp, đóng góp vào sự phát triển minh bạch, an toàn và bền vững của thị trường vốn Việt Nam.

VPS cung cấp hệ sinh thái dịch vụ tài chính toàn diện, bao gồm môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, ngân hàng đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp và các giải pháp đầu tư dựa trên nền tảng công nghệ. Với quy mô phục vụ **hàng triệu khách hàng cá nhân và tổ chức**, cùng mạng lưới chi nhánh và điểm giao dịch phủ rộng trên toàn quốc, VPS có khả năng tiếp cận sâu rộng tới nhiều phân khúc nhà đầu tư, từ đại chúng đến chuyên nghiệp.

Năm 2025 đánh dấu một **bước ngoặt quan trọng** trong quá trình phát triển của VPS khi Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên **Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh** với mã chứng khoán **VCK**. Việc niêm yết không chỉ nâng cao các chuẩn mực về minh bạch và quản trị doanh nghiệp, mà còn mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn vốn dài hạn, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo. Đây là cam kết rõ nét của VPS trong việc theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, hướng tới lợi ích dài hạn của cổ đông, khách hàng và các bên liên quan.

|                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên giao dịch bằng tiếng Việt | CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Tên giao dịch bằng tiếng Anh  | VPS SECURITIES JOINT STOCK COMPANY                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Giấy chứng nhận               | <p>Giấy phép thành lập và hoạt động:<br/>Số 120/GP-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 08/12/2015.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0104979904 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 08/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28/01/2026<sup>(1)</sup>.</p> |
| Vốn điều lệ                   | <p>15.218.257.000.000 đồng<sup>(2)</sup></p> <p>(Bằng chữ: Mười lăm nghìn hai trăm mười tám tỷ hai trăm năm mươi bảy triệu đồng)</p>                                                                                                                                                                                                                 |
| Vốn chủ sở hữu                | <p>28.835.109.255.467 đồng</p> <p>(Bằng chữ: Hai mươi tám nghìn tám trăm ba mươi lăm tỷ, một trăm linh chín triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng)</p>                                                                                                                                                                      |
| Mã chứng khoán                | VCK                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Địa chỉ trụ sở chính          | Số 88 Trần Thủ Độ, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội <sup>(3)</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Điện thoại liên hệ            | 024. 7308 0188                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Fax                           | 024. 3974 3656                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Website                       | www.vps.com.vn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |



(1) Tính đến hết ngày 31/12/2025, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của VPS là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104979904 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 08/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19/11/2025.

(2) Ngày 29/12/2025, VPS kết thúc đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ với thông tin vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ là: 15.218.257.000.000 đồng. Đến ngày 15/01/2026, VPS được Chủ tịch HĐQTNN cấp Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK để điều chỉnh vốn điều lệ của VPS theo thông tin nêu trên.

(3) Trong năm 2025, VPS có địa chỉ trụ sở chính tại: Khu văn phòng số 65 Phố Cầm Hối, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

# Sức mạnh công nghệ

Hạ tầng CNTT vững mạnh là nền tảng cho sự tin cậy và tăng trưởng bền vững

**Tự chủ về nền tảng**

100% hệ thống giao dịch lõi phát triển nội bộ, cho phép tùy chỉnh nhanh và kiểm soát rủi ro hiệu quả.

**Khung tuân thủ chặt chẽ**

Chính sách được quản lý dưới dạng mã lệnh, tuân thủ theo chuẩn ISO/IEC 27001:2022, được kiểm toán an ninh mạng độc lập.

**Khả năng chống chịu và duy trì ổn định**

Được kiểm chứng trong các sự kiện và giai đoạn biến động mạnh của thị trường.

Chủ động triển khai diễn tập ứng phó email giả mạo định kỳ, kế hoạch ứng phó và khôi phục sau thảm họa giúp tăng cường mức độ sẵn sàng về an ninh mạng.

**Nền tảng có khả năng mở rộng**

Đảm bảo tiếp nhận và xử lý thêm khối lượng giao dịch mới liền mạch.

**Kiến trúc an toàn và kiểm soát**

Mô hình Zero-trust, giám sát 24/7 và mã hóa dữ liệu giúp giảm thiểu rủi ro, bảo vệ thông tin nhạy cảm.

## Dấu ấn nổi bật trong lĩnh vực CNTT và an ninh mạng

Bảo đảm sự ổn định cho hiện tại và sự tăng trưởng của thị trường trong tương lai



**CHAMPION**

Diễn tập An ninh mạng Quốc gia 2025 (NCA)



**Red Hat Innovation Awards APAC 2024 (Red Hat)**



**CHAMPION**

Cuộc thi CTF 2023 (Group-IB)



Đổi mới liên tục để mang lại  
các sản phẩm khác biệt

## VPS SmartOne

Siêu ứng dụng tài chính với hệ sinh thái  
sản phẩm và dịch vụ đa dạng

Ứng dụng phù hợp cho mọi đối tượng người dùng



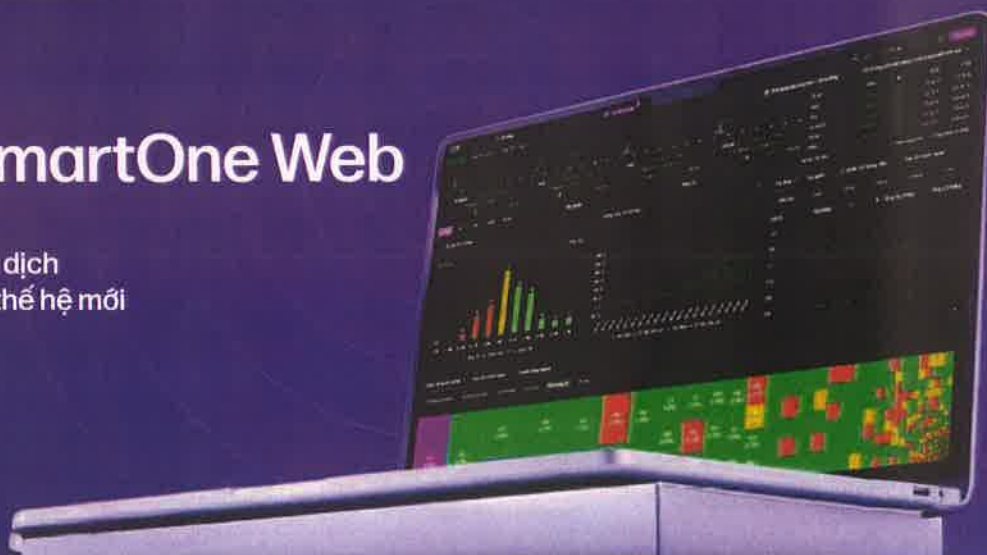
## VPS SmartPro

Ứng dụng giao dịch chứng khoán  
phái sinh chuyên biệt

Dành cho nhà đầu tư chứng khoán phái sinh chuyên nghiệp

## VPS SmartOne Web

Nền tảng giao dịch  
chứng khoán thế hệ mới



## Các chỉ số nổi bật năm 2025

- ROE

**26,1%**

→ Một trong những CTCK có ROE thuộc nhóm cao nhất ngành chứng khoán

- Tổng tài sản tại 31/12/2025

**48.402 tỷ đồng**

tăng 59,4% (so với 31/12/2024)

- Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025

**28.835 tỷ đồng**

tăng 153,8% (so với 31/12/2024)

- Một trong những CTCK dẫn đầu về quy mô vốn trong ngành chứng khoán

- Doanh thu hoạt động

**8.261 tỷ đồng** tăng 27,7%

(so với năm 2024)

- Lợi nhuận trước thuế

**4.471 tỷ đồng**

- Lợi nhuận sau thuế

**3.579 tỷ đồng**

hoàn thành 102,2% kế hoạch năm 2025



## Các giải thưởng và ghi nhận chính trong năm 2025



**Dẫn đầu các CTCK nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam**



**Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam**



**Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu**



**Doanh nghiệp được yêu thích nhất Khối Doanh nghiệp lớn**



**Tổ chức tư vấn tiêu biểu năm 2024 - 2025**



**Doanh nghiệp có thương vụ IPO tiêu biểu**



**Chứng nhận quốc tế ISO/IEC 27001:2022 về hệ thống quản lý an toàn thông tin**



**Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán**

**Thành viên tiêu biểu trong thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở**

**Thành viên tiêu biểu trong giao dịch chứng khoán phái sinh**



**VPS dẫn đầu các công ty chứng khoán về thực hành ESG**

## Định hướng phát triển và câu chuyện của VPS



### Tầm nhìn



Trở thành công ty được ngưỡng mộ nhất vì sự sáng tạo và am hiểu khách hàng

### Sứ mệnh



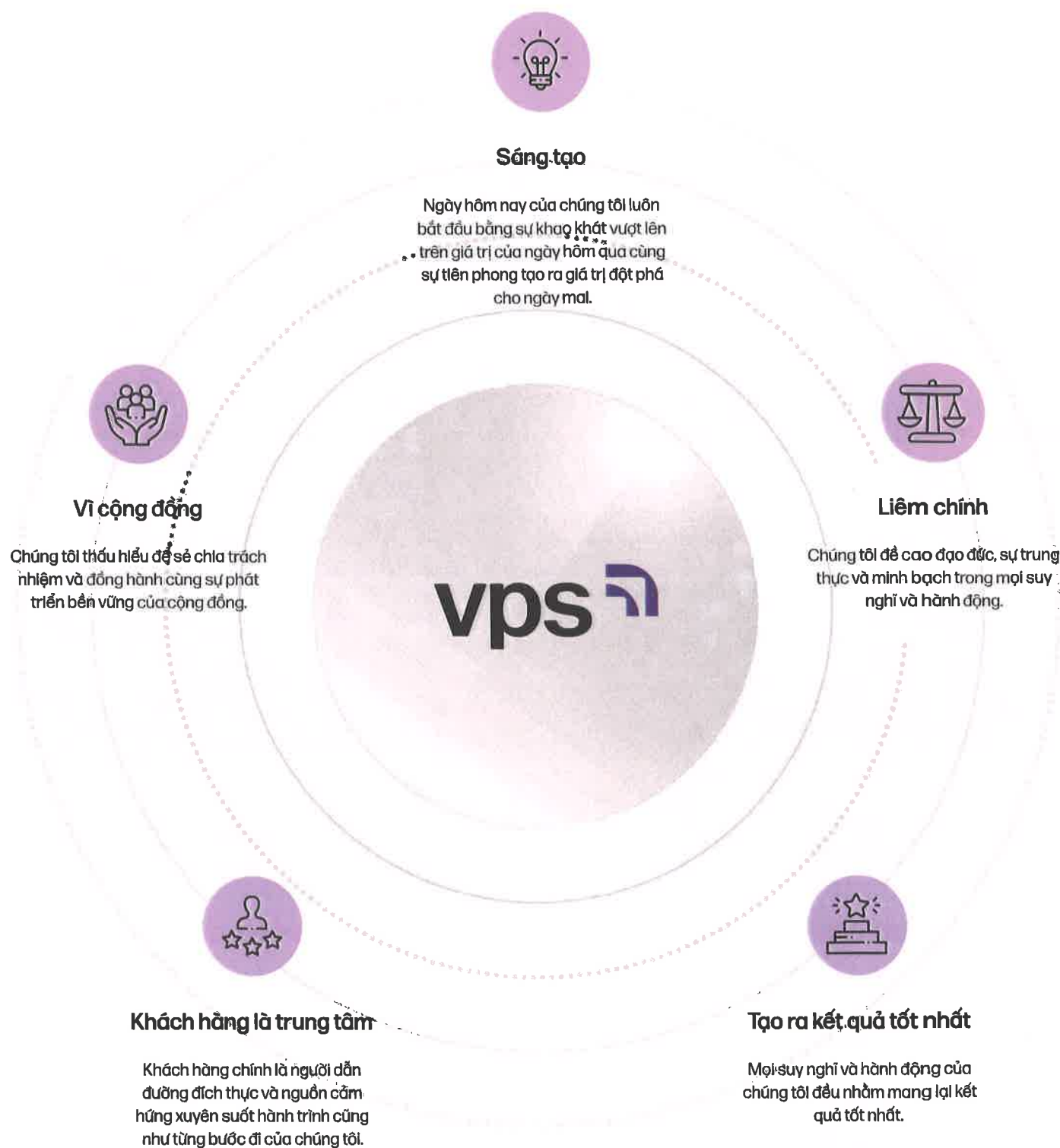
Mở ra cơ hội tiếp cận dễ dàng các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực đầu tư, tài chính và tiêu dùng, nhằm mang lại những giá trị vượt trội và bền vững cho khách hàng, đối tác và cộng đồng

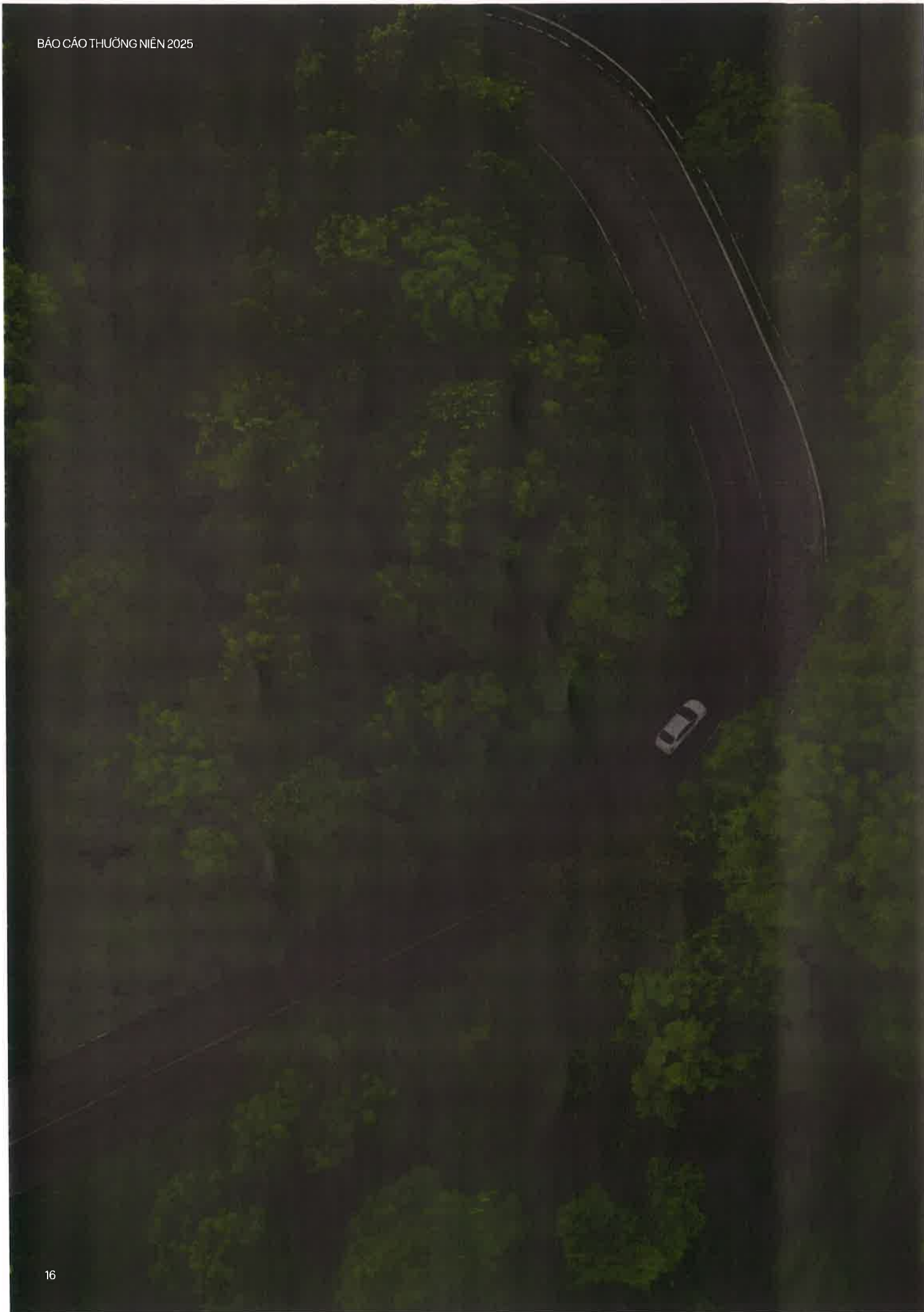
### Triết lý kinh doanh



- 1 VPS được thành lập với mục tiêu rõ ràng - bình dân hoá các sản phẩm đầu tư, tài chính cho khách hàng đại chúng
- 2 Hệ thống công nghệ tự chủ, am hiểu nhà đầu tư và lấy khách hàng làm trung tâm là nền tảng để VPS mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường vốn cho cả nhà đầu tư cá nhân và tổ chức
- 3 Năng lực thực thi, minh bạch thị trường và quan hệ khách hàng bền chặt là nền tảng cho hệ sinh thái tài chính bền vững

## Giá trị cốt lõi







*“Kiến tạo  
giá trị vượt trội  
và bền vững bằng việc  
mở ra cơ hội tiếp cận  
đầu tư tài chính dễ dàng  
cho tất cả”*

## Câu chuyện thương hiệu VPS

Tròn 19 năm hình thành và phát triển của VPS - một hành trình được tạo nên từ khát vọng chinh phục, tinh thần "Vượt trội và Khác biệt", cùng những nỗ lực không ngừng nghỉ của cán bộ nhân viên VPS, chúng tôi kiên định theo đuổi sứ mệnh **"Mở ra cơ hội tiếp cận đầu tư tài chính tới tất cả mọi người"**.

Trong hành trình đó, giá trị "Vượt trội và Khác biệt" chưa bao giờ đến từ một cá nhân đơn lẻ, mà là kết tinh của tinh thần đoàn kết, sự đồng lòng và hợp lực của toàn thể cán bộ nhân viên - những người đồng hành tận tâm trên mỗi chặng đường phát triển. Từng bước đi lớn mạnh của Công ty cũng chính là từng bước trưởng thành của mỗi cá nhân VPS. Tất cả đã cùng nhau tạo nên một VPS vững vàng như ngày hôm nay.

### 2025: DẤU ẤN ĐỒNG HÀNH - KHỞI ĐẦU CHƯƠNG MỚI

Năm 2025 không chỉ ghi dấu ấn đặc biệt trong hoạt động của VPS mà còn là hành trình của những điểm chạm cảm xúc và sự kết nối bền chặt. Với VPS, mỗi sự kiện tổ chức là một cơ hội được gặp gỡ, chia sẻ những tâm nhìn và là cơ hội để gắn kết bền chặt với cộng đồng nhà đầu tư, đối tác - những người đã gửi trọn niềm tin và song hành cùng Công ty.

*Kế thừa di sản 19 năm bền bỉ kiến tạo những dấu ấn khác biệt, với nền tảng nội tại vững chắc và chiến lược tăng trưởng bài bản, VPS bước vào năm 2026 bằng tâm thế tự tin, hứng khởi, sẵn sàng chạm tới cột mốc ý nghĩa - 20 năm hình thành và phát triển. Trên hành trình ấy, VPS luôn trân quý từng khoảnh khắc đồng hành của Quý khách hàng, đối tác, cán bộ nhân viên, cổ đông và toàn thể xã hội. Chính sự tin yêu và gắn bó đó là nguồn cảm hứng để VPS tiếp tục bứt phá, khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường tài chính Việt Nam và vươn xa hơn nữa trong tương lai.*

### Chuỗi livestream và khóa học đầu tư miễn phí dành cho cộng đồng

VPS mang đến chuỗi livestream và khóa học đầu tư miễn phí dành cho cộng đồng, nơi nhà đầu tư có thể cập nhật nhanh diễn biến thị trường, lắng nghe phân tích chuyên sâu từ các chuyên gia và tiếp cận kiến thức đầu tư bài bản theo từng cấp độ. Các chương trình được thiết kế dễ hiểu, thực tiễn và bám sát nhu cầu thị trường, giúp người tham gia nâng cao tư duy đầu tư, QTRR hiệu quả và tự tin hơn trên hành trình chinh phục cơ hội tài chính.



### Ra mắt VPS SmartOne Web Nền tảng giao dịch chứng khoán thế hệ mới

Sở hữu hạ tầng công nghệ thông tin vững mạnh, đảm bảo sự ổn định cho nhu cầu giao dịch hiện tại và sự tăng trưởng của thị trường trong tương lai, VPS chính thức ra mắt VPS SmartOne Web - Nền tảng giao dịch chứng khoán thế hệ mới với nhiều cải tiến vượt trội, hỗ trợ các nhà đầu tư phân tích và đưa ra quyết định một cách chính xác.



Phiên bản mới VPS SmartOne Web với những điểm nổi bật: Thông tin chuyên sâu hỗ trợ nhà đầu tư; Dữ liệu thị trường cập nhật liên tục; Bộ công cụ toàn diện và vượt trội; Tích hợp trong một nền tảng duy nhất; Cá nhân hóa trải nghiệm.

### Chuyển địa điểm mới của PGD Sài Gòn

PGD Sài Gòn được chuyển đến và khai trương tại Lot 4.1, tầng 4, tòa nhà Leman Luxury Apartments, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là bước tiến đổi mới nhằm mang đến không gian trải nghiệm hiện đại và dịch vụ tài chính chuyên nghiệp hơn tới với nhà đầu tư tại thị trường năng động nhất cả nước.



### Sự kiện “VPS - The Next Chapter”

Sự kiện “VPS - The Next Chapter” đã viết tiếp chương mới cho hành trình phát triển với những chiến lược đột phá. Tại sự kiện, VPS đã chia sẻ với các nhà đầu tư, đối tác, đồng nghiệp môi giới về tầm nhìn chiến lược, kế hoạch chinh phục các cơ hội tăng trưởng tiềm năng trong tương lai và đồng hành bền vững cùng VPS.



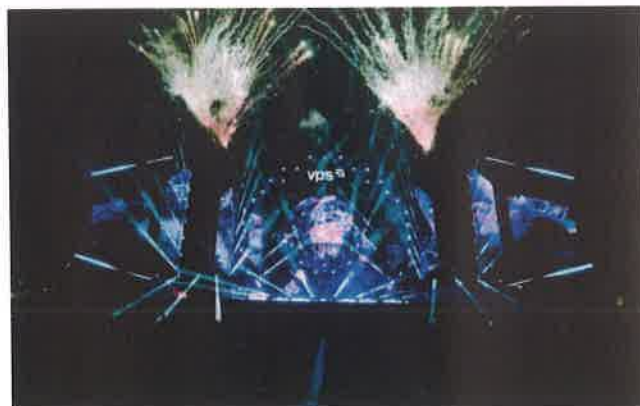
### Cổ phiếu VCK của Chứng khoán VPS chính thức niêm yết trên HSX

Lễ trao Quyết định niêm yết cho VPS (mã chứng khoán VCK) đánh dấu việc VPS hoàn tất quá trình niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán lớn nhất Việt Nam, qua đó mở ra giai đoạn hoạt động mới với các yêu cầu cao hơn về chuẩn mực hoạt động kinh doanh, công bố thông tin, quản trị doanh nghiệp và minh bạch tài chính.



### VPS Festival - The Next Chapter

Sự kiện nội bộ VPS Festival - The Next Chapter, được tổ chức bởi VPS với sự đồng hành của Ravolution Asia - nền tảng lễ hội âm nhạc hàng đầu châu Á, là món quà tinh thần đặc biệt thay lời tri ân gửi đến toàn thể CBNV VPS - những người đã và đang đóng góp trên từng bước tiến của VPS.



## Lợi thế cạnh tranh cốt lõi của VPS

1

### Dẫn đầu thị phần bán lẻ

Vị thế để tiếp tục nắm bắt cơ hội tăng trưởng khách hàng trong tương lai

2

### Dịch vụ môi giới hàng đầu

Đa kênh tiếp cận khách hàng, mang lại trải nghiệm toàn diện cho nhà đầu tư

3

### Công nghệ dẫn dắt

Khả năng mở rộng mạnh mẽ, hiệu quả vượt trội

4

### Dịch vụ ngân hàng đầu tư toàn diện

Từ khởi tạo đến thực thi, đáp ứng mọi nhu cầu về vốn

5

### Lợi nhuận bền vững

Được bảo chứng bởi mô hình kinh doanh có khả năng mở rộng, cùng cơ cấu chi phí tối ưu

6

### Khung quản trị rủi ro toàn diện

Đảm bảo sự vững vàng và ổn định trước những biến động thị trường

7

### Hệ thống quản trị minh bạch & vững chắc

Với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm





## Lịch sử hình thành và phát triển

**2006**

Ngày 20/12/2006, tiền thân của VPS là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng thương mại cổ phần các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam được Chủ tịch UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh số 30/UBCK-GPHDKD

Vốn chủ sở hữu

**50 tỷ đồng**

**2016**

Thành lập đội ngũ phát triển CNTT nội bộ

Vốn chủ sở hữu

**1.126 tỷ đồng**

**2019**

VPS đổi nhận diện thương hiệu

Ra mắt ứng dụng VPS SmartPro

Vốn chủ sở hữu

**4.624 tỷ đồng**

**2015**

Tái cấu trúc và chuyển đổi mô hình sang CTCP

Vốn chủ sở hữu

**1.018 tỷ đồng**

**2018**

Ra mắt ứng dụng VPS SmartOne

Vốn chủ sở hữu

**4.271 tỷ đồng**

## 2021

Giữ vị trí số 1 về thị phần trên HSX, HNX, UPCOM và Phái sinh

Vốn chủ sở hữu

7.820 tỷ đồng

## 2024

VPS đổi nhận diện thương hiệu

Lợi nhuận sau thuế đạt 2.519 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

11.363 tỷ đồng

## 2020

Dẫn đầu thị phần trên HNX, UPCOM và Phái sinh (Quý 4/2020)

Là CTCK nội địa tiên phong triển khai eKYC trước giai đoạn Covid

Vốn chủ sở hữu

4.975 tỷ đồng

## 2023

Đạt 1,2 triệu tài khoản giao dịch

Tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu trên HSX, HNX, UPCOM và Phái sinh

Vốn chủ sở hữu

8.993 tỷ đồng

## 2025

Đạt hơn 1,6 triệu tài khoản giao dịch

Ngày 19/10/2025, VPS chính thức ra mắt VPS SmartOne Web - Nền tảng giao dịch chứng khoán thể hệ mới

Ngày 01/12/2025, cổ phiếu của VPS được chấp thuận niêm yết tại HSX

Lợi nhuận sau thuế đạt 3.579 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

28.835 tỷ đồng

## Ngành nghề và mạng lưới kinh doanh

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.



## Mạng lưới kinh doanh



### Hà Nội

#### Trụ sở chính:

Số 88 Trần Thủ Độ, Phường Yên Sở, TP. Hà Nội<sup>(4)</sup>

#### PGD Đông Đô:

Số 35 phố Thi Sách, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

#### PGD Thăng Long:

Tầng 3, Tầng 4, Tầng 5, Tầng 6, Tầng 7, Tầng 8, Tầng 9, Tầng 10 - Số 08 Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

### Đà Nẵng

#### Chi nhánh Đà Nẵng:

112 Phan Châu Trinh, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng

### Thành phố Hồ Chí Minh

#### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

L26.01, Tầng 26, Tháp A, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng, Số 15, Đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh

#### PGD Sài Gòn:

Lot 4.1, Tầng 4, Tòa nhà Leman Luxury Apartments, Số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

<sup>(4)</sup> Trong năm 2025, VPS có địa chỉ trụ sở chính tại: Khu văn phòng số 65 Phố Cẩm Hội, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

# CHƯƠNG II

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

|                                                                 |    |
|-----------------------------------------------------------------|----|
| Thông điệp từ Tổng Giám đốc                                     | 28 |
| Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025                         | 30 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh                            | 30 |
| Tình hình tài chính                                             | 33 |
| Chi tiết các hoạt động kinh doanh trong năm                     | 37 |
| Tình hình đầu tư, thực hiện dự án                               | 39 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu              | 40 |
| Tổ chức và nhân sự                                              | 43 |
| Cơ cấu tổ chức                                                  | 43 |
| Nhân sự chủ chốt                                                | 44 |
| Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động          | 46 |
| Văn hoá doanh nghiệp                                            | 48 |
| Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty | 50 |
| Tác động đối với môi trường                                     | 50 |
| Tác động đối với xã hội                                         | 52 |



## Thông điệp từ Tổng Giám đốc



*Bước vào giai đoạn phát triển mới của thị trường, VPS nhận thức rõ rằng chuẩn mực vận hành của doanh nghiệp đang thay đổi một cách căn bản. Minh bạch thông tin, với chúng tôi, không chỉ là yêu cầu tuân thủ, mà là nền tảng để xây dựng niềm tin dài hạn với cổ đông và thị trường. Trên cơ sở đó, VPS tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo thông lệ quốc tế, chuẩn hóa quy trình công bố thông tin, nâng cao vai trò của các ủy ban độc lập và tăng cường năng lực quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo minh bạch đi vào thực chất và gắn liền với hiệu quả vận hành.*

**Ông Lê Minh Tài**  
Tổng Giám đốc



**Kính gửi Quý Cổ đông,**

**Quý Khách hàng và Quý Đối tác,**

Năm 2025 khép lại với nhiều biến động mang tính tái cân bằng của kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu, qua đó tạo tiền đề cho những chuyển động tái cấu trúc sâu sắc và dài hạn của thị trường vốn Việt Nam. Trong bối cảnh đó, những thay đổi mang tính cấu trúc đang dần làm rõ sự khác biệt giữa tăng trưởng dựa trên nền tảng thực chất và những mô hình phát triển mang tính ngắn hạn. Theo đó, VPS tiếp tục kiên định với con đường phát triển dựa trên kỷ luật vận hành, nền tảng tài chính vững chắc và tầm nhìn dài hạn, thay vì chạy theo những nhịp tăng trưởng mang tính chu kỳ.

Nhìn lại bức tranh thị trường năm 2025, có thể thấy rõ ba xu hướng lớn đang định hình lại cách thức vận hành của thị trường vốn. Thứ nhất, quá trình điều chỉnh định giá không chỉ mang tính kỹ thuật, mà còn phản ánh sự tái phân bổ dòng vốn theo hướng ưu tiên các doanh nghiệp có nền tảng thực chất, quản trị minh bạch và mô hình kinh doanh bền vững. Thứ hai, dòng tiền đầu tư ngày càng trở nên chọn lọc và kỷ luật hơn, khi trọng tâm dịch

chuyển từ tăng trưởng ngắn hạn sang khả năng tạo giá trị ổn định và quản trị rủi ro. Và cuối cùng, quan trọng hơn cả, là nền tảng cho một chu kỳ phát triển mới đang dần được hình thành, với niềm tin thị trường từng bước được củng cố và các chuẩn mực vận hành được nâng cao theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế.

Từ những chuyển dịch về chất lượng và chuẩn mực vận hành của thị trường, VPS ghi nhận những kết quả kinh doanh tích cực và có chiều sâu. Kết thúc năm 2025, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế hơn 4.471 tỷ đồng, vượt 2,2% kế hoạch được thông qua; lợi nhuận sau thuế đạt 3.579 tỷ đồng, tăng trưởng 42% so với năm trước. Doanh thu và thu nhập hoạt động đạt 8.261 tỷ đồng, phản ánh sự tăng trưởng đồng đều trên các mảng hoạt động cốt lõi.

Song song với kết quả kinh doanh, VPS tiếp tục duy trì nền tảng tài chính vững chắc. Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 48.402 tỷ đồng, trong khi vốn chủ sở hữu đạt 28.835 tỷ đồng, tạo dư địa an toàn cho các kế hoạch phát triển trung và dài

hạn. Trên nền tảng đó, chỉ số ROE của VPS đạt hơn 26%, thuộc nhóm cao nhất trong ngành chứng khoán Việt Nam, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn, kỷ luật trong quản trị rủi ro và khả năng chuyển hóa chiến lược thành kết quả cụ thể.

Trong cơ cấu hoạt động, mảng môi giới và cho vay ký quỹ tiếp tục đóng vai trò trụ cột, phản ánh năng lực phục vụ khách hàng và vị thế của VPS trên thị trường. Dư nợ cho vay ký quỹ trong năm 2025 tăng trưởng gần 81% so với năm trước, đạt hơn 22.083 tỷ đồng, đi kèm với việc tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro, nâng cao tiêu chuẩn kiểm soát và giám sát danh mục, nhằm đảm bảo tăng trưởng quy mô luôn gắn liền với an toàn hệ thống.

Bước vào giai đoạn phát triển mới của thị trường, VPS nhận thức rõ rằng chuẩn mực vận hành của doanh nghiệp đang thay đổi một cách căn bản. Minh bạch thông tin, với chúng tôi, không chỉ là yêu cầu tuân thủ, mà là nền tảng để xây dựng niềm tin dài hạn với cổ đông và thị trường. Trên cơ sở đó, VPS tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo

thông lệ quốc tế, chuẩn hóa quy trình công bố thông tin, nâng cao vai trò của các ủy ban độc lập và tăng cường năng lực quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo minh bạch đi vào thực chất và gắn liền với hiệu quả vận hành.

Cùng với việc nâng cao chuẩn mực quản trị, chiến lược cạnh tranh của VPS tập trung vào chất lượng dịch vụ, năng lực tư vấn và trải nghiệm khách hàng toàn diện. Chúng tôi tin rằng, trong một thị trường ngày càng trưởng thành, lợi thế cạnh tranh bền vững không đến từ việc mở rộng thiếu chọn lọc, mà từ khả năng đồng hành dài hạn và tạo giá trị thực cho nhà đầu tư.

Gắn với các chuẩn mực vận hành đã xác lập, công nghệ và dữ liệu trở thành công cụ quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ khách hàng. Với VPS, đầu tư cho công nghệ không nhằm theo đuổi xu hướng ngắn hạn, mà hướng tới việc củng cố năng lực vận hành một cách kỷ luật và bền vững.

Trong đó, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo được định hướng như một lớp năng lực hỗ trợ, nhằm hỗ trợ đội ngũ tư vấn trong việc sàng lọc cơ hội, cảnh báo rủi ro và cá nhân hóa giải pháp đầu tư. VPS không coi công nghệ là yếu tố thay thế con người, mà là công cụ giúp con người đưa ra quyết định tốt hơn, kỷ luật hơn và nhất quán hơn trong một môi trường đầu tư đòi hỏi chuẩn mực cao về quản trị và chất lượng ra quyết định.

Mô hình mà VPS theo đuổi là sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ và con người, trong đó mỗi yếu tố phát huy thế mạnh riêng để cùng hướng tới mục tiêu chung: nâng cao chất lượng tư vấn, tăng cường quản trị rủi ro và tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng trong dài hạn.

Nhìn về phía trước, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam hướng tới nâng hạng và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, yêu cầu đặt ra đối với các công ty chứng khoán không chỉ nằm ở quy mô vốn, mà quan trọng hơn là chất lượng vận hành, chuẩn mực quản trị và khả năng đồng hành dài hạn với nhà đầu tư. VPS lựa chọn cách tiếp cận thận trọng nhưng chủ động, tập trung đầu tư cho hạ tầng công nghệ, hoàn thiện khung quản trị rủi ro và nâng cao năng lực tư vấn, nhằm tạo nền tảng phát triển bền vững trong các giai đoạn tiếp theo của thị trường.

Tầm nhìn đến năm 2030 của chúng tôi không chỉ dừng lại ở quy mô hay thị phần, mà là việc góp phần xây dựng một thị trường vốn Việt Nam phát triển có chiều sâu, minh bạch và hiệu quả hơn. Khi đó, thị trường chứng khoán sẽ thực sự trở thành kênh dẫn vốn trung và dài hạn quan trọng của nền kinh tế, và Việt Nam có thể được nhìn nhận như một thị trường mới nổi có chất lượng cao trong khu vực.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 là thành quả của sự đồng hành và tin tưởng từ Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên VPS. Thay mặt VPS, tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ quý báu đó, và cam kết rằng VPS sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, minh bạch và hướng tới giá trị dài hạn cho tất cả các bên liên quan.



**Lê Minh Tài**

Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS



# Vượt trội và Khác biệt cùng VPS

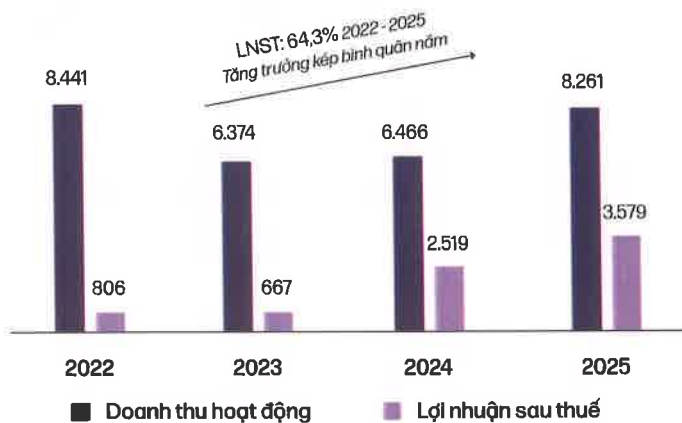
## Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025

### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Trong bối cảnh TTCK Việt Nam năm 2025 đứng trước nhiều cơ hội và thách thức, VPS ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, vượt kế hoạch lợi nhuận năm đã được phê duyệt, đồng thời duy trì các chỉ số hiệu quả sinh lời thuộc nhóm dẫn đầu thị trường.

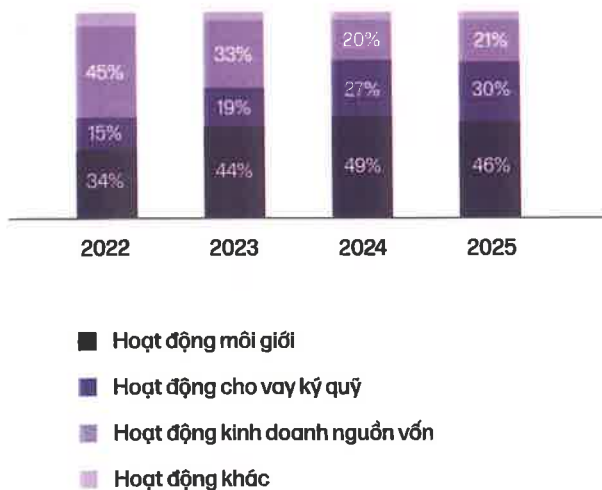
Tổng doanh thu hoạt động đạt 8.261 tỷ đồng, tăng 27,7% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 4.471 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 3.579 tỷ đồng tăng trưởng 42,1% so với năm 2024 và hoàn thành 102,2% kế hoạch năm 2025.

Kết quả kinh doanh VPS từ năm 2022 - 2025 (tỷ đồng)



Với nền tảng vững chắc từ các hoạt động kinh doanh cốt lõi bao gồm Môi giới chứng khoán và Cho vay ký quỹ, VPS thiết lập một mô hình tăng trưởng ổn định và có tính bền vững cao. Doanh thu từ các hoạt động này chiếm đến hơn 76% tổng doanh thu năm 2025 của Công ty.

Cơ cấu doanh thu theo năm



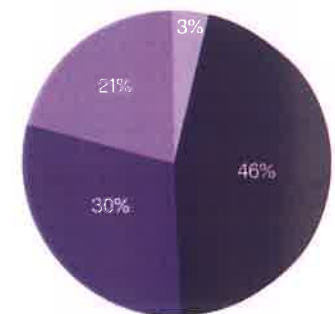
• Doanh thu hoạt động  
**8.261 tỷ đồng**

• Lợi nhuận trước thuế  
**4.471 tỷ đồng**

• Lợi nhuận sau thuế  
**3.579 tỷ đồng**

• ROE  
**26,1%**

Cơ cấu doanh thu năm 2025



■ Hoạt động môi giới  
■ Hoạt động cho vay ký quỹ  
■ Hoạt động kinh doanh nguồn vốn  
■ Hoạt động khác

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2024     | Năm 2025     | % Tăng giảm  |
|------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                    | <b>6.466</b> | <b>8.261</b> | <b>27,7%</b> |
| Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 3.187        | 3.770        | 18,3%        |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu     | 1.763        | 2.504        | 42,1%        |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính     | 61           | 139          | 126,7%       |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán             | 70           | 46           | -34,0%       |
| Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn | 1.289        | 1.694        | 31,4%        |
| Doanh thu hoạt động khác                 | 97           | 107          | 10,3%        |
| <b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>      | <b>2.902</b> | <b>3.322</b> | <b>14,5%</b> |
| Lợi nhuận gộp                            | 3.564        | 4.939        | 38,6%        |
| Kết quả hoạt động tài chính              | 28           | 66           | 136,0%       |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 438          | 540          | 23,1%        |
| <b>Lợi nhuận thuần</b>                   | <b>3.154</b> | <b>4.465</b> | <b>41,6%</b> |
| Kết quả từ các hoạt động khác            | (1)          | 6            | N/A          |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> | <b>3.154</b> | <b>4.471</b> | <b>41,8%</b> |
| Chi phí thuế TNDN                        | 635          | 893          | 40,6%        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>           | <b>2.519</b> | <b>3.579</b> | <b>42,1%</b> |

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng trong kết quả kinh doanh của các hoạt động môi giới chứng khoán, hoạt động cho vay ký quỹ, hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động tư vấn tài chính đồng thời chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí quản lý tăng theo quy mô hoạt động. Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2025 tăng 41,8% so với năm 2024, đạt mức hơn 4.471 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt mức trên 3.579 tỷ đồng, tăng trưởng 42,1% so với năm 2024 và hoàn thành 102,2% so với kế hoạch năm.

- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt 3.770 tỷ đồng, tăng trưởng 18,3% so với năm 2024.

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu hoạt động với tỷ lệ lên đến 46% trong năm 2025 (cao nhất trong các mảng hoạt động kinh doanh), đạt tỷ lệ tăng trưởng kép bình quân năm (CAGR) xấp xỉ 10% cho giai đoạn 2022 - 2025.

Đây là kết quả của sự gia tăng mạnh mẽ khối lượng giao dịch năm 2025 so với năm 2024 cũng như nỗ lực của Công ty trong việc giữ vững vị thế thị phần dẫn đầu về giá trị giao dịch môi giới trên thị trường giao dịch chứng khoán Việt Nam, bao gồm thị trường cổ phiếu niêm yết, thị trường UPCOM và thị trường phái sinh.

Về thị trường cơ sở, Quý I.2021 là cột mốc đáng chú ý khi VPS lần đầu tiên chiếm vị trí dẫn đầu thị phần môi giới cổ phiếu trên cả HSX, HNX và UPCOM. Kể từ thời điểm đó đến nay, VPS giữ vững vị trí số 1 về thị phần trên tất cả các thị trường giao dịch chứng khoán cổ phiếu (niêm yết và UPCOM). Tính chung năm 2025, thị phần chứng khoán cơ sở của VPS tại các sàn giao dịch HSX 15,95%, HNX 19,49%, UPCOM 17,76%.

Về thị trường phái sinh, kể từ khi thị trường chứng khoán phái sinh bắt đầu hoạt động năm 2018, VPS đã là một trong những thành viên đầu tiên triển khai dịch vụ môi giới chứng khoán phái sinh và liên tục duy trì vị thế dẫn đầu với xấp xỉ 40-50% thị phần.

- Doanh thu hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước đạt 2.504 tỷ đồng, tăng trưởng 42,1% so với năm 2024. Số dư giải ngân cho vay ký quỹ đạt mức 22.083 tỷ đồng (tại 31/12/2025); tăng trưởng 80,9% so với thời điểm 31/12/2024. Hoạt động cho vay ký quỹ tăng trưởng mạnh mẽ theo tốc độ tăng trưởng của khối lượng giao dịch bùng nổ năm 2025.

Doanh thu hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước chiếm tỷ trọng 30% trong tổng doanh thu hoạt động năm, cùng với hoạt động môi giới là các động lực chính thúc đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh của VPS và cũng là nhân tố chính đóng góp vào tăng trưởng lợi nhuận của VPS. Tốc độ tăng trưởng ở mức ấn tượng khi có tỷ lệ CAGR xấp xỉ 27% cho giai đoạn 2022 - 2025.



Mặc dù quy mô cho vay ký quỹ tăng trưởng mạnh trong năm, hoạt động này tại VPS tiếp tục được quản trị chặt chẽ, đảm bảo an toàn hệ thống và khả năng kiểm soát rủi ro:

- Tài sản bảo đảm là cổ phiếu niêm yết, được Công ty quản lý và kiểm soát thường xuyên liên tục;
- Kỳ hạn cho vay chủ yếu là ngắn hạn, giúp giảm thiểu rủi ro biến động thị trường;
- Tỷ lệ cho vay trên giá trị chứng khoán được thiết lập ở mức hợp lý, đồng thời áp dụng giới hạn theo từng nhóm chứng khoán đáp ứng tiêu chuẩn quản trị rủi ro, qua đó kiểm soát thanh khoản tài sản bảo đảm và nâng cao khả năng thu hồi nợ.
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn đạt 1.694 tỷ đồng, tăng 31,4% so với năm 2024, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và năng lực điều phối nguồn vốn linh hoạt của Công ty.

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn của VPS chủ yếu là nghiệp vụ đầu tư các công cụ tài chính có lợi tức cố định, bao gồm nhưng không giới hạn ở trái phiếu các tổ chức tín dụng, trái phiếu Chính phủ và chứng chỉ tiền gửi nhằm tối ưu hóa lợi tức nguồn vốn hàng năm. Hoạt động đầu tư được thực hiện với nguyên tắc đầu tư thận trọng, bảo toàn vốn, tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư ở các công cụ tài chính có lợi tức cố định với mức rủi ro thấp. Hoạt động kinh doanh nguồn vốn của VPS hướng tới các mục tiêu sau:

- Quản lý danh mục đầu tư hiệu quả thông qua các hoạt động rà soát và đánh giá định kỳ;
- Quản trị thanh khoản hỗ trợ các hoạt động cốt lõi như cho vay ký quỹ và môi giới chứng khoán;
- Tăng cường giải ngân trên nguyên tắc thận trọng;
- Quản trị rủi ro hiệu quả, không phát sinh nợ xấu.

- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính đã tăng mạnh trở lại sau giai đoạn 2022 - 2023 với nhiều biến động trên thị trường trái phiếu, doanh thu đạt 139 tỷ đồng; tăng trưởng 126,7% so với năm 2024.

# Tình hình tài chính

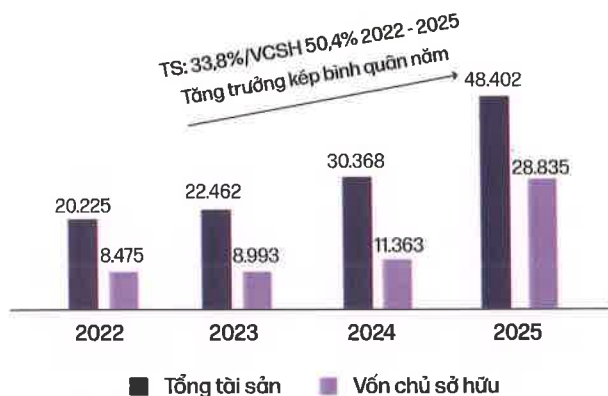
## Tình hình tài chính

VPS thực hiện xuyên suốt chiến lược phân bổ tài sản đầu tư vào các tài sản an toàn, có tính thanh khoản cao và mức sinh lời tốt. Đây là cơ sở nền tảng cho VPS đạt cấu trúc vốn vững chắc, hỗ trợ tối đa hoạt động cho vay kỳ quỹ cũng như kinh doanh nguồn vốn, tạo nguồn doanh thu ổn định, bền vững cho VPS.

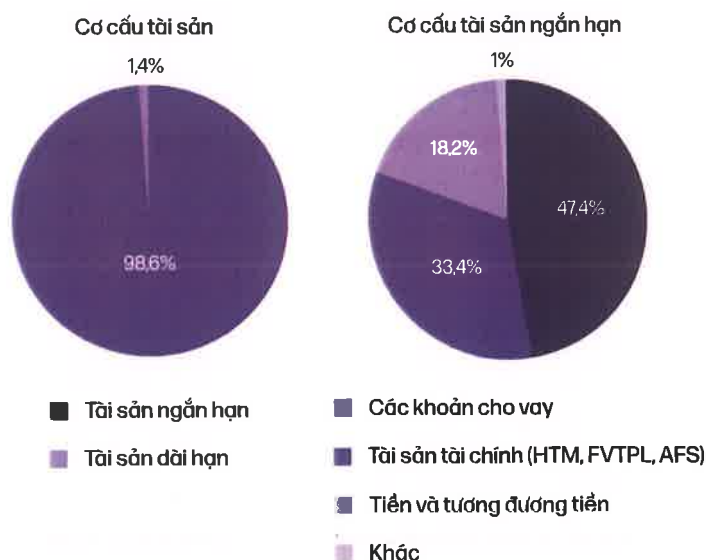
| Chỉ tiêu                                 | Năm 2024 | Năm 2025 | % Tăng giảm |
|------------------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng Giá trị Tài sản                     | 30.368   | 48.402   | 59,4%       |
| Tổng Doanh thu hoạt động                 | 6.466    | 8.261    | 27,7%       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh        | 3.154    | 4.465    | 41,6%       |
| Lợi nhuận khác                           | (1)      | 6        | N/A         |
| Lợi nhuận trước thuế                     | 3.154    | 4.471    | 41,8%       |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.519    | 3.579    | 42,1%       |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức               | 6%       | 0        | N/A         |

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu 2022 - 2025 (tỷ đồng)



Kết thúc năm 2025, tổng tài sản VPS đạt mức 48.402 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 28.835 tỷ đồng; tăng lần lượt 59,4% và 153,8% so với năm 2024; đưa VPS vào một trong những công ty dẫn đầu về quy mô vốn trong ngành chứng khoán.



| Chỉ tiêu                                                | Tại ngày 31/12/2024 | Tại ngày 31/12/2025 | % Tăng giảm   |
|---------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>                                 | <b>29.823</b>       | <b>47.711</b>       | <b>60,0%</b>  |
| Tài sản tài chính                                       | 29.796              | 47.692              | 60,1%         |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                      | 1.732               | 8.681               | 401,2%        |
| Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 8.079               | 7.295               | -9,7%         |
| Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)             | 7.075               | 3.666               | -48,2%        |
| Các khoản cho vay                                       | 12.493              | 22.596              | 80,9%         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)                 | -                   | 4.969               |               |
| Các khoản phải thu                                      | 382                 | 437                 | 14,6%         |
| Tài sản tài chính khác                                  | 35                  | 48                  | 36,9%         |
| Tài sản ngắn hạn khác                                   | 27                  | 18                  | -31,9%        |
| <b>Tài sản dài hạn</b>                                  | <b>545</b>          | <b>692</b>          | <b>27,0%</b>  |
| Tài sản tài chính dài hạn                               | 19                  | 97                  | 421,9%        |
| Tài sản cố định                                         | 426                 | 428                 | 0,7%          |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                         | 21                  | 26                  | 25,1%         |
| Tài sản dài hạn khác                                    | 80                  | 140                 | 75,3%         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                | <b>30.368</b>       | <b>48.402</b>       | <b>59,4%</b>  |
| <b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>                             | <b>19.005</b>       | <b>14.567</b>       | <b>-23,3%</b> |
| Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn               | 18.329              | 12.924              | -29,5%        |
| Nợ phải trả ngắn hạn khác                               | 676                 | 1.643               | 142,9%        |
| Nợ phải trả dài hạn                                     | -                   | 5.000               |               |
| Vốn chủ sở hữu                                          | 11.363              | 28.835              | 153,8%        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                              | <b>30.368</b>       | <b>48.402</b>       | <b>59,4%</b>  |

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Tại ngày 31/12/2025, tài sản ngắn hạn là nhân tố chủ đạo chiếm 98,6% Tổng tài sản, với giá trị đạt hơn 47.711 tỷ đồng, tăng 60,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Tiền và tương đương tiền tại ngày 31/12/2025 ở mức 8.681 tỷ đồng tăng gấp 5 lần so với thời điểm cùng kỳ 2024. Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng, sẵn sàng đảm bảo khả năng thanh khoản cho hoạt động kinh doanh, đồng thời góp phần đem lại doanh thu cho Công ty.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) tại thời điểm 31/12/2025 đạt mức 7.295 tỷ đồng, giảm 9,7% so với cuối năm 2024.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) ở mức 3.666 tỷ đồng, giảm 48,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tài sản sẵn sàng để bán (AFS) cuối năm ghi nhận số dư 4.969 tỷ đồng.

Đây là các nhóm tài sản an toàn, đem lại lợi nhuận ổn định và ít chịu ảnh hưởng bởi các biến động thị trường gồm: trái phiếu, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi...

Các khoản cho vay, bao gồm cho vay hoạt động ký quỹ và ứng trước tiền bán của khách hàng, ghi nhận tại ngày 31/12/2025 là 22.596 tỷ đồng (trong đó, số dư giải ngân cho vay hoạt động ký quỹ là 22.083 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản ngắn hạn (47,4%) và có mức tăng trưởng ấn tượng so với số dư tại thời điểm cuối năm 2024 (80,9%). Nguyên nhân khoản mục này tăng là do thị trường đã có sự hồi phục đáng kể, thanh khoản trung bình tăng trên 35% so với năm 2024. Dư địa mở rộng cho vay ký quỹ luôn là rất lớn khi cuối năm 2025 Công ty được bổ sung hơn 13.930 tỷ đồng huy động vốn từ hoạt động IPO và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư. Công ty bám sát các xu hướng biến động và nhu cầu thị trường, sẵn sàng nguồn lực để phục vụ nhu cầu nhà đầu tư trong hạn mức cho phép và trong phạm vi kiểm soát rủi ro.

Tài sản dài hạn ghi nhận ở mức 692 tỷ đồng, chiếm 1,4% tổng tài sản; tăng trưởng 27,0% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó 61,9% là nhóm tài sản cố định liên quan cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ của Công ty.



## Cơ cấu nguồn vốn

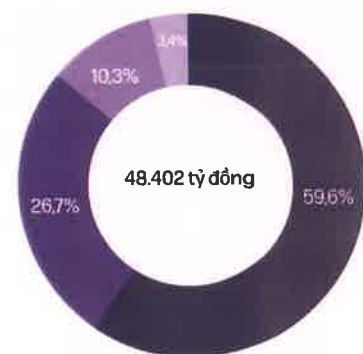
Hoạt động nguồn vốn đóng vai trò then chốt trong việc phân bổ hiệu quả nguồn lực, duy trì được một nền tảng tài sản an toàn, thanh khoản và tăng trưởng bền vững qua các năm, tạo động lực cho hoạt động kinh doanh của VPS đạt hiệu quả cao nhất.

Vốn chủ sở hữu của VPS tại ngày 31/12/2025 đạt mức 28.835 tỷ đồng, chiếm 59,6% tổng nguồn vốn và tăng trưởng 153,8% so với cùng kỳ năm 2024. Vốn điều lệ tại thời điểm cuối năm 2025 đạt mức 15.218 tỷ đồng, tăng trưởng 167,0% so với cùng kỳ năm 2024; đưa VPS trở thành một trong các công ty có vốn điều lệ lớn nhất trong số các CTCK đang niêm yết trên thị trường. Năm 2025, VPS có sự thay đổi lớn về vốn chủ sở hữu khi được bổ sung xấp xỉ 13.930 tỷ đồng từ hoạt động IPO và từ hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Cơ cấu nguồn vốn của VPS với nền tảng vốn chủ sở hữu là trọng tâm, đảm bảo sự bền vững trong hoạt động kinh doanh của VPS, tăng cường khả năng triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính đến khách hàng. Đặc biệt, nguồn vốn dồi dào giúp Công ty tối ưu hóa hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư với chi phí hợp lý, nâng cao hiệu quả cạnh tranh trên thị trường.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 ghi nhận ở mức 19.567 tỷ đồng, chiếm 40,4% tổng nguồn vốn. Phải trả ngắn hạn thời điểm cuối năm 2025 là 14.567 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu đến từ các khoản vay ngân hàng và các tổ chức ngắn hạn, với giá trị 12.924 tỷ đồng. Đây đều là những khoản vay từ các tổ chức lớn, có chi phí vốn vay và hạn mức được kiểm soát vay hợp lý; nhờ đó vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo các chỉ số an toàn tài chính.

Nợ dài hạn có giá trị xấp xỉ 5.000 tỷ đồng là nguồn trái phiếu phát hành dài hạn.



- Vốn chủ sở hữu
- Trái phiếu
- Vay ngắn hạn
- Nợ phải trả khác

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                                          | Tại ngày 31/12/2024 | Tại ngày 31/12/2025 |
|-------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:                                  |                     |                     |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn                       | 1,57                | 3,28                |
| Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn         | 1,57                | 3,28                |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:                                           |                     |                     |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                                             | 0,63                | 0,40                |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                                           | 1,67                | 0,68                |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:                                   |                     |                     |
| Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) |                     |                     |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                      | 0,27                | 0,24                |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:                                    |                     |                     |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                          | 36%                 | 38%                 |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                           | 25%                 | 26%                 |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                             | 10%                 | 10%                 |
| Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần           | 43%                 | 48%                 |

(Đơn vị tính: lần)



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Do nhóm tài sản tài chính tăng mạnh (60,1%), nợ phải trả giảm (23,3%) dẫn đến hệ số thanh toán nhanh tăng mạnh so với năm 2024. Đồng thời, tổng tài sản ngắn hạn trong năm 2025 cũng tăng trên 60% nên hệ số thanh toán ngắn hạn tăng tương ứng so với năm 2024. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ở mức an toàn cao.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Tỷ trọng vốn chủ sở hữu năm 2025 tăng mạnh so với năm 2024 do ảnh hưởng chính của vốn chủ tăng cao từ hoạt động huy động vốn qua IPO, phát hành cổ phiếu riêng lẻ và một phần kết quả lợi nhuận của năm 2025.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Trong năm 2025, doanh thu hoạt động tăng nhanh hơn so với tăng trưởng tài sản bình quân dẫn tới hệ số doanh thu hoạt động trên tài sản bình quân tăng nhẹ so với năm 2024.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Trong năm 2025, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 42,1% đạt 3.579 tỷ đồng. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động tăng cho thấy khả năng kiểm soát chi phí tốt. ROE vẫn giữ đã tăng mặc dù vốn chủ sở hữu mạnh trong năm chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn chủ ngày càng được nâng cao. Tuy ROA duy trì tương đương năm trước, hoạt động khai thác tài sản để tạo lợi nhuận của Công ty vẫn ở mức hiệu quả. Chỉ số ROE, ROA của VPS luôn thuộc nhóm các công ty có hiệu quả cao nhất trong ngành chứng khoán.

## Chi tiết các hoạt động kinh doanh trong năm

### Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán

Sở hữu đội ngũ nhân sự gồm nhiều chuyên gia giàu kinh nghiệm, VPS khẳng định vị thế hàng đầu về dịch vụ môi giới chứng khoán trên TTCK Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu phát triển, VPS luôn tập trung đầu tư vào hệ thống CNTT hiện đại, nhằm kiểm soát chặt chẽ và thúc đẩy việc kết nối giao dịch trực tuyến với HNX và HSX. Bên cạnh đó, VPS cũng cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến và giao dịch qua điện thoại cho khách hàng, cùng với các tiện ích linh hoạt khác, giúp nhà đầu tư nhanh chóng cập nhật thông tin và thực hiện giao dịch kịp thời, chính xác. Các ứng dụng do VPS phát triển được đảm bảo giao dịch an toàn, bảo mật, liên tục và không gián đoạn. Đồng thời, các ứng dụng này liên tục được nâng cấp các tính năng và trải nghiệm người dùng. Với các ưu điểm nổi bật về tốc độ, sự ổn định, khả năng cập nhật nhanh chóng của các ứng dụng trên, VPS đã giữ vững thị phần số 1 Việt Nam về giá trị giao dịch môi giới trên TTCK Việt Nam từ Quý I/2021 đến nay, bao gồm thị trường cổ phiếu niêm yết, thị trường UPCOM và thị trường phái sinh.

Tính chung năm 2025, thị phần chứng khoán cơ sở sàn giao dịch HSX 15,95%; HNX 19,49%; UPCOM 17,76%.

### VPS có hệ thống môi giới khách hàng dẫn đầu thị trường, sở hữu lợi thế vượt trội để nắm bắt đà tăng trưởng trong tương lai

Công ty định hướng chiến lược xuyên suốt, tập trung xây dựng tệp khách hàng cá nhân với tỷ lệ lớn nhất và giao dịch tích cực nhất trên thị trường. Đáng chú ý, tổng số tài khoản khách hàng đã tăng từ 71.000 tài khoản vào cuối năm 2019 lên hơn 1,6 triệu tài khoản vào cuối năm 2025 (tăng hơn 22 lần và cũng chiếm khoảng 13,6% trong tổng số trên 10 triệu tài khoản của Việt Nam), tương ứng với tốc độ tăng trưởng kép lên đến trên 80%/năm. Tệp khách hàng quy mô lớn còn được khẳng định thông qua các dữ liệu tài chính như: 16.814 tỷ tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý tại thời điểm 31/12/2025.

TTCK Việt Nam có cấu trúc lấy bán lẻ làm trung tâm, với số lượng nhà đầu tư cá nhân chiếm đến hơn 99% tổng số giao dịch thị trường. Trong năm 2025, hơn 90% giá trị giao dịch của VPS đối với chứng khoán niêm yết đến từ các nhà đầu tư cá nhân; với thị trường phái sinh nhà đầu tư cá nhân cũng chiếm đến hơn 78% số lượng hợp đồng giao dịch. Động lực này giúp tăng cường lợi thế cạnh tranh của VPS khi tập trung vào môi giới bán lẻ, nền tảng của chúng tôi nhờ đó cũng là sự lựa chọn ưu tiên của nhà đầu tư cá nhân khi tham gia vào thị trường.

### Hoạt động kinh doanh cốt lõi của VPS bao gồm các nghiệp vụ sau:

- Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán
- Cho vay ký quỹ
- Kinh doanh nguồn vốn
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

### VPS cung cấp dịch vụ môi giới tốt nhất với khả năng tiếp cận đa kênh

VPS dẫn đầu hoạt động môi giới chứng khoán tại Việt Nam với lực lượng tư vấn đầu tư lớn nhất thị trường, cho phép chúng tôi tiếp cận được số lượng lớn nhà đầu tư cá nhân và duy trì được tệp khách hàng ổn định, củng cố vị thế là nhà môi giới chứng khoán bán lẻ số 1 tại Việt Nam.

Mạng lưới tư vấn của VPS hoạt động linh hoạt và có tính tự chủ cao, tư vấn chiến lược đầu tư linh hoạt theo khẩu vị rủi ro và phong cách của khách hàng và được khuyến khích dựa trên chính sách hoa hồng minh bạch, hấp dẫn. Đồng thời, đội ngũ tư vấn cũng được hỗ trợ mạnh mẽ bởi các công cụ quản lý, áp dụng công nghệ trong hoạt động tư vấn, nâng cao hiệu suất công việc và đảm bảo khả năng kiểm soát rủi ro trong giao dịch. Với tỷ lệ giữ chân khách hàng cao, VPS duy trì doanh thu ổn định từ mảng môi giới và duy trì lòng tin của khách hàng.

Với động lực là đội ngũ tư vấn khách hàng chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo cùng đội ngũ chuyên gia uy tín trên thị trường, năm 2025, VPS đã duy trì tổ chức chuỗi livestream nhận định thị trường hàng ngày, đẩy mạnh mức độ tiếp cận được với số lượng khách hàng lớn hơn và xây dựng được lòng tin với cộng đồng nhà đầu tư mới.

Năm 2025, trang fanpage chính thức của VPS đạt 36 triệu lượt tiếp cận và hơn 7,5 triệu lượt tương tác nội dung, trong khi tài khoản YouTube cũng ghi nhận đến gần 5 triệu lượt hiển thị và hơn 1,3 triệu lượt xem. Phạm vi tiếp cận trên mạng xã hội không chỉ làm gia tăng khả năng hiển thị mà còn thúc đẩy sự tương tác, kết nối với lớp nhà đầu tư trẻ, am hiểu công nghệ của Việt Nam để xây dựng được tệp khách hàng bền vững trong tương lai.

Hệ thống công nghệ mạnh mẽ giúp quá trình từ khâu tiếp xúc khách hàng đến khi khách hàng đăng ký tài khoản thành công được diễn ra một cách liền mạch, nhanh chóng và thuận tiện cho khách hàng. Điều này cũng giúp VPS là lựa chọn hàng đầu không chỉ cho khách hàng mà còn của các nhà môi giới chứng khoán trên thị trường.

## Cho vay ký quỹ

Là một mảng dịch vụ cốt lõi của VPS với dư nợ đạt tăng trưởng tốt ở giai đoạn năm 2022 - 2025 vừa qua, thúc đẩy doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu tăng trưởng vượt trội từ 1.235 tỷ đồng trong năm 2022 lên 2.504 tỷ đồng trong năm 2025 (tăng 102,7%). Dư nợ cho vay ký quỹ cũng đạt con số lớn nhất trong suốt giai đoạn là 22.083 tỷ đồng (gấp 3,7 lần so với cuối năm 2022). Đây là hoạt động cốt lõi đóng góp lớn vào kết quả lợi nhuận của Công ty trong hiện tại và tương lai.

Ngay từ những giai đoạn đầu hoạt động, VPS tập trung đẩy mạnh mảng cho vay ký quỹ trên cơ sở kiểm soát tốt các rủi ro bằng cách chọn lọc kỹ rủi chứng khoán cho vay ký quỹ, tập trung cho vay các mã với giá trị vốn hóa lớn và thanh khoản cao, tỷ lệ cho vay ký quỹ an toàn...

Đặc biệt, dư địa mở rộng cho vay ký quỹ của VPS là rất lớn khi cuối năm 2025, Công ty được bổ sung hơn 13.930 tỷ đồng huy động vốn từ hoạt động IPO và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư. Công ty bám sát các xu hướng biến động và nhu cầu thị trường, sẵn sàng nguồn lực để phục vụ nhu cầu nhà đầu tư trong hạn mức cho phép và trong phạm vi kiểm soát rủi ro.

## Kinh doanh nguồn vốn

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn tại VPS chủ yếu là nghiệp vụ đầu tư các công cụ tài chính có lợi tức cố định, bao gồm nhưng không giới hạn ở trái phiếu các tổ chức tín dụng, trái phiếu Chính phủ và chứng chỉ tiền gửi nhằm tối ưu hóa lợi tức nguồn vốn hàng năm. Hoạt động đầu tư được thực hiện với nguyên tắc đầu tư thận trọng, bảo toàn vốn, tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư ở các công cụ tài chính có lợi tức cố định với mức rủi ro thấp. VPS hướng tới các mục tiêu sau:

- Tối ưu hóa nguồn vốn nhân rồi trong khi duy trì tối đa khả năng thanh khoản đáp ứng nhu cầu hoạt động cho vay ký quỹ;
- Quản lý danh mục đầu tư hiệu quả thông qua các hoạt động rà soát và đánh giá định kỳ;
- Tăng cường giải ngân trên nguyên tắc thận trọng;
- Quản trị rủi ro hiệu quả.

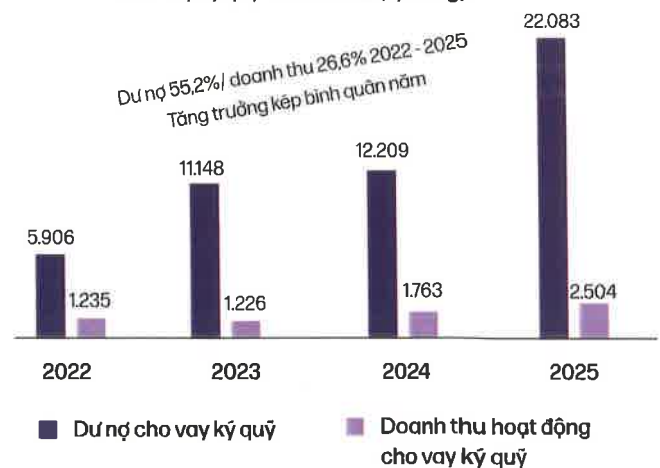
## Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán là thế mạnh vượt trội của VPS, cung cấp đa dạng các dịch vụ theo quy định tại Luật Chứng Khoán như dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.

Trong các năm qua, Công ty đã thực hiện tư vấn cho hàng loạt khách hàng là các doanh nghiệp hàng đầu có tiềm lực tài chính mạnh tại thị trường Việt Nam. Các giao dịch đã thực hiện bởi VPS được đánh giá cao không chỉ bởi quy mô lớn và có thể hiện qua tiến độ thực hiện nhanh chóng, chất lượng dịch vụ cao cấp đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

VPS luôn nỗ lực để thấu hiểu và đáp ứng nhu cầu khách hàng, dần trở thành đối tác tin cậy của nhiều doanh nghiệp. Sự thành công này được gây dựng từ những thế mạnh đặc thù của VPS:

Dư nợ và doanh thu hoạt động cho vay ký quỹ 2022 - 2025 (tỷ đồng)



- **Khách hàng là nền tảng:** Đặt lợi ích khách hàng làm nền tảng trung tâm của hoạt động tư vấn, VPS cam kết mang đến các dịch vụ toàn diện, giúp tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp của khách hàng;

- **Nhân sự nhiều kinh nghiệm:** Đội ngũ tư vấn bao gồm các chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản trong nước và quốc tế;

- **Mạng lưới nhà đầu tư rộng khắp:** VPS sở hữu một mạng lưới quan hệ hợp tác chặt chẽ với các định chế tài chính uy tín trong nước cũng như quốc tế, tạo điều kiện cho các giao dịch do VPS tham gia tư vấn luôn có một cơ cấu sở hữu đa dạng, hài hòa được lợi ích của các bên và đem lại giá trị tối ưu cho doanh nghiệp;

- **Cơ sở dữ liệu khách hàng dồi dào:** Đối với từng đối tượng khách hàng, VPS đang từng bước hệ thống hóa cơ sở dữ liệu khách hàng, xác định cho mình các khách hàng mục tiêu, nhận diện tốt từng đối tượng khách hàng và tiếp cận khách hàng một cách hiệu quả, mở ra các mối quan hệ lâu dài, bền vững.

**Hoạt động chủ đạo đem lại doanh thu cho VPS trong nghiệp vụ này bao gồm ba mảng chính:**

- Dịch vụ tư vấn phát hành công cụ nợ;
- Dịch vụ tư vấn phát hành công cụ vốn;
- Dịch vụ tư vấn mua bán và sáp nhập.

# Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

## Tình hình đầu tư trong năm

Trong năm 2025, VPS tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT như: các giải pháp công nghệ mới trong hệ thống quản lý doanh nghiệp, ứng dụng di động, hệ thống bảo mật thông tin. Ngoài ra, Công ty cũng đang thực hiện đầu tư nghiên cứu nhằm sẵn sàng ứng dụng các công nghệ điện toán đám mây và AI.

### Mô hình kinh doanh lấy công nghệ làm trọng tâm giúp thúc đẩy khả năng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động

VPS vận hành mô hình kinh doanh được hỗ trợ bởi công nghệ, kết hợp giữa cơ sở hạ tầng vững chắc và sự đổi mới liên tục nhằm cung cấp nền tảng bền vững cho sự tăng trưởng bền vững. Cách tiếp cận ưu tiên công nghệ mang lại khả năng mở rộng nhanh chóng và hiệu quả, đồng thời duy trì được tốc độ, sự ổn định và bảo mật ngay cả trong những thời điểm thị trường bùng nổ giao dịch. Mục tiêu của Công ty là xây dựng một hệ sinh thái kỹ thuật số thống nhất cho các dịch vụ đầu tư nhằm thúc đẩy thu hút, tương tác và giữ chân khách hàng.

Công ty đã chứng minh được năng lực công nghệ khi xử lý lên tới hơn 1 triệu giao dịch mỗi ngày, với khả năng mở rộng tích hợp có thể đáp ứng nhu cầu lên tới 3 triệu giao dịch mỗi ngày. Năng lực này tạo dư địa lớn cho sự tăng trưởng, cho phép Công ty hỗ trợ các hoạt động giao dịch hiện tại, tiếp tục mở rộng khách hàng và giao dịch mới mà không làm phát sinh thêm chi phí công nghệ. Nền tảng của VPS là một nền tảng thống nhất tạo ra đòn bẩy cho hoạt động, giúp củng cố hiệu quả chi phí và thúc đẩy hiệu quả sử dụng vốn (ROE).

Song song đó, VPS xây dựng một hệ thống vận hành tốc độ cao được hỗ trợ bởi các cơ chế cân bằng tải tiên tiến để mang lại khả năng thực thi ổn định với độ trễ thấp. Khả năng thực tế trong việc xử lý khoảng 1 triệu giao dịch trên mỗi ngày mà không xảy ra sự cố là minh chứng vững chắc cho năng lực công nghệ của Công ty.

VPS duy trì 03 trung tâm dữ liệu với địa điểm dự phòng, đảm bảo các tiêu chuẩn toàn cầu về khả năng xử lý sự cố, phục hồi, với hệ thống được đặt tại cơ sở Tier 3 của Global Data Services, đồng thời duy trì đội ngũ CNTT hoàn toàn nội bộ và mạnh mẽ nhằm tăng cường khả năng kiểm soát và bảo mật. Có thể khẳng định, VPS là một trong số ít các CTCK tại Việt Nam sở hữu hệ thống công nghệ hoàn toàn nội bộ với các nền tảng giao dịch, quản lý rủi ro và vận hành được phát triển 100% bởi hơn 200 chuyên gia CNTT, bao gồm một đội ngũ chuyên trách về an ninh mạng. Cách tiếp cận này đảm bảo kiểm soát chặt chẽ về tính ổn định, hiệu suất và bảo mật dữ liệu, được hỗ trợ bởi kiến trúc kiểm soát và bảo mật tích hợp mô hình truy cập zero-trust để giảm thiểu rủi ro nội bộ và bên ngoài, một trung tâm điều hành bảo mật hoạt động 24/7 để giám sát liên tục và ứng phó sự cố nhanh chóng, mã hóa dữ liệu để bảo vệ tất cả thông tin và kiểm thử khả năng phục hồi để đảm bảo sẵn sàng chống lại các nguy cơ tấn công mạng.

## Các công ty con, công ty liên kết

Không có

Năm 2025, VPS đã hoàn thành cấp chứng nhận ISO/IEC 27001:2022 cho Hệ thống quản lý an toàn thông tin, đảm bảo các biện pháp kiểm soát bảo mật mạnh mẽ, được củng cố bởi kiểm toán an ninh mạng độc lập và đã tích hợp Policy as code để tự động hóa và thực thi các chính sách bảo mật cùng với nhật ký kiểm toán chi tiết nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành.

Ứng dụng VPS SmartOne đóng vai trò là nền tảng toàn diện dành cho các nhà đầu tư, tích hợp chứng khoán cơ sở, chứng khoán phái sinh và các tính năng khác vào cùng một trải nghiệm liền mạch "One login, all money". Sự gắn kết của khách hàng được duy trì bởi một bộ các tính năng trong ứng dụng nhằm giúp cho khách hàng đưa ra các quyết định tốt hơn và kết nối chặt chẽ hơn với khách hàng, bao gồm: phân tích, giao dịch, quản trị danh mục, cảnh báo rủi ro theo thời gian thực, bảo hiểm bảo vệ tài khoản và các tính năng phụ trợ khác. Đồng thời, VPS phát triển song song VPS SmartEasy - Ứng dụng giao dịch chứng khoán phái sinh giả lập và VPS SmartPro - Ứng dụng chuyên biệt dành cho giao dịch chứng khoán phái sinh nhằm cung cấp các trải nghiệm phù hợp và thuận tiện nhất cho từng nhóm nhà đầu tư.

Ngoài ra, VPS liên tục cải tiến và mở rộng các sản phẩm, dịch vụ của mình và chú trọng nâng cao trải nghiệm khách hàng. Tháng 10/2025, VPS ra mắt nền tảng VPS SmartOne Web - Nền tảng giao dịch chứng khoán thế hệ mới, triển khai các công cụ tư vấn dựa trên AI và chuẩn bị cơ sở hạ tầng để hỗ trợ các giao dịch định lượng.

# Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## Cổ phần

|                                                                                                                  |                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Tổng số cổ phần đang lưu hành                                                                                    | 1.521.825.700     |
| Loại cổ phần                                                                                                     | Cổ phần phổ thông |
| Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do                                                                             | 729.455.937       |
| Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu | 792.369.763       |

## Cơ cấu cổ đông

|     |                                                               | Số lượng sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|
| I   | Cổ đông lớn và cổ đông khác                                   |                 |              |
|     | Cổ đông lớn                                                   | 720.414.562     | 47,34%       |
|     | Cổ đông nắm giữ dưới 5% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết | 801.411.138     | 52,66%       |
| II  | Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân                            |                 |              |
|     | Cổ đông tổ chức                                               | 630.934.363     | 41,46%       |
|     | Cổ đông cá nhân                                               | 890.891.337     | 58,54%       |
| III | Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài                      |                 |              |
|     | Cổ đông trong nước                                            | 1.482.475.291   | 97,41%       |
|     | Cổ đông nước ngoài                                            | 39.350.409      | 2,59%        |
| IV  | Cổ đông nhà nước và cổ đông khác                              |                 |              |
|     | Cổ đông nhà nước                                              | 0               | 0%           |
|     | Cổ đông khác                                                  | 1.521.825.700   | 100%         |

Số liệu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/12/2025

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100%

## Các chứng khoán khác

Trong năm 2025, Công ty có 01 đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.  
Thông tin chi tiết về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng này như sau:

Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS  
chào bán ra công chúng năm 2025

Ngày phát hành: 03/03/2025

Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm, không  
chuyển đổi, không kèm chứng quyền

Ngày đáo hạn: 03/03/2027

Mã chứng khoán: VCK125005

Lãi suất: Kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi

Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu

Phương thức thanh toán lãi: Lãi trả sau, định kỳ 06 tháng/lần

Số lượng trái phiếu chào bán: 50.000.000 trái phiếu

Phương thức thanh toán gốc: Gốc của các trái phiếu được thanh  
toán một lần vào (i) ngày đáo hạn trái phiếu hoặc (ii) ngày trái phiếu  
được mua lại trước hạn

Hình thức phát hành: Trái phiếu phát hành ra công chúng

Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng kể từ ngày phát hành

Các cam kết chưa thực hiện của Công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của Công ty): Không có

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Quá trình tăng vốn điều lệ của VPS kể từ thời điểm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần

| Đợt tăng vốn | Thời điểm tăng vốn | Giá trị tăng vốn thêm | Vốn điều lệ sau khi tăng | Hình thức tăng vốn                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 0            | 12/2015            |                       | 970.000                  | Chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần                      | UBCKNN                                                                                            | Giấy phép thành lập và hoạt động số 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1            | 05/2017            | 500.000               | 1.470.000                | Phát hành riêng lẻ cổ phiếu ưu đãi cổ tức                                           | ĐHĐCĐ, UBCKNN                                                                                     | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2017/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2017;<br>Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/05/2017                                                                                                                                                                         |
| 2            | 10/2018            | 2.030.000             | 3.500.000                | Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông phổ thông hiện hữu                     | ĐHĐCĐ, UBCKNN                                                                                     | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 09/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2018;<br>Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/10/2018                                                                                                                                                                         |
| 3            | 12/2021            | 2.200.057             | 5.700.057                | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông phổ thông hiện hữu                                   | ĐHĐCĐ, UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội                                             | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2021;<br>Giấy phép điều chỉnh số 119/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21/12/2021;<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 5 ngày 01/11/2022                                                  |
| 4            | 10/2025            | 7.100.000             | 12.800.057               | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | ĐHĐCĐ, UBCKNN Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội  | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 2909.1/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/09/2025;<br>Giấy phép điều chỉnh số 109/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/10/2025;<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 10 ngày 15/10/2025 |
| 5            | 11/2025            | 2.023.100             | 14.823.157               | Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng                                             | ĐHĐCĐ, UBCKNN Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội  | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 2909.2/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/09/2025;<br>Giấy phép điều chỉnh số 122/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 17/11/2025;<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 11 ngày 19/11/2025 |
| 6            | 12/2025            | 395.100               | 15.218.257               | Phát hành riêng lẻ                                                                  | ĐHĐCĐ, UBCKNN, Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 2909.3/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/09/2025;<br>Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/01/2026;<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 12 ngày 28/01/2026. |

(Đơn vị tính: triệu đồng)

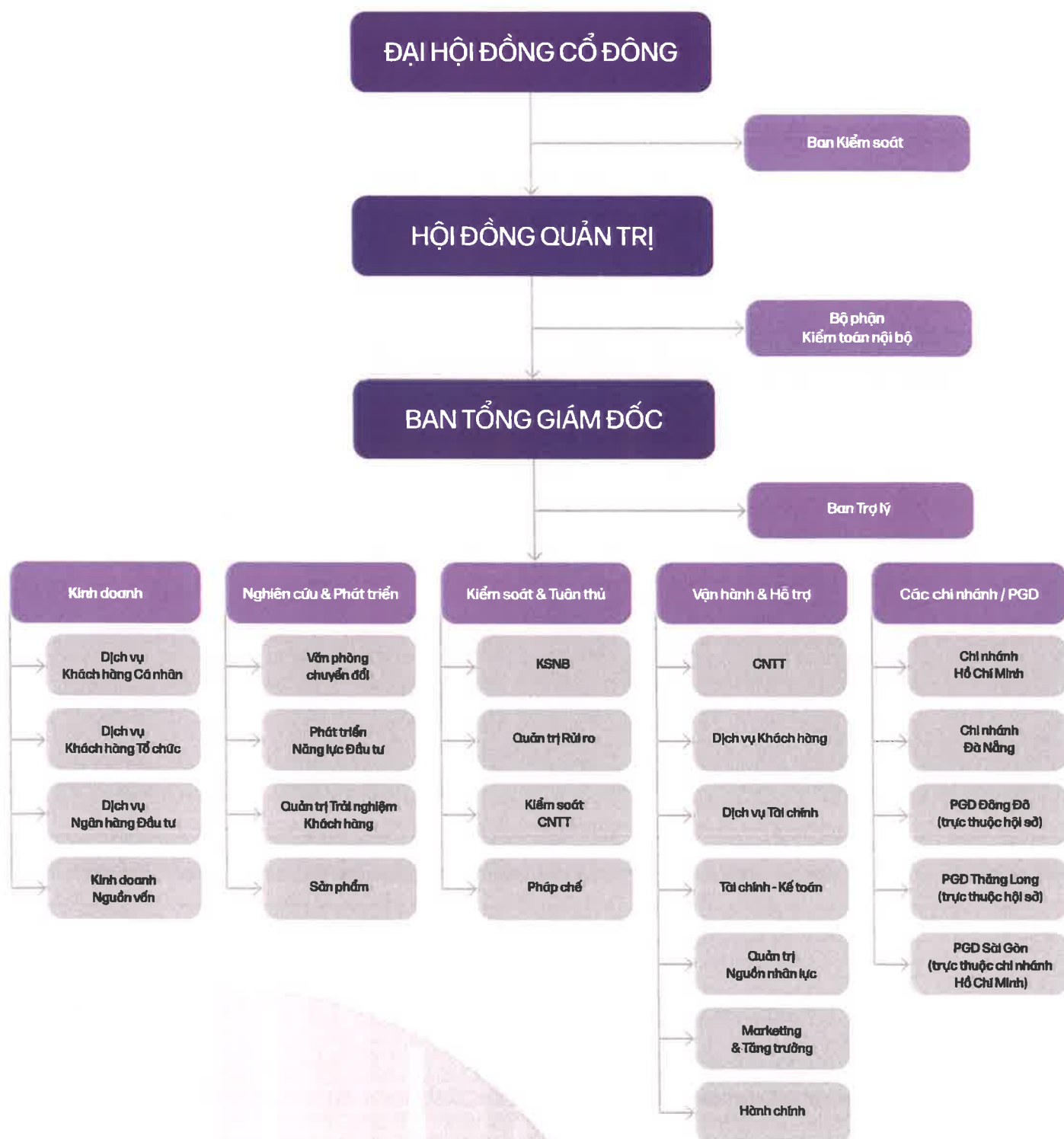


Vượt trội và Khác biệt  
*cùng VPS*



## Tổ chức và nhân sự

### Cơ cấu tổ chức



# Nhân sự chủ chốt

Hội đồng quản trị (Số lượng thành viên HĐQT đương nhiệm 05 thành viên (trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT)

| STT | Họ và tên           | Tóm tắt lý lịch |           |                                                                                                               |
|-----|---------------------|-----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Giới tính       | Quốc tịch | Trình độ chuyên môn                                                                                           |
| 1   | Nguyễn Lâm Dũng     | Nam             | Việt Nam  | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh                                                                                   |
| 2   | Nguyễn Thị Thu Hồng | Nữ              | Việt Nam  | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh<br>Cử nhân Luật                                                                   |
| 3   | Trần Thị Bảo Ngọc   | Nữ              | Việt Nam  | Thạc sỹ Tài chính ứng dụng<br>Cử nhân Kinh tế Đối ngoại                                                       |
| 4   | Trần Thị Kim Dung   | Nữ              | Việt Nam  | Cử nhân Ngoại ngữ                                                                                             |
| 5   | Trần Thị Thu Thủy   | Nữ              | Việt Nam  | Thạc sỹ Quản lý Hành chính,<br>Cử nhân Chính trị Quốc tế                                                      |
| 6   | Indronil Sengupta   | Nam             | Ấn Độ     | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh                                                                                   |
| 7   | John Desmond Sheehy | Nam             | Ireland   | Cử nhân Kỹ sư<br>(Đại học Cork - UCC, Ireland - 1998)<br>Thạc sỹ Quản trị kinh doanh<br>(INSEAD, Pháp - 1998) |

## Ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên             | Tóm tắt lý lịch |           |                               |
|-----|-----------------------|-----------------|-----------|-------------------------------|
|     |                       | Giới tính       | Quốc tịch | Trình độ chuyên môn           |
| 1   | Nguyễn Thị Thùy       | Nữ              | Việt Nam  | Cử nhân Kế toán               |
| 2   | Nguyễn Thị Phương Hảo | Nữ              | Việt Nam  | Thạc sỹ Kinh tế               |
| 3   | Nguyễn Ngọc Khánh     | Nữ              | Việt Nam  | Thạc sỹ Kinh tế               |
| 4   | Lê Thu Minh           | Nữ              | Việt Nam  | Thạc sỹ Kinh tế               |
| 5   | Nguyễn Thị Vân Huyền  | Nữ              | Việt Nam  | Tài chính ngân hàng - Kế toán |

## Ban Tổng Giám đốc

| STT | Họ và tên       | Tóm tắt lý lịch |          |           |                                                                                                                                      |
|-----|-----------------|-----------------|----------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                 | Giới tính       | Năm sinh | Quốc tịch | Trình độ chuyên môn                                                                                                                  |
| 1   | Lê Minh Tài     | Nam             | 1976     | Việt Nam  | Cử nhân Khoa học máy tính<br>(RMIT - 1999)<br><br>Thạc sỹ Tài chính<br>và Quản trị Kinh doanh<br>(University of Pennsylvania - 2008) |
| 2   | Nguyễn Lâm Dũng | Nam             | 1977     | Việt Nam  | Thạc sỹ<br>Quản trị Kinh doanh                                                                                                       |

## Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên      | Tóm tắt lý lịch |          |           |                     |
|-----|----------------|-----------------|----------|-----------|---------------------|
|     |                | Giới tính       | Năm sinh | Quốc tịch | Trình độ chuyên môn |
| 1   | Vũ Thị Lan Anh | Nữ              | 1984     | Việt Nam  | Quản trị tài chính  |

| Chức danh               | Sự thay đổi           | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết<br>tại ngày 31/12/2025 | Thông tin quản lý công ty khác                                                                                                                                     |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chủ tịch HĐQT           | Bổ nhiệm 25/04/2025   | 8,48%                                                           | 1. Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam (VIS Rating)<br>2. Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Xã hội chấp cánh Foundation |
| Thành viên HĐQT         | Bổ nhiệm 25/04/2025   | 0,07%                                                           |                                                                                                                                                                    |
| Thành viên HĐQT         | Bổ nhiệm 25/04/2025   | N/A                                                             | Thành viên HĐQT - Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PVIICO)                                                                                                |
| Thành viên HĐQT         | Bổ nhiệm 25/04/2025   | N/A                                                             |                                                                                                                                                                    |
| Thành viên HĐQT         | Miễn nhiệm 25/04/2025 | N/A                                                             |                                                                                                                                                                    |
| Thành viên HĐQT         | Miễn nhiệm 29/09/2025 | N/A                                                             |                                                                                                                                                                    |
| Thành viên độc lập HĐQT | Bổ nhiệm 29/09/2025   | N/A                                                             | 1. TGD - Vita Vitae Ltd (Singapore)<br>2. TGD - KittyKat Pte Ltd<br>3. Sở hữu 100% - ThirdSpace Pte Ltd                                                            |

| Chức danh      | Sự thay đổi           | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết<br>tại ngày 31/12/2025 | Thông tin quản lý công ty khác |
|----------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| Trưởng BKS     | Bổ nhiệm 16/01/2025   | N/A                                                             |                                |
| Kiểm soát viên | Bổ nhiệm 25/04/2025   | N/A                                                             |                                |
| Kiểm soát viên | Bổ nhiệm 29/09/2025   | N/A                                                             |                                |
| Kiểm soát viên | Miễn nhiệm 29/09/2025 | 0,00374%                                                        |                                |
| Trưởng BKS     | Miễn nhiệm 16/01/2025 | N/A                                                             |                                |

| Chức danh     | Sự thay đổi           | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết<br>tại ngày 31/12/2025 | Quá trình công tác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm 19/11/2025   | 0,55%                                                           | - Từ 2008 - 2018: Giám đốc - Temasek<br>- Từ 2018 - 2021: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Công ty cổ phần Merita Capital Advisors<br>- Từ 2018 - 2020: Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển vận tải<br>- Từ 2018 - 2025: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn<br>- Từ 2024 - 11/2025: Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần EZDIRECT<br>- Từ 19/11/2025 - Nay: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS |
| Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm 19/11/2025 | 8,48%                                                           | - Từ 2001 - 2003: P/E Investment LLC (Mỹ)<br>- Từ 2007 - 2010: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội<br>- Từ 2010 - 19/11/2025: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS<br>- Từ 11/2025 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS                                                                                                                                                                         |

| Chức danh      | Sự thay đổi        | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết<br>tại ngày 31/12/2025 | Quá trình công tác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kế toán trưởng | Bổ nhiệm 25/9/2020 | N/A                                                             | - Từ 07/2007 - 04/2012: Trưởng nhóm Kiểm toán, tư vấn - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam<br>- Từ tháng 04/2012 - 12/2015: Kế toán cao cấp - Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (thuộc Công ty CP Tài nguyên Masan)<br>- Từ tháng 12/2015 - 05/2020: Kế toán trưởng - Công ty CP Tập đoàn Pan<br>- Từ tháng 05/2020 - nay: Kế toán Trưởng - Công ty CP Chứng khoán VPS |



## Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động

VPS xác định con người là yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả hoạt động và năng lực phát triển dài hạn của Công ty. Trên cơ sở đó, Công ty chú trọng xây dựng chiến lược nhân sự theo hướng bảo đảm cả về quy mô và chất lượng đội ngũ, phù hợp với định hướng kinh doanh và lộ trình phát triển trong từng giai đoạn.

Năm 2025:

|                   |       |
|-------------------|-------|
| Tổng số nhân viên | 1.873 |
| Nam               | 1.040 |
| Nữ                | 833   |

## Chế độ phúc lợi, đãi ngộ

VPS đã triển khai hệ thống chính sách dành cho người lao động theo định hướng bảo đảm quyền lợi, tạo động lực làm việc và thúc đẩy sự gắn bó lâu dài. Các chính sách được xây dựng trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời được điều chỉnh linh hoạt nhằm phù hợp với đặc thù hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, bao gồm:

- **Chính sách hỗ trợ:** VPS triển khai các chương trình hỗ trợ kịp thời đối với CBNV trong những sự kiện và hoàn cảnh quan trọng của như kết hôn, sinh con, và trong các sự kiện gia đình khác. Các chính sách này thể hiện vai trò đồng hành của Công ty, góp phần chia sẻ trách nhiệm và tạo sự an tâm cho người lao động trong quá trình công tác.
- **Chăm sóc sức khỏe:** Công ty chú trọng bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, lành mạnh và quan tâm đến sức khỏe thể chất, tinh thần của người lao động. Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định, VPS triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe giúp người lao động chủ động phòng ngừa rủi ro và duy trì trạng thái làm việc ổn định, bền bỉ như khám sức khỏe định kỳ, gói bảo hiểm sức khỏe bổ sung, xây dựng phòng y tế và triển khai các biện pháp bảo hộ lao động.
- **Xây dựng môi trường làm việc gắn kết và cân bằng:** Thông qua các hoạt động nội bộ, chương trình gắn kết và các chính sách quản trị linh hoạt, VPS hướng tới xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tích cực, cởi mở và khuyến khích sự hợp tác. Công ty tạo điều kiện để người lao động cân đối hài hòa giữa yêu cầu công việc và đời sống cá nhân, từ đó nâng cao hiệu quả và chất lượng làm việc.

Với những nỗ lực trong công tác tuyển dụng và xây dựng chính sách nhân sự cạnh tranh, trong năm 2025, VPS đã được vinh danh là “Doanh nghiệp được yêu thích nhất – Enterprise of Choice 2025” (do CareerViet và Amco Việt Nam đồng hành tổ chức).



## Đào tạo và phát triển

Song song với việc mở rộng quy mô, VPS chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng đội ngũ có nền tảng kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, đồng thời được trang bị hiểu biết về kinh tế thị trường và kỹ năng thích ứng với môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh và hội nhập cao.

Năm 2025, hoạt động đào tạo không chỉ dừng lại ở việc truyền tải kiến thức mà còn được phát triển thông qua văn hoá học tập toàn diện. Theo đó, hoạt động đào tạo được diễn ra sôi nổi với các chương trình đào tạo được thiết kế đa dạng, tiếp cận nhiều đối tượng học viên cùng nội dung chuyên sâu và toàn diện: Tổng số lượt tham gia đào tạo: 25.230 lượt, tăng 19,06% so với năm 2024, khẳng định tinh thần học tập liên tục của đội ngũ CBNV.

Cụ thể các hoạt động đào tạo tập trung vào các trọng tâm như sau:

### Đào tạo nền tảng cho CBNV mới

100% CBNV mới được trang bị năng lực nền tảng thông qua hệ thống modules đầy đủ các nhóm nội dung với hình thức đào tạo kết hợp E-learning và đào tạo trực tiếp đã giúp rút ngắn thời gian thích nghi, đảm bảo nhân sự sẵn sàng làm việc hiệu quả ngay sau khi gia nhập.

### Đảm bảo năng lực tuân thủ cho toàn bộ CBNV

Nâng cao tiêu chuẩn an toàn bảo mật toàn hệ thống. Kết quả đào tạo tuân thủ năm 2025 ghi nhận sự bứt phá vượt trội cả về tỷ lệ hoàn thành và chất lượng nhận thức so với cùng kỳ.

### Chuẩn hoá năng lực chuyên môn theo quy định Pháp luật

Công ty luôn chú trọng đào tạo chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề, đảm bảo toàn bộ đội ngũ kinh doanh đáp ứng đầy đủ chứng chỉ theo quy định pháp luật, góp phần bảo vệ uy tín và khẳng định vị thế chuyên nghiệp của VPS trên thị trường.

### Nâng cao năng lực tư vấn cho CBNV Khối Kinh doanh

Đẩy mạnh chương trình đào tạo và sát hạch định kỳ cho khối kinh doanh, song song với đó là hoạt động chia sẻ kiến thức nội bộ, củng cố năng lực thực chiến và tối ưu hóa hiệu quả tư vấn khách hàng.



## Văn hóa doanh nghiệp

VPS luôn tập trung xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp như một nền tảng quan trọng hỗ trợ thực thi chiến lược phát triển dài hạn. Các giá trị văn hóa được lồng ghép nhất quán trong hoạt động quản trị, vận hành và các chương trình nội bộ, qua đó từng bước định hình chuẩn mực hành vi, phương thức làm việc và tinh thần gắn kết toàn Công ty.

Trên nền tảng đó, các chương trình văn hoá được triển khai đồng bộ, đa dạng và ngày càng đi vào chiều sâu, gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu kinh doanh và đời sống tinh thần của CBNV.





Chuỗi hoạt động thường niên như 8/3, 20/10 và Tết Trung thu không chỉ là dịp tôn vinh, tri ân mà còn thể hiện sự quan tâm của VPS tới gia đình, hậu phương của người lao động, góp phần xây dựng môi trường làm việc nhân văn và gắn bó. Chương trình 20/11 - The Guiding Light tiếp tục để lại dấu ấn sâu sắc khi tôn vinh đội ngũ giảng viên nội bộ - những “người dẫn đường” đã bền bỉ lan tỏa tri thức, truyền cảm hứng học hỏi và phát triển năng lực cho toàn hệ thống.

Đại hội Thể thao Synergy 2025 trở thành điểm nhấn nổi bật trong năm với quy mô lớn và sức lan tỏa mạnh mẽ, gồm 4 môn thi đấu: Bóng đá, Cầu lông, Pickleball, Spartan và Đấu trường Gen V, thu hút hơn 200 vận động viên tham gia cùng 74 giải thưởng được trao. Đặc biệt, Đấu trường Gen V với 100 thí sinh đến từ hai miền Bắc - Nam đã tạo nên sân chơi trí tuệ sôi động, kịch tính, lan tỏa tinh thần học hỏi, cạnh tranh lành mạnh và cộng hưởng nội lực VPS. Bên cạnh đó, việc tham gia các giải pickleball giao lưu với doanh nghiệp cùng ngành tiếp tục thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất và mở rộng kết nối trong cộng đồng ngành.

Trong thời gian tới, VPS sẽ tiếp tục nâng cao chiều sâu của các chương trình văn hóa doanh nghiệp, tập trung đo lường mức độ gắn kết nhân viên và gắn kết văn hóa với các mục tiêu quản trị nhân sự như giữ chân nhân tài, phát triển đội ngũ kế cận và nâng cao hiệu quả làm việc nhằm hỗ trợ trực tiếp cho chiến lược phát triển bền vững và năng lực cạnh tranh của VPS.

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## Tác động đối với môi trường

VPS xác định quản lý tài nguyên và giảm thiểu tác động môi trường là một nội dung trọng yếu trong định hướng phát triển bền vững, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả vận hành và củng cố nền tảng tuân thủ theo hướng minh bạch, có thể đo lường và cải tiến liên tục.

Theo định hướng này, Công ty triển khai cơ chế theo dõi thường xuyên các chỉ tiêu môi trường, đồng thời từng bước chuẩn hóa công tác ghi nhận và báo cáo dữ liệu nhằm phục vụ quản trị và đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên. Năm 2025, tổng lượng nước tiêu thụ của Công ty đạt 12.871 m<sup>3</sup> (chi phí khoảng 429 triệu đồng), tổng lượng điện tiêu thụ đạt 617.658 kWh (chi phí khoảng 2,4 tỷ đồng).

Song song với việc sử dụng nguồn năng lượng điện truyền thống, VPS chủ động khai thác nguồn năng lượng tái tạo từ hệ thống pin năng lượng mặt trời, qua đó góp phần đa dạng hóa nguồn cung năng lượng và hạn chế phát thải gián tiếp. Trên nền tảng kết quả đạt được, Công ty tiếp tục tối ưu hiệu suất các giải pháp hiện có và nghiên cứu mở rộng các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, phù hợp với điều kiện hoạt động thực tế.

Công ty cũng đẩy mạnh truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức và hình thành thói quen sử dụng tài nguyên có trách nhiệm trong toàn hệ thống. Các biện pháp như thực hành 5S và lắp đặt biển hướng dẫn tiết kiệm nước, điện được triển khai đồng bộ, góp phần thúc đẩy sự tham gia chủ động của cán bộ nhân viên vào các sáng kiến môi trường.

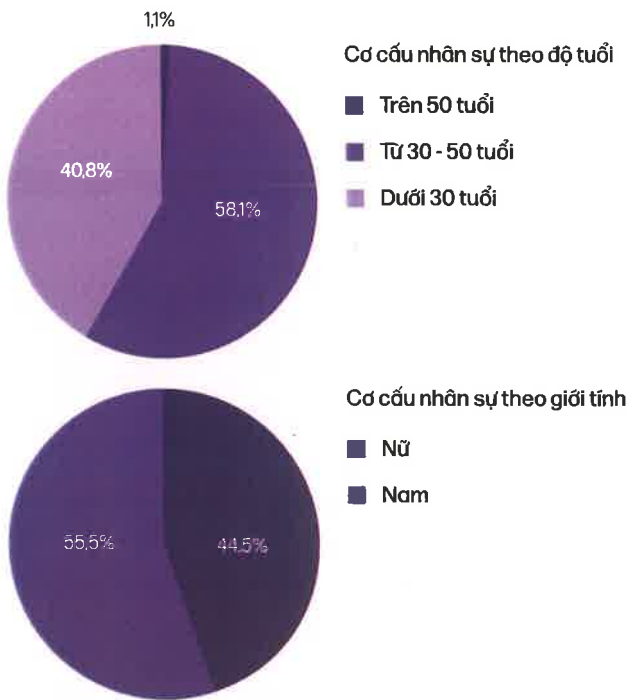
Về tuân thủ pháp luật, VPS khẳng định cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành; trong năm 2025, Công ty không ghi nhận vi phạm và không phát sinh xử phạt liên quan. Trên cơ sở đó, VPS tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ, hướng tới bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn và bền vững trong dài hạn.



# Tác động đối với xã hội

## Phát triển nguồn nhân lực và chất lượng lao động

Con người được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững của VPS; theo đó, trọng tâm không chỉ dừng ở việc ổn định nguồn lực mà còn hướng tới nâng cao chất lượng lao động, môi trường làm việc và năng lực thích ứng của tổ chức trước những biến động của thị trường.



Năm 2025, số lượng lao động tại VPS đạt 1.873 người, phản ánh quy mô vận hành ổn định và định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp. Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi cho thấy sự cân đối giữa lực lượng trẻ và đội ngũ nhân sự nòng cốt, với 40,8% nhân sự dưới 30 tuổi và 58,1% nhân sự trong độ tuổi từ 30 đến 50. Cơ cấu này giúp VPS ngày càng nâng cao năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản trị, cũng như tạo điều kiện cho đổi mới, sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực kế cận.

VPS tiếp tục xây dựng môi trường làm việc đa dạng và bảo đảm bình đẳng giới, với tỷ lệ 55,5% nam và 44,5% nữ, qua đó tạo điều kiện tiếp cận cơ hội phát triển công bằng cho người lao động. Về trình độ chuyên môn, VPS duy trì một bằng chất lượng nhân sự cao với 98,9% tổng số lao động có trình độ đại học trở lên. Đây là cơ sở quan trọng để tăng cường năng lực chuyên môn, quản trị rủi ro và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong hoạt động kinh doanh và tuân thủ.

## Chính sách lao động, đãi ngộ và phúc lợi

### Chính sách lương thưởng, phúc lợi và an toàn lao động

VPS xây dựng và triển khai các chính sách lao động theo hướng đảm bảo thu nhập cạnh tranh, an toàn việc làm và phúc lợi toàn diện cho người lao động. Trong năm 2025, mức thu nhập bình quân của người lao động đạt xấp xỉ 70 triệu đồng/người/tháng, khẳng định cam kết của VPS trong việc cung cấp môi trường làm việc hấp dẫn với chế độ đãi ngộ xứng đáng.

Song song với chính sách tiền lương, VPS triển khai đầy đủ các chế độ phúc lợi và chăm sóc sức khỏe, bao gồm bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và người thân, khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ phép hưởng nguyên lương, cùng các chế độ lễ, tết và thăm niên theo chức danh. Đối với lao động nữ, Công ty áp dụng các chính sách hỗ trợ phù hợp như 16,5 ngày nghỉ phép/năm, hỗ trợ chi phí khám sức khỏe định kỳ và khám phụ khoa, đồng thời bố trí không gian hỗ trợ các bà mẹ đang nuôi con nhỏ tại nơi làm việc.





Bên cạnh đó, VPS chú trọng bảo đảm điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh thông qua việc tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, an ninh và kiểm soát môi trường làm việc. Các chương trình tuyên truyền và tập huấn về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được triển khai nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp trong toàn hệ thống.



Hệ thống tiện ích và không gian sinh hoạt được đầu tư và vận hành hiệu quả nhằm hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, đồng thời cân bằng giữa công việc và cuộc sống của người lao động. Các tiện ích bao gồm không gian sinh hoạt chung với quầy cà phê hoạt động hằng ngày, chương trình piano vào thứ Sáu hàng tuần, phòng y tế, cùng các khu vực rèn luyện thể chất như phòng gym, yoga và sân thể thao, góp phần tạo dựng môi trường làm việc tích cực và nâng cao mức độ gắn bó của người lao động.

Hoạt động gắn kết nội bộ tại VPS được triển khai trong một khuôn khổ thống nhất, gắn với mục tiêu xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tăng cường sự kết nối trong toàn hệ thống. Trong đó, Hội thao "VPS Synergy 2025 - Extraordinary Together" là hoạt động thường niên tiêu biểu, được tổ chức với quy mô toàn Công ty, kết hợp rèn luyện thể chất, thử thách tinh thần đồng đội và các hoạt động tập thể, qua đó tạo không gian giao lưu, lan tỏa các giá trị văn hóa chung và củng cố sự gắn kết giữa các đơn vị.

Trên cơ sở các hoạt động gắn kết đã được triển khai, VPS tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hình thức gắn kết nội bộ, tập trung vào tăng cường sự kết nối giữa các bộ phận, củng cố tinh thần đồng đội và lan tỏa các giá trị văn hóa chung trong toàn hệ thống. Các hoạt động này góp phần xây dựng môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ mục tiêu ổn định, phát triển đội ngũ nhân sự trong dài hạn.

## Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực



Hoạt động đào tạo tại VPS được tổ chức theo hướng ngày càng gắn với yêu cầu thực tiễn của công việc và năng lực thực hành của từng nhóm nhân sự. Nội dung đào tạo không chỉ dừng ở việc truyền đạt kiến thức nền tảng, quy trình và quy định, mà được thiết kế theo vai trò công việc và các tình huống nghiệp vụ, tư vấn thực tế, nhằm bảo đảm khả năng áp dụng sau đào tạo và hỗ trợ trực tiếp cho hiệu quả vận hành. Phương thức triển khai được đa dạng hóa, kết hợp đào tạo tập trung với học trực tuyến, mô phỏng tình huống và thi nghiệp vụ; đồng thời ứng dụng công nghệ trong theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả học tập, thúc đẩy học tập liên tục và chủ động.

Trong năm 2025, Công ty tổ chức 86 chương trình đào tạo với tổng cộng 437 lớp học, đạt bình quân 15 giờ đào tạo trên mỗi cán bộ nhân viên. Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng thực tiễn, bám sát nhu cầu phát triển chuyên môn của từng nhóm nhân sự và yêu cầu hoạt động của doanh nghiệp.

Các chương trình đào tạo bao phủ nhiều lĩnh vực, bao gồm nghiệp vụ chứng khoán và sản phẩm đầu tư; công nghệ, an toàn thông tin và ứng dụng AI phục vụ chuyển đổi số; kỹ năng làm việc, phát triển cá nhân và năng lực quản lý. Bên cạnh đó, các nội dung về tuân thủ, đạo đức nghề nghiệp, an toàn lao động và quản trị rủi ro được lồng ghép nhằm củng cố nhận thức và chuẩn mực nghề nghiệp trong toàn hệ thống.

Thông qua cách tiếp cận đào tạo gắn với vai trò công việc và yêu cầu thực tế, VPS từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, tăng khả năng thích ứng trước thay đổi của môi trường kinh doanh và tạo nền tảng cho hiệu quả vận hành cũng như sự phát triển ổn định trong dài hạn.

## Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong định hướng phát triển bền vững, VPS coi trách nhiệm đối với cộng đồng là một phần không tách rời của hoạt động doanh nghiệp, hướng tới việc tạo ra các giá trị xã hội tích cực và lâu dài. Các hoạt động cộng đồng được triển khai theo hướng tập trung vào những nhu cầu thiết thực, gắn với điều kiện thực tế của từng địa phương, đồng thời phản ánh tinh thần đồng hành và chia sẻ trách nhiệm xã hội của Công ty.

Trong năm 2025, VPS tiếp nối các hoạt động thiện nguyện đã được triển khai trong những năm trước thông qua việc tài trợ xây dựng điểm trường Hua Nà, thuộc Trường Mầm non Bình Minh, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Công trình góp phần cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, đảm bảo môi trường học tập an toàn cho trẻ em vùng cao, đồng thời thể hiện cam kết lâu dài của VPS trong việc thúc đẩy cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng cho trẻ em tại các khu vực vùng sâu, vùng xa.

Bên cạnh đó, VPS triển khai chương trình hỗ trợ cộng đồng tại khu vực miền Trung trong bối cảnh người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai. Cuối tháng 10 đến đầu tháng 11/2025, đại diện Công ty đã trực tiếp đến Huế và Đà Nẵng để trao tặng 2.000 phần quà, hỗ trợ hơn 1.700 hộ dân bị ảnh hưởng bởi mưa lũ, với tổng giá trị đóng góp trên 1 tỷ đồng. Hoạt động này góp phần chia sẻ khó khăn, hỗ trợ người dân sớm ổn định cuộc sống sau thiên tai, đồng thời thể hiện tinh thần đồng hành và sẻ chia của VPS đối với cộng đồng địa phương.





# CHƯƠNG III

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN LÃNH ĐẠO

|                                                                           |    |                                                                                |    |
|---------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty                   | 58 | Kế hoạch phát triển trong tương lai của Ban Tổng Giám đốc                      | 65 |
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động chung của Công ty             | 58 | Báo cáo đánh giá liên quan tới trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty | 66 |
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty | 58 | Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường                                 | 66 |
| Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị                          | 59 | Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động                                   | 66 |
| Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc                                 | 60 | Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương   | 66 |
| Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh                                     | 60 |                                                                                |    |
| Tình hình tài chính                                                       | 61 |                                                                                |    |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                     | 63 |                                                                                |    |



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động chung của Công ty

Năm 2025 là một năm có ý nghĩa đặc biệt đối với VPS, đánh dấu bước chuyển mình quan trọng trong hành trình phát triển khi Công ty chính thức trở thành doanh nghiệp niêm yết trên HSX. Trong bối cảnh kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định, TTCK Việt Nam trải qua giai đoạn tái cấu trúc mạnh mẽ, HĐQT đánh giá rằng VPS đã duy trì được nền tảng vận hành ổn định, kiểm soát tốt rủi ro và đạt được kết quả kinh doanh tích cực, có chất lượng.

HĐQT ghi nhận TGD đã bám sát các định hướng chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua, tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi, đồng thời giữ vững kỷ luật tài chính và QTRR. Kết quả kinh doanh năm 2025 phản ánh sự tăng trưởng đi kèm với hiệu quả, thể hiện qua mức lợi nhuận vượt kế hoạch, các chỉ số sinh lời thuộc nhóm dẫn đầu ngành và nền tảng vốn được củng cố mạnh mẽ sau IPO.

Bên cạnh các chỉ tiêu tài chính, HĐQT đánh giá cao việc VPS tiếp tục đầu tư bài bản cho hạ tầng công nghệ, chuẩn hóa hệ thống quản trị, nâng cao năng lực vận hành và từng bước tiệm cận các chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết. Đồng thời, việc VPS tiếp tục dẫn đầu thực hành ESG trong ngành chứng khoán cũng được HĐQT ghi nhận, thể hiện qua cơ chế chủ động quản lý tài nguyên hiệu quả, tích cực giảm thiểu tác động đến môi trường, song hành cùng các hành động thiết thực nhằm thúc đẩy cam kết về trách nhiệm xã hội. Đây là những yếu tố mang tính nền tảng, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao vai trò điều hành của Ban TGD trong năm 2025, đặc biệt trong bối cảnh VPS bước vào giai đoạn hoạt động mới với tư cách là công ty đại chúng và công ty niêm yết.

Ban TGD đã chủ động điều hành hoạt động kinh doanh theo hướng thận trọng nhưng linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường và kiểm soát tốt các rủi ro trọng yếu. Các quyết định điều hành tập trung vào việc củng cố các mảng kinh doanh cốt lõi, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời đầu tư có trọng tâm cho công nghệ, dữ liệu và năng lực QTRR.

HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện tốt vai trò triển khai chiến lược, đảm bảo tính liên tục và ổn định trong vận hành, đồng thời từng bước nâng cao chuẩn mực minh bạch, tuân thủ và quản trị nội bộ. Việc kiện toàn bộ máy điều hành, phân tách rõ chức năng, trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa các khối đã góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và khả năng thích ứng của Công ty trước những biến động của thị trường.



## Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Bước sang giai đoạn phát triển tiếp theo, HĐQT xác định định hướng chiến lược của VPS trong trung và dài hạn sẽ tập trung vào các yếu tố sau:

**Củng cố nền tảng quản trị doanh nghiệp** niêm yết, tiếp tục hoàn thiện khung quản trị theo các thông lệ tốt, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả giám sát và kiểm soát rủi ro;

**Duy trì tăng trưởng có chọn lọc**, tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi, gắn tăng trưởng quy mô với hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính;

**Đẩy mạnh đầu tư cho công nghệ và dữ liệu**, coi đây là động lực then chốt nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, năng lực tư vấn và QTRR trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh;

**Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**, xây dựng đội ngũ kế cận, nâng cao năng lực quản trị và văn hóa doanh nghiệp phù hợp với tầm vóc và định hướng dài hạn của VPS;

**Thực hiện cam kết phát triển bền vững**, gắn hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội và môi trường, tạo giá trị dài hạn cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng.

HĐQT tin tưởng rằng, với nền tảng tài chính vững chắc, hệ thống quản trị ngày càng hoàn thiện và sự đồng hành của cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và đội ngũ cán bộ nhân viên, VPS sẽ tiếp tục phát triển ổn định, bền vững và đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam trong giai đoạn tới.

# Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

## Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2025, trong bối cảnh TTCK Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội và thách thức, VPS ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực khi lợi nhuận đạt mức kỷ lục trong nhiều năm và nằm trong những CTCK dẫn đầu về kết quả lợi nhuận năm.

Theo đó, tổng doanh thu hoạt động đạt 8.261 tỷ đồng, tăng 27,7% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 4.471 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 3.579 tỷ đồng tăng trưởng 42,1% so với năm 2024 và hoàn thành 102,2% kế hoạch năm 2025. Tất cả các mảng kinh doanh chính của Công ty đều có kết quả tăng trưởng tốt; nhóm các hoạt động kinh doanh cốt lõi là môi giới chứng khoán và cho vay ký quỹ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong nhiều năm liên tiếp.

Song song với kết quả doanh thu tăng trưởng tốt, các nhóm chi phí kinh doanh và quản lý năm 2025 cũng được kiểm soát ở mức phù hợp. Cụ thể: chi phí hoạt động kinh doanh ở mức gần 3.322 tỷ đồng, tăng 14,5% so với năm trước; chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức hơn 539 tỷ đồng, tăng 23,1% so với năm trước. Các nhóm chi phí biến động tăng tương đồng với tình hình kinh doanh tăng trưởng chung và được kiểm soát ngày càng hiệu quả hơn.

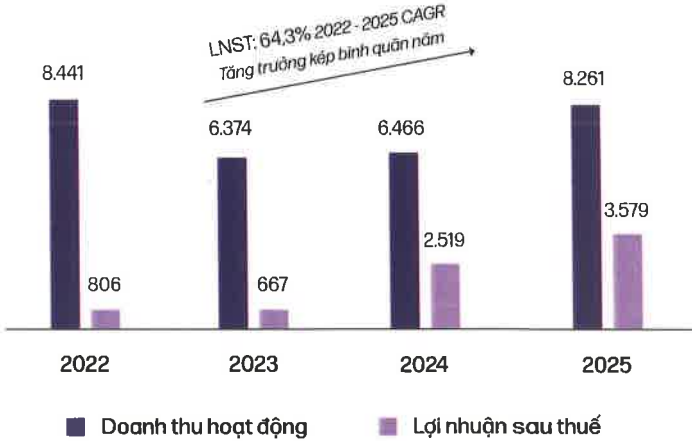
### Chi tiết các mảng doanh thu chính trong năm

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2024 | Năm 2025 | % Tăng giảm |
|------------------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng doanh thu                           | 6.466    | 8.261    | 27,7%       |
| Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 3.187    | 3.770    | 18,3%       |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu     | 1.763    | 2.504    | 42,1%       |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính     | 61       | 139      | 126,7%      |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán             | 70       | 46       | -34,0%      |
| Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn | 1.289    | 1.694    | 31,4%       |
| Doanh thu hoạt động khác                 | 97       | 107      | 10,3%       |

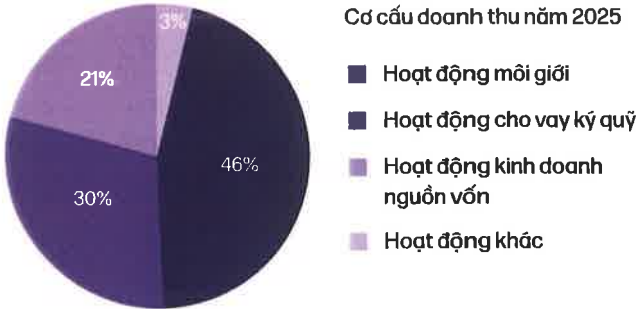
Năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng của phần lớn các hoạt động kinh doanh Công ty: doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán đạt trên 3.770 tỷ đồng; tăng 18,3% so với năm 2024; doanh thu hoạt động cho vay ký quỹ đạt 2.504 tỷ đồng, tăng 42,1% so với năm 2024. Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn đạt 1.694 tỷ đồng, tăng 31,4% so với năm 2024; doanh thu hoạt động tư vấn tài chính đạt 139 tỷ đồng, tăng 126,7% so với năm 2024.

Hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động cho vay ký quỹ tiếp tục là các hoạt động cốt lõi đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh của Công ty trong hiện tại và tương lai. Trong năm 2025, tổng tỷ trọng của hai hoạt động này chiếm đến 76% tổng doanh thu hoạt động Công ty.

Kết quả kinh doanh VPS từ năm 2022 - 2025 (tỷ đồng)



(Đơn vị tính: tỷ đồng)



## Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                                                | Tại ngày 31/12/2024 | Tại ngày 31/12/2025 | % Tăng giảm  |
|---------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|--------------|
| Tài sản ngắn hạn                                        | 29.823              | 47.711              | 60,0%        |
| Tài sản tài chính                                       | 29.796              | 47.692              | 60,1%        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                      | 1.732               | 8.681               | 401,2%       |
| Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 8.079               | 7.295               | -9,7%        |
| Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)             | 7.075               | 3.666               | -48,2%       |
| Các khoản cho vay                                       | 12.493              | 22.596              | 80,9%        |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)                 | -                   | 4.969               | -            |
| Các khoản phải thu                                      | 382                 | 437                 | 14,6%        |
| Tài sản tài chính khác                                  | 35                  | 48                  | 36,9%        |
| Tài sản ngắn hạn khác                                   | 27                  | 18                  | -31,9%       |
| <b>Tài sản dài hạn</b>                                  | <b>545</b>          | <b>692</b>          | <b>27,0%</b> |
| Tài sản tài chính dài hạn                               | 19                  | 97                  | 421,9%       |
| Tài sản cố định                                         | 426                 | 428                 | 0,7%         |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                         | 21                  | 26                  | 25,1%        |
| Tài sản dài hạn khác                                    | 80                  | 140                 | 75,3%        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                | <b>30.368</b>       | <b>48.402</b>       | <b>59,4%</b> |

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Tại ngày 31/12/2025, tài sản ngắn hạn chiếm 98,6% cơ cấu tài sản với giá trị đạt hơn 47.711 tỷ đồng, tăng 60,0% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản dài hạn chiếm 1,4% cơ cấu tài sản, giá trị đạt hơn 692 tỷ đồng, tăng 27,0% so với cùng kỳ.

Cơ cấu tài sản của VPS được tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty gồm cho vay kỳ quỹ và kinh doanh nguồn vốn (Đây là các nhóm tài sản an toàn, đem lại lợi nhuận ổn định và ít chịu ảnh hưởng bởi các biến động thị trường gồm: trái phiếu, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi...); đảm bảo hiệu quả kinh doanh cũng như an toàn về mặt tài chính.



Tình hình nguồn vốn

| Chỉ tiêu                                  | Năm 2024 | Năm 2025 | % Tăng giảm |
|-------------------------------------------|----------|----------|-------------|
| Nợ phải trả ngắn hạn                      | 19.005   | 14.567   | -23,3%      |
| Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 18.329   | 12.924   | -29,5%      |
| Nợ phải trả ngắn hạn khác                 | 676      | 1.643    | 142,9%      |
| Nợ phải trả dài hạn                       | -        | 5.000    |             |
| Vốn chủ sở hữu                            | 11.363   | 28.835   | 153,8%      |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN                       | 30.368   | 48.402   | 59,4%       |

(Đơn vị tính: tỷ đồng)



Tại thời điểm 31/12/2025, nợ ngắn hạn chiếm 30,1% cơ cấu nguồn vốn và chiếm 74,4% cơ cấu nợ phải trả với giá trị 14.567 tỷ đồng, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị nợ dài hạn tại 31/12/2025 đạt xấp xỉ 5.000 tỷ đồng là nguồn trái phiếu phát hành dài hạn.

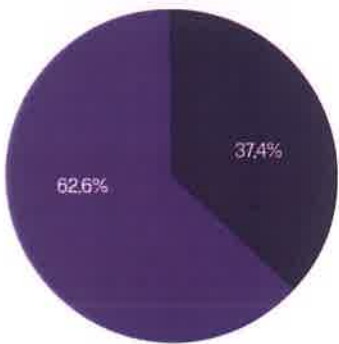
Vốn chủ sở hữu đạt mức 28.835 tỷ đồng, tăng 153,8% so với cùng kỳ thời điểm cuối năm 2024. Đây là kết quả từ hiệu quả hoạt động kinh doanh và đặc biệt cuối năm 2025 được bổ sung xấp xỉ 13.930 tỷ đồng từ hoạt động IPO và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Các khoản nợ vay của Công ty đều được thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác (phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả phải nộp khác, ...) được Công ty thanh toán đầy đủ đúng hạn.

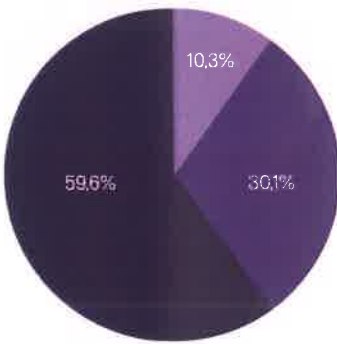
Cơ cấu nguồn vốn của VPS với nền tảng vốn chủ sở hữu là trọng tâm, đảm bảo sự bền vững trong hoạt động kinh doanh của VPS, tăng cường khả năng triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính đến khách hàng. Đặc biệt, nguồn vốn dồi dào giúp Công ty tối ưu hóa hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và hoạt động kinh doanh nguồn vốn với chi phí hợp lý, nâng cao hiệu quả cạnh tranh trên thị trường.

Các chỉ số về thanh toán của Công ty ổn định và đảm bảo mức an toàn tài chính.

Cơ cấu nguồn vốn năm 2024



Cơ cấu nguồn vốn năm 2025



- Vốn chủ sở hữu
- Nợ phải trả ngắn hạn
- Nợ phải trả dài hạn

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### Quản trị cấp cao mạnh mẽ và minh bạch

### Cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản lý

Trong năm 2025, VPS tiếp tục thực hiện việc kiện toàn chiến lược hệ thống quản trị và cơ cấu tổ chức, với tinh thần nâng tầm bộ máy theo các chuẩn mực tiên tiến của TTCK và quản trị công ty đại chúng.

Việc kiện toàn tập trung vào ba yếu tố chính: quản trị hiệu quả, điều hành chuyên nghiệp và kiểm soát rủi ro minh bạch – đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của một Công ty đại chúng được niêm yết.

ĐHĐCĐ tiếp tục giữ vai trò quyết định cao nhất đối với định hướng phát triển chiến lược và các quyết sách trọng yếu của Công ty. ĐHĐCĐ thông qua các phương án chiến lược, nhân sự cấp cao và kế hoạch phát triển dài hạn.

HĐQT được kiện toàn theo hướng tăng cường vai trò hoạch định chiến lược và giám sát điều hành. Thành viên HĐQT được lựa chọn dựa trên tiêu chuẩn chuyên môn và tính độc lập, đảm bảo giám sát hiệu quả Ban TGD và kiểm soát tuân thủ chính sách Công ty.

BKS hoạt động độc lập nhằm giám sát hoạt động tài chính, KSNB và tuân thủ các quy định pháp luật; đây là tuyến kiểm soát quan trọng trong mô hình quản trị công ty hiện đại.

### Ban TGD điều phối thực thi chiến lược

Trong năm 2025, VPS đã thực hiện kiện toàn Ban TGD theo mô hình chuyên sâu, giúp tăng hiệu quả phối hợp và tinh gọn quy trình.

Việc tổ chức theo chức năng giúp VPS tăng cường vai trò chuyên môn hóa, tối ưu hiệu quả điều hành và phản ứng linh hoạt trong môi trường thị trường biến động cao.

### Phòng ban và phối hợp nội bộ hiệu quả

Cơ cấu tổ chức VPS được thiết kế với hệ thống phòng ban rõ ràng, phân định trách nhiệm theo từng chức năng nghiệp vụ và khối hỗ trợ. Các đơn vị nội bộ được chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ và tuyến báo cáo, giúp:

- Tăng cường phối hợp liên khối;
- Giảm chồng chéo trong vận hành;
- Tăng tính minh bạch trong việc phân công trách nhiệm và ra quyết định.

Mỗi phòng ban được trang bị rõ ràng các KPI – định hướng kết quả và hệ thống đo lường hiệu quả theo các mục tiêu chiến lược, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

Việc kiện toàn cơ cấu tổ chức không chỉ là sự điều chỉnh về mặt mô hình mà còn là trọng tâm nâng cao năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, tạo nền tảng vững chắc cho VPS trong hành trình phát triển dài hạn, mở rộng hoạt động kinh doanh và củng cố niềm tin từ cổ đông, nhà đầu tư và thị trường.

## Cải tiến chính sách nhân sự

Trong năm 2025, VPS tiếp tục triển khai các cải tiến trọng tâm trong chính sách nhân sự nhằm xây dựng đội ngũ có năng lực, gắn bó lâu dài và đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng. Các chính sách được rà soát và điều chỉnh theo hướng nâng cao tính minh bạch, công bằng và phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty.



### Chính sách lương, thưởng và đãi ngộ

VPS từng bước hoàn thiện cơ chế trả lương và đãi ngộ theo vị trí công việc, năng lực chuyên môn và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các nguyên tắc đánh giá và chi trả thu nhập được chuẩn hóa nhằm bảo đảm tính công bằng và khuyến khích hiệu quả làm việc, qua đó tạo động lực để người lao động phát huy năng lực và nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp trong môi trường hoạt động đặc thù của lĩnh vực chứng khoán.

### Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động

Song song với chế độ tiền lương, VPS chú trọng hoàn thiện các chính sách phúc lợi nhằm chăm lo toàn diện cho người lao động. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định pháp luật, VPS triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng CBNV, góp phần bảo đảm thể trạng, tinh thần và sự an tâm trong quá trình làm việc.

### Môi trường làm việc và điều kiện lao động

VPS tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường làm việc theo hướng an toàn, thuận tiện và hỗ trợ hiệu quả công việc. Không gian làm việc được tổ chức khoa học, đồng thời bổ sung các tiện ích phục vụ nhu cầu rèn luyện sức khỏe và tái tạo năng lượng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đời sống làm việc và hiệu suất lao động.

Thông qua các cải tiến về chính sách nhân sự trong năm 2025, VPS từng bước củng cố nền tảng quản trị nguồn nhân lực, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và ổn định cho người lao động. Trong giai đoạn tiếp theo, chúng tôi sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh các chính sách theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu phát triển tổ chức, gắn kết chính sách nhân sự với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của VPS.

## Kế hoạch phát triển trong tương lai của Ban Tổng Giám đốc



Trên cơ sở đánh giá bối cảnh thị trường, năng lực nội tại và định hướng chiến lược đã được HĐQT thông qua, Ban TGD tập trung triển khai các ưu tiên điều hành chính như sau:

### **Thứ nhất, củng cố nền tảng vận hành và quản trị theo chuẩn doanh nghiệp niêm yết.**

Ban TGD tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình, KSNB và QTRR theo hướng chuẩn hóa, minh bạch và kỷ luật. Trọng tâm là nâng cao chất lượng công bố thông tin, tăng cường phối hợp giữa các khối chức năng và đảm bảo hoạt động điều hành bám sát khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt.

### **Thứ hai, duy trì tăng trưởng có chọn lọc trên các mảng kinh doanh cốt lõi.**

Trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh và phân hóa, Ban TGD ưu tiên cách tiếp cận thận trọng, tập trung vào hiệu quả sử dụng vốn, chất lượng tài sản và năng lực kiểm soát rủi ro. Việc mở rộng quy mô được thực hiện song hành với nâng cao chất lượng dịch vụ, đặc biệt trong các mảng môi giới, tư vấn đầu tư và cho vay ký quỹ.

### **Thứ ba, đầu tư có trọng tâm cho công nghệ và dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và trải nghiệm khách hàng.**

Ban TGD xác định công nghệ và dữ liệu là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh trong trung hạn. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục triển khai các dự án công nghệ theo lộ trình, tập trung vào ổn định hệ thống, an toàn thông tin, tối ưu quy trình vận hành và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ công tác tư vấn, QTRR và cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng.

Bước sang giai đoạn phát triển tiếp theo với tư cách là doanh nghiệp niêm yết, Ban TGD VPS xác định trọng tâm điều hành trong thời gian tới không chỉ là duy trì đà tăng trưởng, mà quan trọng hơn là **nâng cao chất lượng vận hành, chuẩn mực quản trị và khả năng tạo giá trị bền vững trong dài hạn.**

### **Thứ tư, nâng cao năng lực đội ngũ và xây dựng tổ chức.**

Ban TGD chú trọng phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, kỷ luật và gắn kết, phù hợp với yêu cầu của một doanh nghiệp tài chính - chứng khoán quy mô lớn. Các chương trình đào tạo, phát triển đội ngũ kế cận và hoàn thiện cơ cấu tổ chức được triển khai nhằm đảm bảo tính liên tục trong điều hành và khả năng thích ứng trước sự thay đổi của thị trường.

### **Thứ năm, gắn hoạt động điều hành với các nguyên tắc phát triển bền vững.**

Ban TGD tiếp tục lồng ghép các yếu tố ESG vào hoạt động vận hành hàng ngày, trên cơ sở tuân thủ pháp luật, sử dụng hiệu quả nguồn lực và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Cách tiếp cận này nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong dài hạn.

Ban TGD tin tưởng rằng, với nền tảng tài chính vững chắc, hệ thống quản trị ngày càng hoàn thiện và sự đồng hành của HĐQT, cổ đông, khách hàng và đối tác, VPS sẽ tiếp tục duy trì sự ổn định, nâng cao chất lượng tăng trưởng và từng bước khẳng định vai trò là một định chế tài chính uy tín, chuyên nghiệp trên thị trường vốn Việt Nam.



## Báo cáo đánh giá liên quan tối trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm 2025, VPS tiếp tục nâng cao nền tảng quản lý và giám sát các yếu tố môi trường trọng yếu trong hoạt động vận hành, phản ánh cam kết kiên định đối với các mục tiêu phát triển bền vững. Việc quản lý tài nguyên hiệu quả, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và nâng cao ý thức sử dụng tài nguyên trong nội bộ đã góp phần giảm thiểu đáng kể các tác động tiêu cực đến môi trường. Các hoạt động này đồng thời cũng tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai các sáng kiến môi trường mang tính hệ thống theo tầm nhìn và định hướng dài hạn của Công ty.

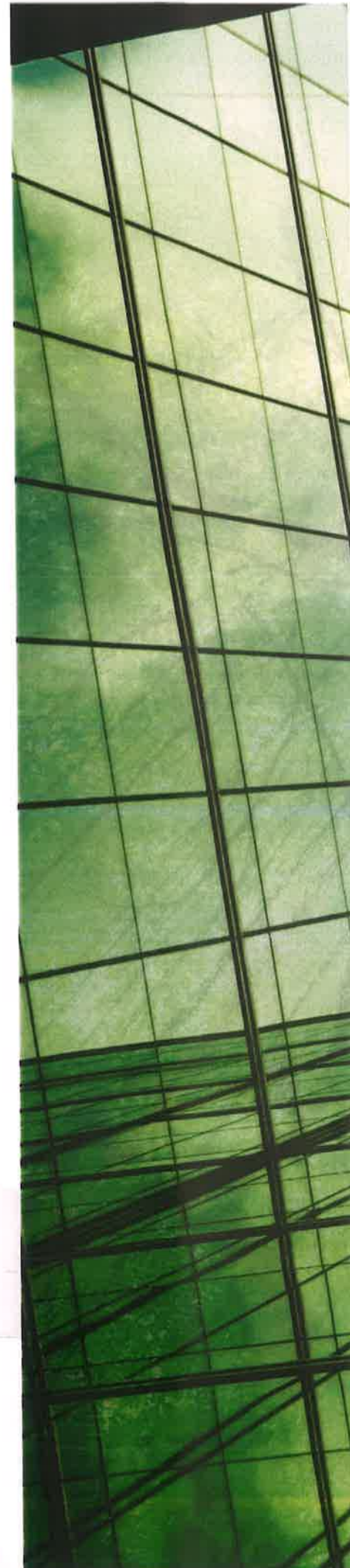
### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Con người luôn là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển toàn diện của VPS. Cơ cấu nhân sự được duy trì ổn định với tỷ lệ hợp lý giữa các độ tuổi, song hành cùng sự đầu tư mạnh mẽ vào chất lượng đội ngũ giúp VPS duy trì hiệu suất lao động cao trong năm 2025. Các chính sách tiền lương, phúc lợi, và chăm sóc sức khỏe được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao mức độ hài lòng và sự gắn bó của người lao động. Bên cạnh đó, hệ thống chương trình đào tạo được tổ chức bài bản, thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng đã tạo điều kiện cho đội ngũ nhân sự phát triển chuyên môn sâu và các kỹ năng phù hợp với bối cảnh thay đổi liên tục của thị trường.

VPS cam kết củng cố và thúc đẩy một môi trường làm việc khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới và hướng tới kết quả, qua đó tạo động lực cho chiến lược về con người phát huy hiệu quả lâu dài.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, VPS đã góp phần hỗ trợ, cải thiện điều kiện sống và học tập cho các cộng đồng khó khăn, tiếp tục thể hiện cam kết về trách nhiệm xã hội của Công ty. Các hoạt động cộng đồng của VPS luôn tập trung vào những nhu cầu thiết thực, gắn liền với điều kiện thực tế của từng địa phương nhằm tạo ra kết quả rõ ràng và tác động xã hội tích cực. VPS sẽ liên tục duy trì sự đóng góp đối với cộng đồng nói chung trong tương lai, thể hiện sự kiên định với giá trị cốt lõi "Vì cộng đồng", đồng thời củng cố uy tín và niềm tin từ các bên liên quan.





# CHƯƠNG IV

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

|                                                                                                   |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Mô hình quản trị công ty                                                                          | 70 |
| Quản trị công ty                                                                                  | 70 |
| Hội đồng quản trị                                                                                 | 70 |
| Hoạt động của Ban Kiểm soát                                                                       | 74 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc | 75 |
| Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc              | 75 |
| Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ                                                               | 75 |
| Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ                                                          | 76 |
| Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty                                          | 76 |
| Quản trị rủi ro                                                                                   | 78 |
| Tổng quan về mô hình quản trị rủi ro của VPS                                                      | 78 |
| Quy trình quản trị rủi ro                                                                         | 79 |
| Nhận diện các rủi ro trọng yếu                                                                    | 79 |



# Mô hình quản trị công ty

VPS là CTCP được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan. Tại VPS, việc tổ chức quản lý và hoạt động được thực hiện theo mô hình: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và TGD.

## Quản trị công ty

### Hội đồng quản trị

#### Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2025, HĐQT đã triển khai toàn diện và đồng bộ nhiều hoạt động quản trị trọng tâm, tập trung vào việc đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, phù hợp với các chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo, cụ thể như sau:

▪ **Tổ chức thành công các cuộc họp ĐHĐCĐ:**

Trong năm 2025, HĐQT đã triệu tập, tổ chức thành công 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 25/04/2025 và 02 cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 vào các ngày 16/01/2025, ngày 29/09/2025.

Các cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập, tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của VPS, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

▪ **Tổ chức thành công các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT qua thư điện tử (email):**

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức thành công 35 cuộc họp HĐQT và 02 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT qua thư điện tử (email) để thông qua các Nghị quyết của HĐQT.

Các cuộc họp HĐQT và các lần lấy ý kiến thành viên HĐQT qua thư điện tử (email) đều được tổ chức, thực hiện hợp lệ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của VPS. Nội dung của các cuộc họp HĐQT và các vấn đề lấy ý kiến thành viên HĐQT qua thư điện tử (email) đều tuân thủ đúng theo quy định pháp luật, phù hợp với các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ VPS, tập trung vào các vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động quản trị, kinh doanh và vận hành của VPS. Trên cơ sở đó, HĐQT thực hiện đánh giá toàn diện tình hình hoạt động, kinh doanh của VPS, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định, phê duyệt các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT và kịp thời ban hành các chủ trương, định hướng, chỉ đạo làm cơ sở để TGD và các đơn vị của VPS tổ chức triển khai thực hiện.

Nội dung, kết quả của các cuộc họp HĐQT và các lần lấy ý kiến thành viên HĐQT qua thư điện tử (email) trong năm 2025 được thể hiện thông qua các Nghị quyết của HĐQT, chi tiết như sau:

| STT | Số Nghị quyết     | Ngày       | Nội dung                                                                                              | Kết quả/ Tỷ lệ thông qua |
|-----|-------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | 1401/2025/NQ-HĐQT | 14/01/2025 | Thông qua và ban hành các tờ trình để cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025. | 100%                     |
| 2   | 1601/2025/NQ-HĐQT | 16/01/2025 | Thông qua và phê duyệt việc chào bán và phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2025.                  | 100%                     |
| 3   | 1701/2025/NQ-HĐQT | 17/01/2025 | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025.                                   | 100%                     |
| 4   | 1303/2025/NQ-HĐQT | 13/03/2025 | Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.                                              | 100%                     |
| 5   | 1703/2025/NQ-HĐQT | 17/03/2025 | Mua/nhận chuyển nhượng cổ phần và chỉ định người đại diện vốn cổ phần VIS Rating.                     | 100%                     |
| 6   | 2103/2025/NQ-HĐQT | 21/03/2025 | Điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài.                                                            | 100%                     |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                     | Kết quả/ Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 7   | 0304/2025/<br>NQ-HĐQT        | 03/04/2025 | Thông qua và ban hành các tờ trình, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.                                                                                                                    | 100%                        |
| 8   | 0904/2025/<br>NQ-HĐQT        | 09/04/2025 | Phê duyệt và thông qua việc chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025 và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng.                                                                                      | 100%                        |
| 9   | 0904.1/2025/<br>NQ-HĐQT      | 09/04/2025 | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025.                                                                                                                                          | 100%                        |
| 10  | 1504/2025/NQ-<br>HĐQT        | 15/04/2025 | Bổ nhiệm Ông Nguyễn Lâm Dũng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, nhiệm kỳ 2025 – 2030.                                                                                                                        | 100%                        |
| 11  | 2304/2025/NQ-<br>HĐQT        | 23/04/2025 | Thông qua việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.                                                                                                                                                                | 100%                        |
| 12  | 2504/2025/NQ-<br>HĐQT        | 25/04/2025 | Bầu Ông Nguyễn Lâm Dũng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 và chỉ định Tổng Giám đốc tiếp tục là người đại diện theo pháp luật của công ty.                                         | 100%                        |
| 13  | 2504.1/2025/<br>NQ-HĐQT      | 25/04/2025 | Thông qua và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.                                                                                                                                                    | 100%                        |
| 14  | 2504.2/2025/<br>NQ-HĐQT      | 25/04/2025 | Thông qua và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.                                                                                                                                               | 100%                        |
| 15  | 0506/2025/<br>NQ-HĐQT        | 05/06/2025 | Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty.                                                                                                                                               | 100%                        |
| 16  | 1006/2025/NQ-<br>HĐQT        | 10/06/2025 | Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần và chỉ định người đại diện vốn cổ phần.                                                                                                                                      | 100%                        |
| 17  | 2107/2025/NQ-<br>HĐQT        | 21/07/2025 | Thông qua việc thay đổi địa điểm của Phòng giao dịch Sài Gòn.                                                                                                                                                | 100%                        |
| 18  | 0608/2025/<br>NQ-HĐQT        | 06/08/2025 | Ban hành sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ các đơn vị.                                                                                                                                                     | 100%                        |
| 19  | 1808/2025/NQ-<br>HĐQT        | 18/08/2025 | Thông qua quyết định vay vốn tại Vietinbank.                                                                                                                                                                 | 100%                        |
| 20  | 1908/2025/NQ-<br>HĐQT        | 19/08/2025 | Thông qua việc Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025.                                                                                                                                 | 100%                        |
| 21  | 2108/2025/NQ-<br>HĐQT        | 21/08/2025 | Thông qua giao dịch mua cổ phần phổ thông do VIS Rating phát hành và các vấn đề liên quan.                                                                                                                   | 100%                        |
| 22  | 2508/2025/NQ-<br>HĐQT        | 25/08/2025 | Chuyển nhượng cổ phần công ty tại CTCP Bảo hiểm OPES.                                                                                                                                                        | 100%                        |
| 23  | 0809/2025/<br>NQ-HĐQT        | 08/09/2025 | Thông qua và ban hành các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025.                                                                                                                     | 100%                        |
| 24  | 2409/2025/NQ-<br>HĐQT        | 24/09/2025 | Thông qua và ban hành các tờ trình cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025.                                                                                                     | 100%                        |
| 25  | 2409.1/2025/<br>NQ-HĐQT      | 24/09/2025 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.                                                                                                                            | 100%                        |
| 26  | 2909.1/2025/<br>NQ-HĐQT      | 29/09/2025 | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án xử lý cổ phiếu riêng lẻ.                                                                                      | 100%                        |
| 27  | 2909.2/2025/<br>NQ-HĐQT      | 29/09/2025 | Triển khai việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, việc niêm yết cổ phiếu và các vấn đề liên quan. | 100%                        |
| 28  | 2909.3/2025/<br>NQ-HĐQT      | 29/09/2025 | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.                                                                                                                                             | 100%                        |
| 29  | 2909.4/2025/<br>NQ-HĐQT      | 29/09/2025 | Triển khai việc thay đổi người đại diện pháp luật theo chức danh.                                                                                                                                            | 100%                        |
| 30  | 0610/2025/NQ-<br>HĐQT        | 06/10/2025 | Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.                                                                                                                                 | 100%                        |
| 31  | 1010/2025/NQ-<br>HĐQT        | 10/10/2025 | Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu.                                                                                                                                  | 100%                        |
| 32  | 1010.1/2025/<br>NQ-HĐQT      | 10/10/2025 | Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.                                                                                                                                                    | 100%                        |
| 33  | 1010.2/2025/<br>NQ-HĐQT      | 10/10/2025 | Điều chỉnh, bổ sung, thay thế một số nội dung trong phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.                                                      | 100%                        |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                           | Kết quả/ Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 34  | 1010.3/2025/<br>NQ-HĐQT      | 10/10/2025 | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.                                                                                                                   | 100%                        |
| 35  | 1310.1/2025/NQ-<br>HĐQT      | 13/10/2025 | Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.                                      | 100%                        |
| 36  | 1310.2/2025/<br>NQ-HĐQT      | 13/10/2025 | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.                                                                                                                   | 100%                        |
| 37  | 0811.1/2025/<br>NQ-HĐQT      | 08/11/2025 | Thông qua giá chào bán và tỷ lệ phân bổ cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.                                                                                | 100%                        |
| 38  | 1011/2025/NQ-<br>HĐQT        | 10/11/2025 | Chấp thuận giao dịch mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của VPS.                                                                                       | 100%                        |
| 39  | 1411/2025/NQ-<br>HĐQT        | 14/11/2025 | Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông cho việc thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu.                                                                                     | 100%                        |
| 40  | 1511.1/2025/NQ-<br>HĐQT      | 15/11/2025 | Thông qua phương án và triển khai xử lý số lượng cổ phiếu lẻ trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.                                                                    | 100%                        |
| 41  | 1511.2/2025/NQ-<br>HĐQT      | 15/11/2025 | Thông qua phương án và triển khai phương án xử lý cổ phiếu mà nhà đầu tư không thanh toán đầy đủ trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.                                | 100%                        |
| 42  | 1711/2025/NQ-<br>HĐQT        | 17/11/2025 | Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS và các vấn đề liên quan.                                       | 100%                        |
| 43  | 1911.1/2025/NQ-<br>HĐQT      | 19/11/2025 | Ban hành Điều lệ Công ty.                                                                                                                                                          | 100%                        |
| 44  | 1911.2/2025/<br>NQ-HĐQT      | 19/11/2025 | Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.                                                                                                                                       | 100%                        |
| 45  | 1911.3/2025/<br>NQ-HĐQT      | 19/11/2025 | Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.                                                                                                                          | 100%                        |
| 46  | 1911.4/2025/<br>NQ-HĐQT      | 19/11/2025 | Thông qua và ban hành Quy chế công bố thông tin.                                                                                                                                   | 100%                        |
| 47  | 1911.5/2025/<br>NQ-HĐQT      | 19/11/2025 | Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS đối với ông Nguyễn Lâm Dũng kể từ ngày 19/11/2025.                                                              | 100%                        |
| 48  | 1911.6/2025/<br>NQ-HĐQT      | 19/11/2025 | Ký hợp đồng và bổ nhiệm ông Lê Minh Tài giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS kể từ ngày 19/11/2025.                                                         | 100%                        |
| 49  | 1911.7/2025/NQ-<br>HĐQT      | 19/11/2025 | Bổ nhiệm bà Trần Khánh Tuyết giữ chức danh Người phụ trách quản trị Công ty kể từ ngày 19/11/2025.                                                                                 | 100%                        |
| 50  | 0812/2025/NQ-<br>HĐQT        | 08/12/2025 | Thông qua ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. | 100%                        |
| 51  | 0812.1/2025/<br>NQ-HĐQT      | 08/12/2025 | Thông qua việc triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và các vấn đề liên quan.                                                                                  | 100%                        |
| 52  | 0812.2/2025/<br>NQ-HĐQT      | 08/12/2025 | Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.                                                                                            | 100%                        |
| 53  | 0812.3/2025/<br>NQ-HĐQT      | 08/12/2025 | Thông qua danh sách nhà đầu tư dự kiến được chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.                                                                        | 100%                        |
| 54  | 0812.4/2025/<br>NQ-HĐQT      | 08/12/2025 | Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.                                                                                               | 100%                        |
| 55  | 1912/2025/NQ-<br>HĐQT        | 19/12/2025 | Phê duyệt đề xuất cấp độ cho các hệ thống thông tin của VPS                                                                                                                        | 100%                        |
| 56  | 2512/2025/NQ-<br>HĐQT        | 25/12/2025 | Thông qua giá chào bán cổ phiếu và điều chỉnh một số nội dung trong phương án triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.                | 100%                        |
| 57  | 2912.1/2025/<br>NQ-HĐQT      | 29/12/2025 | Thông qua phương án và triển khai phương án xử lý cổ phiếu không đăng ký mua, không thanh toán đầy đủ và ngày kết thúc Đợt Chào Bán trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.          | 100%                        |
| 58  | 2912.2/2025/<br>NQ-HĐQT      | 29/12/2025 | Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.                                                                          | 100%                        |

- **Thực hiện hiệu quả công tác giám sát và chỉ đạo đối với TGD:**

Công tác giám sát, chỉ đạo của HĐQT đối với TGD được thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ VPS và quy định nội bộ của VPS. Thông qua các cuộc họp, các buổi thảo luận và trao đổi chuyên đề, HĐQT thường xuyên cập nhật, phân tích bối cảnh kinh tế vĩ mô và diễn biến thị trường; đồng thời, liên tục theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của VPS. Từ đó, trong năm 2025, HĐQT đã kịp thời ban hành các chủ trương, định hướng, chỉ đạo phù hợp và bám sát thực tiễn.

Cũng trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo toàn diện đối với hoạt động điều hành của TGD trên tất cả các lĩnh vực trọng yếu. Công tác giám sát, chỉ đạo đối với TGD được triển khai chặt chẽ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động, kinh doanh tại VPS. Các giải pháp được thực hiện đồng bộ, bám sát lộ trình và mục tiêu đề ra. Qua đó, các chỉ tiêu cơ bản đều đã được hoàn thành đúng theo kế hoạch.

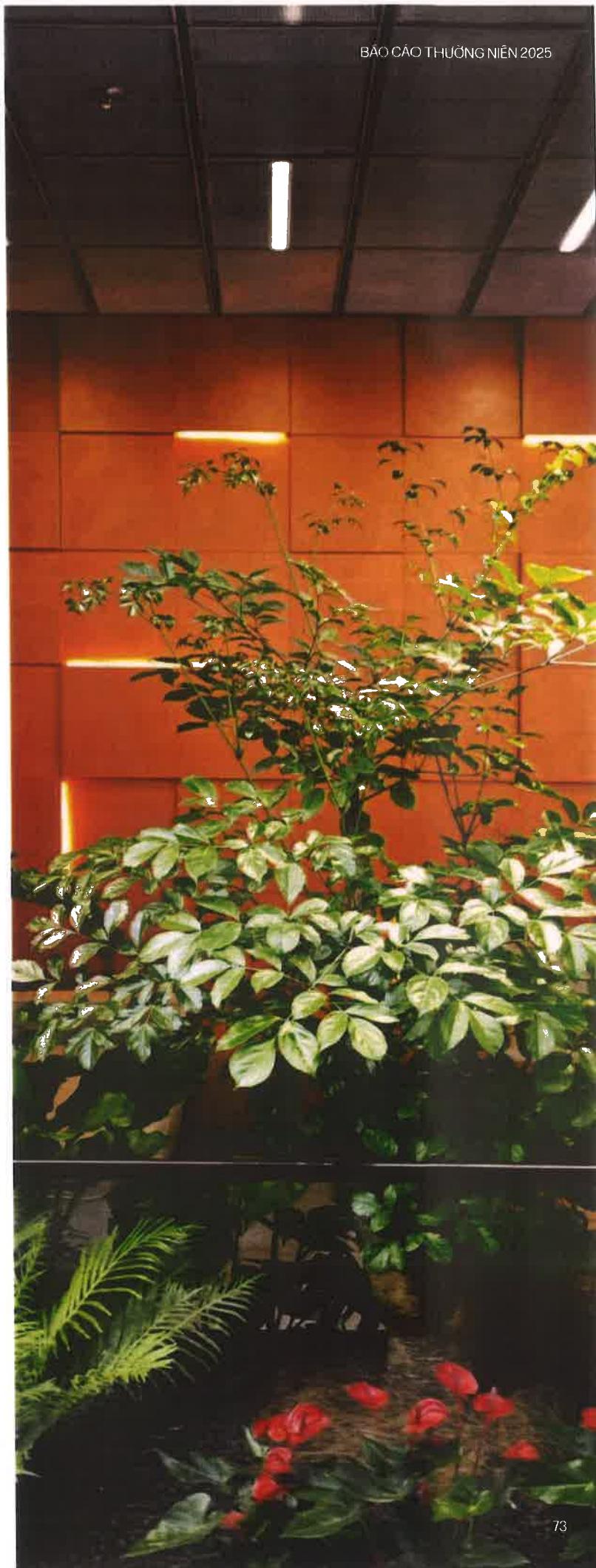
Đồng thời, trên cơ sở hệ thống KSNB, QTRR và các quy định nội bộ của VPS đều đã được thiết lập chặt chẽ, vận hành đồng bộ, HĐQT thường xuyên rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hạn chế rủi ro tiềm ẩn và khắc phục, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình hoạt động, kinh doanh.

Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và TTCK nói riêng còn nhiều khó khăn, thách thức, với những chủ trương, chỉ đạo chủ động, linh hoạt và chú trọng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, HĐQT đã định hướng và dẫn dắt VPS đạt được những kết quả khả quan, tích cực trong năm 2025.

- **Hiện thực hóa chủ trương kiện toàn mô hình quản trị**

Công tác quản trị là trụ cột quan trọng, là điều kiện tiên quyết góp phần quyết định hiệu quả hoạt động và năng lực phát triển bền vững của một công ty. Hiểu rõ điều này, HĐQT luôn chú trọng xây dựng và không ngừng kiện toàn mô hình quản trị theo hướng đồng bộ, minh bạch và nhất quán, đảm bảo sự thống nhất giữa kinh doanh và vận hành.

Trong năm 2025, thông qua việc thuê đơn vị tư vấn có uy tín trên thị trường, HĐQT đã chủ động tiếp cận, tham chiếu và từng bước triển khai, áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản trị. Đây chính là nền tảng, là động lực quan trọng giúp VPS củng cố nội lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ CBNV đối với công tác quản trị, cùng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, lâu dài.



## Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

### ▪ Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT:

Ông John Desmond Sheehy được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 29/09/2025.

Trong năm 2025, ông John Desmond Sheehy đã tham gia 13 cuộc họp HĐQT và 02 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT qua thư điện tử (email), tương ứng với tỷ lệ tham gia là 100%.

Ông John Desmond Sheehy đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT nói chung và các quyền, nghĩa vụ của thành viên độc lập HĐQT nói riêng, góp phần quan trọng trong sự thành công của công tác giám sát, kiểm soát và đánh giá tình hình quản trị, điều hành, hoạt động tại VPS trong năm 2025.

### ▪ Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT: Không có.

## Hoạt động của Ban Kiểm soát

BKS đã thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện có hiệu lực qua từng thời điểm; giám sát việc chấp hành Điều lệ, các quy định nội bộ của VPS, Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2025 của Công ty, cụ thể là:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của HĐQT, Ban TGD về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;
- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các quy trình nghiệp vụ trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, và kiến nghị các giải pháp khắc phục;
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật và chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và TGD;
- Giám sát hoạt động của HĐQT và điều hành của Ban TGD trong hoạt động kinh doanh;
- Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính; đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính, giám sát Ban Lãnh đạo Công ty thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra;
- Thực hiện các nội dung khác theo quy định pháp luật.

BKS đã thực hiện đúng trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên HĐQT, TGD, cán bộ khác của Công ty. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2025, BKS đã tổ chức 05 (năm) cuộc họp và đều đạt được kết quả là 100% số phiếu tán thành. Nội dung cuộc họp nhằm phê duyệt xem xét đánh giá số liệu, kết quả kinh doanh giữa niên độ kế toán, kết quả kinh doanh cuối năm 2025 của Công ty và thống nhất về nội dung Dự thảo quy trình, quy chế của BKS trình Đại hội Cổ đông.

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

### Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

| Đơn vị            | Họ và tên             | Thù lao            |
|-------------------|-----------------------|--------------------|
| Hội đồng quản trị | Nguyễn Lâm Dũng       | 60.000.000         |
| Hội đồng quản trị | Nguyễn Thị Thu Hồng   | 60.000.000         |
| Hội đồng quản trị | Trần Thị Bảo Ngọc     | 60.000.000         |
| Hội đồng quản trị | Trần Thị Kim Dung     | 40.000.000         |
| Hội đồng quản trị | Trần Thị Thu Thủy     | 20.000.000         |
| Hội đồng quản trị | Indronil Sengupta     | 45.000.000         |
| Hội đồng quản trị | John Desmond Sheehy   | 15.000.000         |
| <b>Tổng HĐQT</b>  |                       | <b>300.000.000</b> |
| Ban Kiểm soát     | Nguyễn Thị Thủy       | 34.548.387         |
| Ban Kiểm soát     | Nguyễn Thị Phương Hào | 36.000.000         |
| Ban Kiểm soát     | Nguyễn Ngọc Khánh     | 9.000.000          |
| Ban Kiểm soát     | Lê Thu Minh           | 1.451.613          |
| Ban Kiểm soát     | Nguyễn Thị Vân Huyền  | 27.000.000         |
| <b>Tổng BKS</b>   |                       | <b>108.000.000</b> |

(Đơn vị tính: đồng)

Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc

| Đơn vị          | Họ và tên       | Tiền lương, thưởng   |
|-----------------|-----------------|----------------------|
| Tổng Giám đốc   | Lê Minh Tài     | 179.871.429          |
| Tổng Giám đốc   | Nguyễn Lâm Dũng | 888.394.984          |
| <b>Tổng TGD</b> |                 | <b>1.068.266.413</b> |

(Đơn vị tính: đồng)

### Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch             | Quan hệ với người nội bộ        | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |          | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)                |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------|
|     |                                       |                                 | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ    |                                                                   |
| 1   | Nguyễn Thị Thu Hồng (Thành viên HĐQT) |                                 | 0                         | 0%    | 1.000.000                  | 0,066%   | Mua cổ phiếu của Công ty trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng |
| 2   | Nguyễn Tuấn Anh (Giám đốc tài chính)  |                                 | 0                         | 0%    | 50.000                     | 0,0033%  | Mua cổ phiếu của Công ty trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng |
| 3   | Trần Thị Thu Hương                    | Em gái của bà Trần Thị Kim Dung | 0                         | 0%    | 400                        | 0,00003% | Từ 17/12/2025 - 25/12/2025: Mua cổ phiếu Công ty                  |

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                             | Mối quan hệ                                                                                         | Chi tiết giao dịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời điểm giao dịch với Công ty |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1   | Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam (VIS Rating) | - Tổ chức VPS sở hữu trên 10% vốn điều lệ.<br>- Ông Nguyễn Lâm Dũng là Chủ tịch HĐQT của VIS Rating | Đầu tư, góp vốn và giao dịch chuyển nhượng cổ phần với tổng giá trị: 22.182.550.000 đồng.                                                                                                                                                                                                                           | Trong năm 2025                  |
| 2   | Nguyễn Thị Thu Hồng                                             | Thành viên HĐQT                                                                                     | Chấp thuận giao dịch mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng của nhà đầu tư có thông tin như sau:<br>- Tên nhà đầu tư: Nguyễn Thị Thu Hồng.<br>- Số lượng cổ phiếu được mua: 1.000.000 cổ phiếu.<br>- Tổng Giá trị giao dịch (theo giá chào bán): 60.000.000.000 VND. | Trong năm 2025                  |

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện tuân thủ theo đúng quy định pháp luật về quản trị công ty. Đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đồng thời mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.



# Quản trị rủi ro

## Tổng quan về mô hình Quản trị rủi ro của VPS

VPS luôn xác định QTRR là một trong những trụ cột quan trọng nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ pháp luật, an toàn, hiệu quả và bền vững.

Trong năm 2025, hệ thống chính sách, quy trình về QTRR của VPS tiếp tục được cập nhật, hoàn thiện và truyền thông đến toàn bộ nhân viên trong Công ty với mục tiêu nâng cao nhận thức về rủi ro, triển khai đầy đủ các hoạt động kiểm soát và xử lý kịp thời các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tài chính và uy tín của Công ty.

Phương pháp tiếp cận QTRR của VPS bao gồm việc tích hợp QTRR vào toàn bộ quy trình vận hành, từ chiến lược đến tác nghiệp, với sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban như QTRR, KSNB, KTNB và các đơn vị kinh doanh.

VPS tổ chức QTRR theo mô hình 3 tuyến phòng thủ gồm:

### TUYẾN 01

Các Phòng/Ban chuyên môn nghiệp vụ

Trực tiếp thực hiện giám sát, kiểm soát các rủi ro phát sinh trong các hoạt động nghiệp vụ phát sinh tại Phòng/Ban của mình thông qua các quy trình, quy định, công cụ nhận diện và đo lường rủi ro.

Báo cáo cho Tổng Giám đốc và Phòng QTRR về các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình thực hiện nghiệp vụ đồng thời đề xuất phương án xử lý rủi ro phù hợp.

Trực tiếp xử lý các rủi ro phát sinh theo phương án đã đề xuất phù hợp với thẩm quyền của đơn vị.

### TUYẾN 02

Phòng QTRR và Phòng KSNB trực thuộc TGD

Kiểm soát, giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro của các đơn vị thuộc Tuyến 01.

Thực hiện đánh giá định kỳ và đề xuất phương án xử lý với các rủi ro tiềm ẩn.

Đề xuất và cập nhật, điều chỉnh các chiến lược, khẩu vị, chính sách, quy trình, mô hình liên quan đến hoạt động QTRR và báo cáo đến HĐQT, TGD.

Thực hiện báo cáo rủi ro cho HĐQT, TGD và Cơ quan quản lý theo quy định pháp luật và các quy định nội bộ.

### TUYẾN 03

Bộ phận KTNB trực thuộc HĐQT

Thực hiện các hoạt động đánh giá, giám sát thường xuyên hoặc định kỳ quá trình vận hành hệ thống QTRR và hiệu quả của các biện pháp quản lý rủi ro.

Tham mưu cho HĐQT phê duyệt, ban hành chiến lược, biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro hoặc kiểm soát các rủi ro đã được xác định, chính sách và ngưỡng rủi ro.

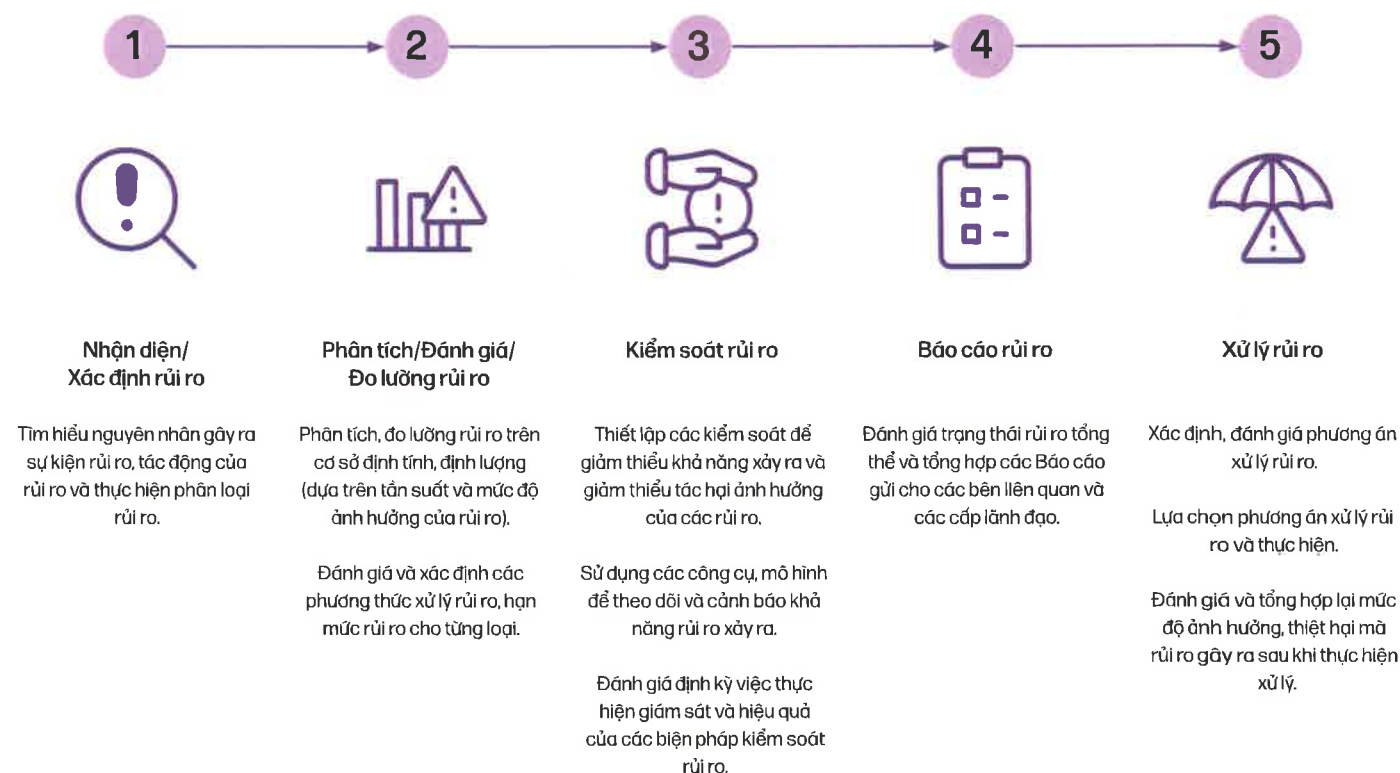
Kiểm tra, giám sát và đảm bảo Công ty xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro theo chiến lược và khuyến nghị đã được HĐQT phê duyệt.

Định kỳ báo cáo HĐQT về các hoạt động và hiệu quả hoạt động đã thực hiện trong năm.

Kiến nghị HĐQT ban hành quy định, quy trình liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro của Phòng QTRR.

# Quy trình Quản trị rủi ro

Quy trình QTRR của VPS được thực hiện theo 05 bước sau:



## Nhận diện các rủi ro trọng yếu

### Rủi ro thị trường

Các hoạt động kinh doanh chính của VPS liên quan trực tiếp/gián tiếp đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, khách hàng giao dịch phái sinh không thanh toán khi lỗ vị thế vượt giá trị ký quỹ do không thể đóng vị thế kịp thời khi thị trường biến động mạnh.

Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, có thể do các yếu tố như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu và lợi nhuận của VPS.

Để giảm thiểu các rủi ro này, VPS đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi VPS không thể đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi tài sản thành tiền mặt kịp thời. Để kiểm soát rủi ro này, VPS duy trì tỷ lệ vốn khả dụng cao hơn nhiều so với mức tối thiểu được UBCKNN quy định.

Trong năm 2025, VPS duy trì tỷ lệ vốn khả dụng trung bình hàng tháng trên 480%, cao nhất đạt 804,52% vào tháng 12. Các bộ phận Kế toán, Nguồn vốn của VPS luôn theo dõi báo cáo dòng tiền hàng ngày và phối hợp với mô hình cảnh báo biến động dòng tiền được Phòng QTRR sử dụng để đảm bảo thanh khoản.

## Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của VPS phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi,... Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với VPS khi đến hạn.

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, VPS vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các Tổ chức Tài chính dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của Tổ chức Tài chính, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi Tổ chức Tài chính sẽ được áp dụng hạn mức giao dịch khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn.

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được VPS cũng như UBCKNN chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, trong khi khách hàng không bổ sung thêm tài sản đảm bảo.

Để giảm thiểu rủi ro này, VPS thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Xác định danh mục cho vay dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời xếp hạng các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả phân loại cổ phiếu, VPS sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu.
- Danh mục cổ phiếu cho vay Giao dịch ký quỹ được đánh giá lại theo quy định của VPS tại từng thời kỳ để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin bất thường.

Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:

- Tổng hạn mức cho vay toàn Công ty không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu.
- Hạn mức cho vay tối đa 01 cá nhân không vượt quá 3% vốn chủ sở hữu.
- Hạn mức cho vay 01 mã chứng khoán không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu.
- Số lượng cho vay đối với 01 mã chứng khoán không vượt quá 5% số lượng chứng khoán niêm yết của mã đó.
- Thiết lập tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn và tỷ lệ cảnh báo ngưỡng bán giải chấp thu hồi nợ,...
- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch,...





## Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ là rủi ro xảy ra trong trường hợp công ty, nhân viên của công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ doanh nghiệp như vi phạm điều lệ công ty, quy trình nghiệp vụ, quy chế, và các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến công ty phải chịu các rủi ro liên quan về mặt pháp lý, tài chính, ảnh hưởng danh tiếng và hoạt động kinh doanh.

Để phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ, VPS đã và đang thực hiện các giải pháp sau đây:

- Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và phát hiện sớm các sai phạm có thể xảy ra.
- Nâng cao ý thức tuân thủ, tinh thần tự giác của nhân viên bằng cách tăng cường đào tạo về tuân thủ, xây dựng phần mềm đào tạo tuân thủ để đảm bảo tất cả nhân viên có thể tham gia, nhanh chóng tiếp cận với các quy định pháp luật, chính sách nội bộ của Công ty.
- Xây dựng các quy trình trên tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động. Bên cạnh đó, các quy trình nội bộ cũng thường xuyên được kiểm tra, rà soát để đảm bảo cập nhật theo các quy định mới của pháp luật.
- Duy trì và phát triển chặt chẽ hệ thống ba tuyến phòng thủ, trong đó đảm bảo công tác kiểm soát được thực hiện từ khâu đầu vào, các phòng nghiệp vụ, có sự đánh giá, phân tích của Phòng QTRR nhằm khoanh vùng, phân loại rủi ro tuân thủ.
- Tăng cường, củng cố khuôn khổ pháp lý trong công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của Công ty. Nghiêm khắc áp dụng kỷ luật đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

## Rủi ro bảo mật và an ninh thông tin

VPS nhận định rủi ro an ninh thông tin là một trong các rủi ro xảy ra với tần suất thấp nhưng nếu xảy ra thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến danh tiếng cũng như gây thiệt hại đến khả năng vận hành liên tục của Công ty. Các rủi ro an ninh thông tin phổ biến thường gặp tại các Công ty chứng khoán gồm có: rủi ro rò rỉ thông tin giao dịch và/hoặc thông tin khách hàng, rủi ro tấn công mạng, rủi ro bị mất dữ liệu, rủi ro do nhân viên vi phạm các quy định về bảo mật,...

Với vị thế là Công ty số 1 thị phần môi giới tại Việt Nam, VPS nhìn nhận việc bảo mật thông tin khách hàng, đảm bảo giao dịch của khách hàng được an toàn, thông suốt là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu. Do đó, VPS đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để hạn chế rủi ro

an ninh thông tin. Đối với cơ sở hạ tầng và các ứng dụng CNTT, VPS liên tục rà soát các lỗ hổng bảo mật và định kỳ cập nhật bản vá bảo mật, thực hiện giám sát nhật ký hệ thống, kiểm soát các thay đổi hệ thống, thực hiện kiểm thử xâm nhập và đưa ra các phương án xử lý khủng hoảng. Đối với công tác quản trị an ninh thông tin, VPS ban hành chính sách an ninh thông tin, thực hiện phân quyền truy cập và quy định trách nhiệm người dùng hệ thống CNTT, xây dựng quy trình xử lý sự cố an ninh thông tin và quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu. Đặc biệt, VPS là một trong số ít các CTCK tại Việt Nam đạt chứng nhận Quốc tế ISO/IEC 27001:2022 cho Hệ thống quản lý an toàn thông tin.

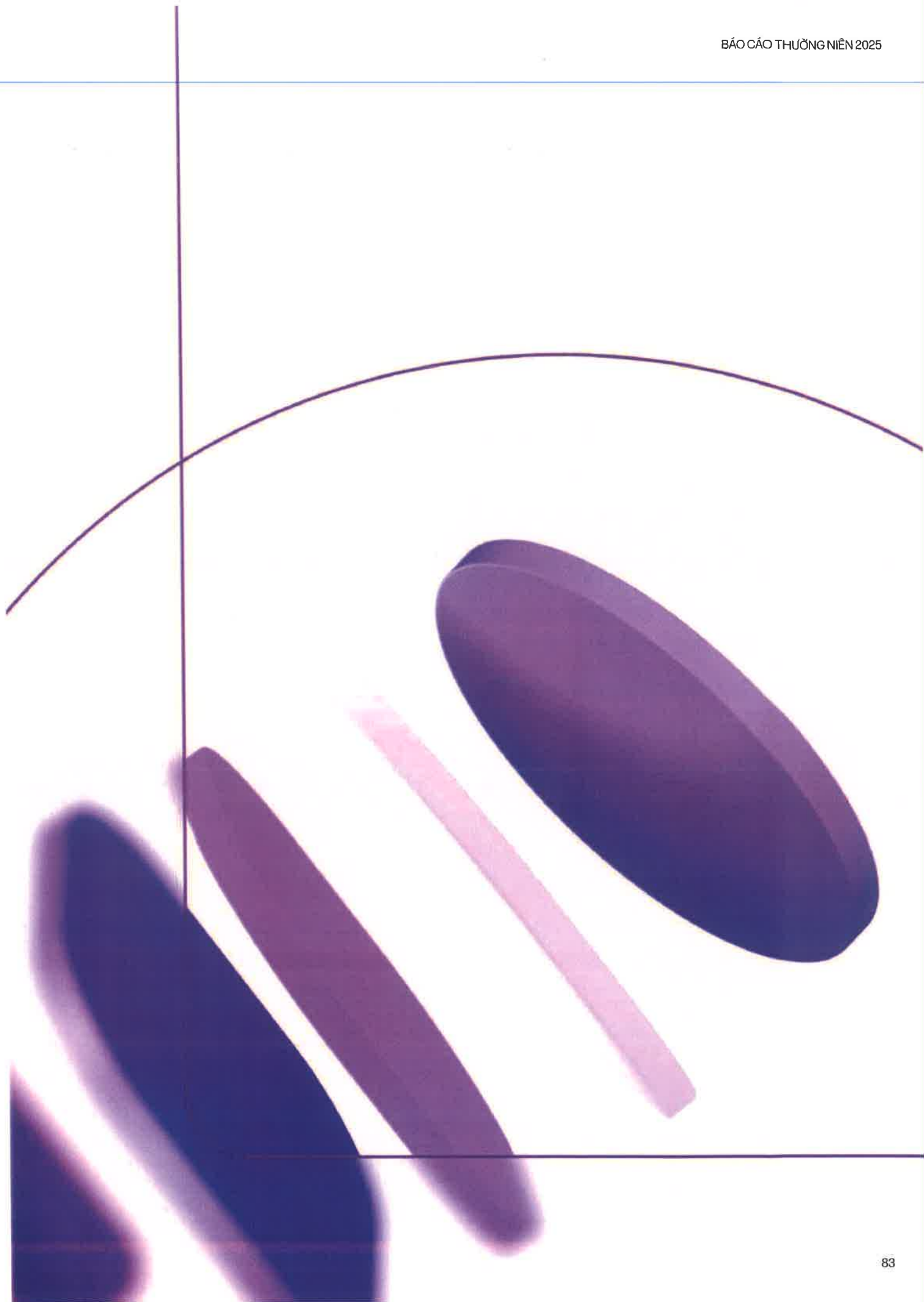
Bên cạnh các biện pháp hạn chế rủi ro an ninh thông tin dựa trên cơ sở hạ tầng và chính sách, VPS cũng chú trọng đào tạo nhận thức về an ninh thông tin định kỳ hàng quý cho toàn bộ cán bộ nhân viên của Công ty, đảm bảo tất cả nhân sự đều được cập nhật về các hành vi gây rủi ro bảo mật thông tin và nâng cao chuẩn mực trong hoạt động ở phạm vi toàn Công ty.

Kế hoạch năm 2026, VPS sẽ tập trung vào việc nâng cao khả năng phục hồi hệ thống, tự động hóa xử lý sự cố, kiểm thử an ninh định kỳ và giảm thiểu rủi ro từ mối đe dọa nội bộ.

# CHƯƠNG V

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

|                                            |     |
|--------------------------------------------|-----|
| Thông tin chung                            | 84  |
| Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị     | 86  |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                  | 87  |
| Báo cáo tình hình tài chính                | 89  |
| Báo cáo kết quả hoạt động                  | 94  |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                 | 97  |
| Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu | 101 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính              | 103 |



## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

### THÔNG TIN CHUNG

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập ngày 08 tháng 12 năm 2015 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 120/GP-UBCK trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104979904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu vào ngày 08 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 28 tháng 01 năm 2026. Ngày 21 tháng 02 năm 2019, Công ty đăng ký thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS theo Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK. Ngày 15 tháng 01 năm 2026, Công ty thay đổi vốn điều lệ và địa chỉ trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK và 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 50.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.218.257.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ tên                  | Chức vụ            | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm             |
|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Lâm Dũng     | Chủ tịch           | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025   |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng  | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025   |
| Ông John Desmond Sheehy | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2025   |
| Ông Indronil Sengupta   | Thành viên         | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2025 |
| Bà Trần Thị Bảo Ngọc    | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025   |
| Bà Trần Thị Kim Dung    | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025   |
| Bà Trần Thị Thu Thủy    | Thành viên         | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025 |

#### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ tên                   | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm             |
|--------------------------|------------|--------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thùy       | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2025   |
| Bà Lê Thu Minh           | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2025 |
| Bà Nguyễn Thị Văn Huyền  | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2025 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025   |
| Bà Nguyễn Ngọc Khánh     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2025   |

**Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS****THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)****TÒNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ tên</u>       | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>      |
|---------------------|----------------|--------------------------------------|
| Ông Lê Minh Tài     | Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025   |
| Ông Nguyễn Lâm Dũng | Tổng Giám đốc  | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025 |
| Bà Vũ Thị Lan Anh   | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 09 năm 2020   |

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Lâm Dũng, chức danh Chủ tịch HĐQT.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

### BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và đo lường phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

#### CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Nguyễn Lâm Dũng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 01 năm 2026



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +04 20 3024 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 11542554/E-69257913

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 67, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Shape the future  
with confidence**

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 10 tháng 02 năm 2025.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Trần Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số      | CHỈ TIÊU                                                               | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|------------|------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                             |             | <b>47.710.682.737.876</b>     | <b>29.823.113.449.880</b>     |
| <b>110</b> | <b>I. Tài sản tài chính</b>                                            |             | <b>47.692.438.810.317</b>     | <b>29.796.316.449.276</b>     |
| 111        | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                                  | 5           | 8.680.990.313.016             | 1.732.141.826.349             |
| 111.1      | 1.1. Tiền                                                              |             | 4.514.986.137.346             | 631.751.415.389               |
| 111.2      | 1.2. Các khoản tương đương tiền                                        |             | 4.166.004.175.670             | 1.100.390.410.960             |
| 112        | 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")           | 7.1         | 7.294.520.491.259             | 8.078.926.611.279             |
| 113        | 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")                   | 7.4         | 3.666.000.000.000             | 7.075.000.000.000             |
| 114        | 4. Các khoản cho vay                                                   | 7.3         | 22.596.278.048.657            | 12.493.385.444.738            |
| 115        | 5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)                             | 7.2         | 4.968.991.180.151             | -                             |
| 116        | 6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 7.5         | -                             | (4.877.792.928)               |
| 117        | 7. Các khoản phải thu                                                  | 8           | 437.421.542.474               | 381.623.996.035               |
| 117.1      | 7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính                                |             | 7.911.041.726                 | 6.114.267.303                 |
| 117.2      | 7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính         |             | 429.510.500.748               | 375.509.728.732               |
| 117.4      | 7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận                      |             | 429.510.500.748               | 375.509.728.732               |
| 118        | 8. Trả trước cho người bán                                             | 8           | 13.833.275.151                | 19.624.125.236                |
| 119        | 9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp                   | 8           | 24.408.306.106                | 9.634.152.734                 |
| 122        | 10. Các khoản phải thu khác                                            | 8           | 9.995.653.503                 | 22.133.410.677                |
| 129        | 11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu                       | 8           | -                             | (11.275.324.844)              |
| <b>130</b> | <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>                                       | <b>9</b>    | <b>18.243.927.359</b>         | <b>26.797.000.604</b>         |
| 131        | 1. Tạm ứng                                                             |             | 494.000.000                   | 2.249.378.612                 |
| 132        | 2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ                                  |             | 226.081.400                   | 766.957.603                   |
| 133        | 3. Chi phí trả trước ngắn hạn                                          |             | 15.318.863.959                | 19.045.565.365                |
| 134        | 4. Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn                                    |             | 2.204.982.000                 | 4.735.099.024                 |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số      | CHỈ TIÊU                                       | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|------------|------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      |             | <b>691.697.535.982</b>        | <b>544.784.221.595</b>        |
| <b>210</b> | <b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>            |             | <b>97.336.198.316</b>         | <b>18.652.029.984</b>         |
| 211        | 1. Các khoản phải thu dài hạn                  | 8           | 62.537.500.000                | -                             |
| 212        | 2. Các khoản đầu tư                            | 10          | 39.696.070.000                | 23.549.401.668                |
| 212.2      | 1.1. Đầu tư vào công ty con                    |             | -                             | 535.881.668                   |
| 212.4      | 1.2. Đầu tư dài hạn khác                       |             | 39.696.070.000                | 23.013.520.000                |
| 213        | 3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn | 10          | (4.897.371.684)               | (4.897.371.684)               |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                     |             | <b>428.449.812.552</b>        | <b>425.515.925.934</b>        |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 11          | 219.547.206.633               | 206.472.419.914               |
| 222        | 1.1. Nguyên giá                                |             | 602.397.415.406               | 534.807.382.051               |
| 223a       | 1.2. Giá trị khấu hao lũy kế                   |             | (382.850.208.773)             | (328.334.962.137)             |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                     | 12          | 208.902.605.919               | 219.043.506.020               |
| 228        | 2.1. Nguyên giá                                |             | 586.856.540.929               | 495.729.223.467               |
| 229a       | 2.2. Giá trị hao mòn lũy kế                    |             | (377.953.935.010)             | (276.685.717.447)             |
| <b>240</b> | <b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>    | 13          | <b>26.035.715.448</b>         | <b>20.819.016.333</b>         |
| <b>250</b> | <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>                |             | <b>139.875.809.666</b>        | <b>79.797.249.344</b>         |
| 251        | 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn   | 14          | 6.688.805.375                 | 3.398.693.375                 |
| 252        | 2. Chi phí trả trước dài hạn                   | 15          | 102.984.951.864               | 46.216.876.710                |
| 254        | 3. Tiền nộp Quý Hỗ trợ thanh toán              | 16          | 20.000.000.000                | 20.000.000.000                |
| 255        | 4. Tài sản dài hạn khác                        |             | 10.202.052.427                | 10.181.679.259                |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       |             | <b>48.402.380.273.658</b>     | <b>30.367.897.671.475</b>     |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số      | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|------------|----------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                              |             | <b>19.567.271.018.191</b>     | <b>19.004.977.390.178</b>     |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>                     |             | <b>14.567.364.351.531</b>     | <b>19.004.977.390.178</b>     |
| 311        | 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 18          | 12.924.357.800.000            | 18.328.645.000.000            |
| 312        | 1.1. Vay ngắn hạn                                  |             | 12.924.357.800.000            | 18.328.645.000.000            |
| 318        | 2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán        | 20          | 67.179.521.773                | 47.116.077.321                |
| 320        | 3. Phải trả người bán ngắn hạn                     | 21          | 60.169.736.376                | 29.351.061.358                |
| 321        | 4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn               |             | -                             | 160.190.000                   |
| 322        | 5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 22          | 719.140.632.663               | 391.810.548.957               |
| 324        | 6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên          |             | 1.304.766.031                 | 1.831.401.632                 |
| 325        | 7. Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 23          | 351.801.559.208               | 170.421.059.451               |
| 327        | 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn               |             | 32.465.752                    | -                             |
| 329        | 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác      | 24          | 443.377.869.728               | 35.641.960.341                |
| 331        | 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                      |             | -                             | 91.118                        |
| <b>340</b> | <b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>                     |             | <b>4.999.906.666.660</b>      | <b>-</b>                      |
| 346        | 1. Trái phiếu phát hành dài hạn                    | 19          | 4.999.906.666.660             | -                             |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           |             | <b>28.835.109.255.467</b>     | <b>11.362.920.281.297</b>     |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                           |             | <b>28.835.109.255.467</b>     | <b>11.362.920.281.297</b>     |
| 411        | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                       | 25.2        | 26.729.023.939.152            | 5.700.057.000.000             |
| 411.1      | 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu                        |             | 15.218.257.000.000            | 5.700.057.000.000             |
| 411.1a     | a. Cổ phiếu phổ thông                              |             | 15.218.257.000.000            | 5.700.057.000.000             |
| 412        | 1.2. Thặng dư vốn cổ phần                          |             | 11.510.766.939.152            | -                             |
| 412        | 2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý | 25.2        | (35.440.751.897)              | -                             |
| 414        | 3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ                  | 25.2        | -                             | 85.464.382.859                |
| 415        | 4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ      | 25.2        | -                             | 103.007.140.959               |
| 417        | 5. Lợi nhuận chưa phân phối                        | 25.3        | 2.141.526.068.212             | 5.474.391.757.479             |
| 417.1      | 5.1. Lợi nhuận đã thực hiện                        |             | 2.138.641.940.530             | 5.487.139.782.264             |
| 417.2      | 5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện                      |             | 2.884.127.682                 | (12.748.024.785)              |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>     |             | <b>48.402.380.273.658</b>     | <b>30.367.897.671.475</b>     |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                                                                    | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
|       | <b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>                                          |             |                           |                           |
| 004   | Nợ khó đòi đã xử lý (VND)                                                                                                   | 26.1        | 16.153.117.772            | -                         |
| 005   | Ngoại tệ các loại (USD)                                                                                                     | 26.2        | 1.175,92                  | 906,16                    |
| 006   | Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)                                                                                           | 25.1        | 1.521.825.700             | 570.005.700               |
| 008   | Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK (VND) | 26.3        | 3.520.571.850.000         | 753.011.640.000           |
| 009   | Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK (VND)                                                       | 26.4        | -                         | 4.580.000                 |
| 012   | Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK (VND)                                                                       | 26.5        | 2.815.036.470.000         | -                         |
|       | <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>                                           |             |                           |                           |
| 021   | Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư (VND)                                                  | 26.6        | 103.844.262.498.920       | 108.029.681.670.000       |
| 021.1 | Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng                                                                             |             | 100.234.371.034.220       | 104.042.900.150.000       |
| 021.2 | Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng                                                                                     |             | 1.521.971.160.000         | 1.281.420.850.000         |
| 021.3 | Tài sản tài chính giao dịch cầm cố                                                                                          |             | 1.097.839.280.000         | 968.534.280.000           |
| 021.4 | Tài sản tài chính bị phong tỏa, tạm giữ                                                                                     |             | 14.316.270.000            | 11.947.290.000            |
| 021.5 | Tài sản tài chính chờ thanh toán                                                                                            |             | 975.764.754.700           | 1.724.879.100.000         |
| 022   | Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)                                                 | 26.7        | 385.635.850.000           | 14.308.890.000            |
| 022.1 | Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng                                                 |             | 341.890.590.000           | 14.308.890.000            |
| 022.2 | Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng                                               |             | 43.745.260.000            | -                         |
| 023   | Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư                                                                                     | 26.8        | 3.422.727.538.000         | 1.515.283.160.000         |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                                       | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
|       | <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)</b>  |             |                           |                           |
| 025   | Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư                                              | 26.9        | 235.532.280.000           | -                         |
| 026   | Tiền gửi của khách hàng (VND)                                                                  |             | 16.814.186.845.803        | 17.214.357.256.107        |
| 027   | Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)           | 26.10       | 16.814.186.845.803        | 17.155.020.529.658        |
| 030   | Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)                                               | 26.11       | -                         | 59.336.726.449            |
| 031   | Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)      | 26.12       | 16.814.186.845.803        | 17.155.022.775.592        |
| 031.1 | Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý |             | 16.789.705.620.091        | 17.154.719.568.048        |
| 031.2 | Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý |             | 24.481.225.712            | 303.207.544               |
| 035   | Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)                                                   | 26.13       | -                         | 59.334.480.515            |

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Thu Huyền  
Người lập



Bà Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Lâm Dũng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B02-CTCK

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số     | CHỈ TIÊU                                                                    | Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>01</b> | <b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>                                               |             |                                                          |                                                          |
| 01        | 1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")         |             | 1.200.873.655.660                                        | 957.296.743.832                                          |
| 01.1      | 1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL                                    | 27.1        | 613.262.447.950                                          | 405.854.685.424                                          |
| 01.2      | 1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL            | 27.2        | 98.495.592.479                                           | 30.832.421.391                                           |
| 01.3      | 1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL                  | 27.3        | 489.115.615.231                                          | 520.609.637.017                                          |
| 02        | 2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")                 | 27.3        | 480.379.592.591                                          | 331.584.450.078                                          |
| 03        | 3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu                                     | 27.3        | 2.504.445.130.126                                        | 1.762.808.498.034                                        |
| 04        | 4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)                           | 27.3        | 12.830.002.868                                           | -                                                        |
| 06        | 5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán                                 |             | 3.770.445.475.016                                        | 3.186.624.012.446                                        |
| 09        | 6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                                   |             | 46.170.393.538                                           | 69.947.413.456                                           |
| 10        | 7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính                                     |             | 138.691.945.001                                          | 61.171.606.474                                           |
| 11        | 8. Thu nhập hoạt động khác                                                  | 28          | 106.878.251.097                                          | 96.888.954.625                                           |
| <b>20</b> | <b>Cộng doanh thu hoạt động</b>                                             |             | <b>8.260.714.445.897</b>                                 | <b>6.466.321.678.945</b>                                 |
|           | <b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>                                                |             |                                                          |                                                          |
| 21        | 1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL                                        |             | 110.984.839.310                                          | 97.041.385.620                                           |
| 21.1      | 1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL                                     | 27.1        | 26.180.175.262                                           | 51.886.024.922                                           |
| 21.2      | 1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL               | 27.2        | 82.863.440.012                                           | 45.155.360.698                                           |
| 21.3      | 1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL                      |             | 1.941.224.036                                            | -                                                        |
| 26        | 2. Chi phí hoạt động tự doanh                                               | 31          | 71.347.252.265                                           | 94.581.759.064                                           |
| 27        | 3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán                                   | 30          | 3.080.063.498.425                                        | 2.618.121.015.339                                        |
| 30        | 4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                                     | 30          | 45.827.351.840                                           | 76.772.528.100                                           |
| 31        | 5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính                                       | 30          | 13.582.669.498                                           | 15.325.945.558                                           |
| <b>40</b> | <b>Cộng chi phí hoạt động</b>                                               |             | <b>3.321.805.611.338</b>                                 | <b>2.901.842.633.681</b>                                 |
|           | <b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                   |             |                                                          |                                                          |
| 41        | 1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện                          | 29          | 1.020.060                                                | 697.743                                                  |
| 42        | 2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định                     | 29          | 84.573.474.466                                           | 58.873.249.370                                           |
| 43        | 3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh | 29          | 2.475.000.000                                            | -                                                        |
| 44        | 4. Doanh thu khác về đầu tư                                                 | 29          | 971.233.889.228                                          | 560.878.921.758                                          |
| <b>50</b> | <b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>                                   |             | <b>1.058.283.383.754</b>                                 | <b>619.752.868.871</b>                                   |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                  | Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|-------|---------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|       | <b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>                                              |             |                                                          |                                                          |
| 52    | 1. Chi phí lãi vay                                                        | 32          | 985.023.012.500                                          | 576.247.663.730                                          |
| 54    | 2. Trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 32          | -                                                        | 1.152.497.367                                            |
| 55    | 3. Chi phí tài chính khác                                                 | 32          | 7.220.250.273                                            | 14.366.231.423                                           |
| 60    | <b>Cộng chi phí tài chính</b>                                             |             | <b>992.243.262.773</b>                                   | <b>591.766.392.520</b>                                   |
| 62    | <b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>                             | 33          | <b>539.511.743.824</b>                                   | <b>438.099.998.341</b>                                   |
| 70    | <b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>                                              |             | <b>4.465.437.211.916</b>                                 | <b>3.154.365.523.274</b>                                 |
|       | <b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>                                 |             |                                                          |                                                          |
| 71    | 1. Thu nhập khác                                                          | 34          | 6.766.129.644                                            | 724.797.872                                              |
| 72    | 2. Chi phí khác                                                           | 34          | 796.927.052                                              | 1.326.950.411                                            |
| 80    | <b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>                                        |             | <b>5.969.202.592</b>                                     | <b>(602.152.539)</b>                                     |
| 90    | <b>VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>                            |             | <b>4.471.406.414.508</b>                                 | <b>3.153.763.370.735</b>                                 |
| 91    | 1. Lợi nhuận đã thực hiện                                                 |             | 4.455.774.262.041                                        | 3.168.086.310.042                                        |
| 92    | 2. Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện                                          |             | 15.632.152.467                                           | (14.322.939.307)                                         |
| 100   | <b>IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>                    | 35          | <b>892.743.627.593</b>                                   | <b>635.000.958.840</b>                                   |
| 100.1 | 1. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                            |             | 892.743.627.593                                          | 635.000.958.840                                          |
| 200   | <b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>                                 |             | <b>3.578.662.786.915</b>                                 | <b>2.518.762.411.895</b>                                 |
| 300   | <b>XI. LỖ TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>                                |             | <b>(35.440.751.897)</b>                                  | -                                                        |
| 301   | 1. Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán               |             | (35.440.751.897)                                         | -                                                        |
| 400   | <b>Tổng thu nhập toàn diện</b>                                            |             | <b>(35.440.751.897)</b>                                  | -                                                        |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                   | Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|-------|------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 500   | XII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG                |             |                                                          |                                                          |
| 501   | 1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (trình bày lại) | 36          | 2.742                                                    | 2.640                                                    |

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

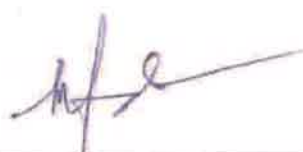
Người lập biểu:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Thu Huyền  
Người lập



Bà Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Lâm Dũng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B03-CT-CK

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                       | Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|-------|----------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>              |             |                                                          |                                                          |
| 01    | 1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN                                   |             | 4.471.406.414.508                                        | 3.153.763.370.735                                        |
| 02    | 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                   |             | 620.016.739.381                                          | 302.262.830.850                                          |
| 03    | Khấu hao TSCĐ                                                  |             | 168.810.590.533                                          | 156.635.933.383                                          |
| 04    | Các khoản dự phòng                                             |             | (16.153.117.772)                                         | 1.152.497.367                                            |
| 06    | Chi phí lãi vay                                                |             | 985.023.012.500                                          | 576.247.663.730                                          |
| 07    | Lãi từ hoạt động đầu tư                                        |             | (88.153.245.132)                                         | (59.282.340.279)                                         |
| 08    | Dự thu tiền lãi                                                |             | (429.510.500.748)                                        | (375.509.728.732)                                        |
| 09    | Các khoản điều chỉnh khác                                      |             | -                                                        | 3.018.805.381                                            |
| 10    | 3. Tăng các chi phí tiền tệ                                    |             | 82.863.440.012                                           | 45.155.360.698                                           |
| 11    | Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL           |             | 82.863.440.012                                           | 45.155.360.698                                           |
| 18    | 4. Giảm các doanh thu phí tiền tệ                              |             | (98.495.592.479)                                         | (30.832.421.391)                                         |
| 19    | Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL           |             | (98.495.592.479)                                         | (30.832.421.391)                                         |
| 30    | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động         |             | (11.462.605.846.635)                                     | (9.690.703.248.882)                                      |
| 31    | Giảm/(Tăng) tài sản tài chính FVTPL                            |             | 800.038.272.487                                          | (2.493.299.892.308)                                      |
| 32    | Giảm/(Tăng) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          |             | 3.409.000.000.000                                        | (5.404.000.000.000)                                      |
| 33    | Tăng các khoản cho vay                                         |             | (10.102.892.603.919)                                     | (867.251.293.269)                                        |
| 34    | Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán                         |             | (5.004.431.932.048)                                      | -                                                        |
| 35    | (Tăng)/Giảm phải thu bán các tài sản tài chính                 |             | (1.856.274.423)                                          | 20.957.317.260                                           |
| 36    | Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính |             | 459.478.203.198                                          | 244.736.029.040                                          |
| 37    | Tăng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                        |             | (77.412.343.372)                                         | (8.528.183.785)                                          |
| 39    | Giảm các khoản phải thu khác                                   |             | 12.137.757.174                                           | 10.071.898.791                                           |
| 40    | Giảm các tài sản khác                                          |             | 1.515.886.671                                            | 536.345.338                                              |
| 41    | Tăng/(Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)   |             | 16.556.549.699                                           | (25.460.599.366)                                         |
| 42    | Tăng chi phí trả trước                                         |             | (53.041.373.748)                                         | (15.382.082.941)                                         |
| 43    | Thuế TNDN đã nộp                                               |             | (647.534.914.126)                                        | (471.599.160.438)                                        |
| 44    | Lãi vay đã trả                                                 |             | (820.199.062.442)                                        | (601.759.469.992)                                        |
| 45    | Tăng/(Giảm) phải trả cho người bán                             |             | 56.672.969.555                                           | (14.050.066.236)                                         |
| 46    | Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên                    |             | (526.635.601)                                            | (314.495.073)                                            |
| 47    | Tăng/(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                |             | 82.121.370.239                                           | (28.173.771.334)                                         |
| 50    | Tăng/(Giảm) phải trả, phải nộp khác                            |             | 407.768.284.021                                          | (37.185.824.569)                                         |
| 60    | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh         |             | (6.388.814.845.213)                                      | (6.220.354.107.990)                                      |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                                   | Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                             |             |                                                          |                                                          |
| 61    | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác     |             | (177.675.686.702)                                        | (175.613.009.614)                                        |
| 62    | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác  |             | 1.819.281.102                                            | 409.090.909                                              |
| 63    | Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác           |             | (22.182.550.000)                                         | (5.500.000.000)                                          |
| 64    | Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác |             | 8.510.881.668                                            | 3.506.760.000                                            |
| 65    | Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn            |             | 605.000.000                                              | 954.250.000                                              |
| 70    | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư                                         |             | (188.923.073.932)                                        | (176.242.908.705)                                        |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                         |             |                                                          |                                                          |
| 71    | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                |             | 13.928.966.939.152                                       | -                                                        |
| 73    | Tiền vay gốc                                                                               |             | 327.255.343.037.067                                      | 420.868.443.752.103                                      |
| 73.2  | Tiền vay khác                                                                              |             | 327.255.343.037.067                                      | 420.868.443.752.103                                      |
| 74    | Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                    |             | (327.659.723.570.407)                                    | (415.370.709.925.905)                                    |
| 74.3  | Tiền chi trả gốc vay khác                                                                  |             | (327.659.723.570.407)                                    | (415.370.709.925.905)                                    |
| 76    | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                    |             | -                                                        | (151.800.000.000)                                        |
| 80    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               |             | 13.524.586.405.812                                       | 5.345.933.826.198                                        |
| 90    | TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM                                                           |             | 6.948.848.486.667                                        | (1.050.663.190.497)                                      |
| 101   | <b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>                                          | 5           | 1.732.141.826.349                                        | 2.782.805.016.846                                        |
| 101.1 | Tiền                                                                                       |             | 631.751.415.389                                          | 727.089.417.870                                          |
| 101.2 | Các khoản tương đương tiền                                                                 |             | 1.100.390.410.960                                        | 2.055.715.598.976                                        |
| 103   | <b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>                                         | 5           | 8.680.990.313.016                                        | 1.732.141.826.349                                        |
| 103.1 | Tiền                                                                                       |             | 4.514.986.137.346                                        | 631.751.415.389                                          |
| 103.2 | Các khoản tương đương tiền                                                                 |             | 4.166.004.175.670                                        | 1.100.390.410.960                                        |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                         | Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|       | <b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>             |             |                                                          |                                                          |
| 01    | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                              |             | 1.209.435.611.638.369                                    | 1.017.280.640.057.754                                    |
| 02    | 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                              |             | (1.216.017.641.721.854)                                  | (1.014.114.539.826.390)                                  |
| 07    | 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng              |             | 1.831.930.917.601.940                                    | 1.248.385.181.347.990                                    |
| 08    | 4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                       |             | (1.825.689.721.202.310)                                  | (1.250.891.962.641.090)                                  |
| 14    | 5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán                                    |             | 5.612.454.604.230                                        | 6.720.138.070.590                                        |
| 15    | 6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán                                    |             | (5.671.791.330.679)                                      | (6.720.385.207.270)                                      |
| 20    | <b>Tăng tiền thuần trong năm</b>                                                 |             | <b>(400.170.410.304)</b>                                 | <b>659.071.801.584</b>                                   |
| 30    | <b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>             |             | <b>17.214.357.256.107</b>                                | <b>16.555.285.454.523</b>                                |
| 31    | Tiền gửi ngân hàng đầu năm:                                                      |             | 17.214.357.256.107                                       | 16.555.285.454.523                                       |
| 32    | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý |             | 17.155.020.529.658                                       | 16.495.701.591.394                                       |
| 35    | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành                                                 |             | 59.336.726.449                                           | 59.583.863.129                                           |

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                         | Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 40    | III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng                  |             | 16.814.186.845.803                                       | 17.214.357.256.107                                       |
| 41    | Tiền gửi ngân hàng cuối năm:                                                     |             | 16.814.186.845.803                                       | 17.214.357.256.107                                       |
| 42    | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 26.10       | 16.814.186.845.803                                       | 17.155.020.529.658                                       |
| 45    | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành                                                 | 26.11       | -                                                        | 59.336.726.449                                           |

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Thu Huyền  
Người lập

Bà Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Lâm Dũng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

B04-CTCK

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Số đầu năm                |                           | Số tăng/(giảm)    |                     |                    |                     | Số cuối năm               |                           |
|----------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|-------------------|---------------------|--------------------|---------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                                    |             | Ngày 01 tháng 01 năm 2024 | Ngày 01 tháng 01 năm 2025 | Năm trước         |                     | Năm nay            |                     | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 |
|                                                    |             |                           |                           | Tăng              | Giảm                | Tăng               | Giảm                |                           |                           |
| A                                                  | B           | 1                         | 2                         | 3                 | 4                   | 5                  | 6                   | 7                         | 8                         |
| I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU                        |             |                           |                           |                   |                     |                    |                     |                           |                           |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                       | 25.2        | 5.700.057.000.000         | 5.700.057.000.000         | 2.530.000.000.000 | (2.530.000.000.000) | 21.214.100.000.000 | (185.133.060.848)   | 5.700.057.000.000         | 26.729.023.939.152        |
| 1.1. Cổ phiếu phổ thông                            |             | 3.170.057.000.000         | 5.700.057.000.000         | 2.530.000.000.000 | (2.530.000.000.000) | 9.518.200.000.000  | -                   | 5.700.057.000.000         | 15.218.257.000.000        |
| 1.2. Cổ phiếu ưu đãi                               |             | 2.530.000.000.000         | -                         | -                 | -                   | 11.695.900.000.000 | (185.133.060.848)   | -                         | 11.510.766.939.152        |
| 1.3. Thặng dư vốn cổ phần                          |             | -                         | -                         | -                 | -                   | -                  | (85.464.382.859)    | 85.464.382.859            | -                         |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ                  | 25.2        | 85.464.382.859            | 85.464.382.859            | -                 | -                   | -                  | -                   | 103.007.140.959           | -                         |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ      | 25.2        | 103.007.140.959           | 103.007.140.959           | -                 | -                   | -                  | (103.007.140.959)   | 103.007.140.959           | -                         |
| 4. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý |             | -                         | -                         | -                 | -                   | -                  | (35.440.751.897)    | -                         | (35.440.751.897)          |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối                        |             | 3.104.410.540.203         | 5.474.391.757.479         | 2.536.104.156.583 | (165.122.939.307)   | 3.578.662.786.915  | (6.911.528.476.182) | 5.474.391.757.479         | 2.141.526.068.212         |
| 5.1. Lợi nhuận đã thực hiện                        |             | 3.102.835.625.681         | 5.487.139.782.264         | 2.536.104.156.583 | (151.800.000.000)   | 3.563.030.634.448  | (6.911.528.476.182) | 5.487.139.782.264         | 2.138.641.940.530         |
| 5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện                      |             | 1.574.914.522             | (12.748.024.785)          | -                 | (14.322.939.307)    | 15.632.152.467     | -                   | (12.748.024.785)          | 2.884.127.682             |
| Tổng cộng                                          |             | 8.992.899.044.021         | 11.362.920.261.267        | 8.068.104.156.583 | (2.696.122.939.307) | 24.782.762.786.915 | (7.320.575.812.745) | 11.362.920.261.297        | 28.835.109.255.487        |

**Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS**

**B04-CTCK**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Don vi: VND

| CHỈ TIÊU                                        | Thuyết minh | Số đầu năm                |                           | Số tăng/(giảm) |      |         |                       | Số cuối năm               |                           |
|-------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|----------------|------|---------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                                 |             | Ngày 01 tháng 01 năm 2024 | Ngày 01 tháng 01 năm 2025 | Năm trước      |      | Năm nay |                       | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 |
|                                                 |             |                           |                           | Tăng           | Giảm | Tăng    | Giảm                  |                           |                           |
| A                                               | B           | 1                         | 2                         | 3              | 4    | 5       | 6                     | 7                         | 8                         |
| II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC                     |             |                           |                           |                |      |         |                       |                           |                           |
| 1. Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS |             | -                         | -                         | -              | -    | -       | 35.440.751.897        | -                         | (35.440.751.897)          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                |             | -                         | -                         | -              | -    | -       | <b>35.440.751.897</b> | -                         | <b>(35.440.751.897)</b>   |

**Người lập biểu:**

**Người kiểm soát:**

**Người phê duyệt:**

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

**Bà Lê Thị Thu Huyền**  
**Người lập**

**Bà Vũ Thị Lan Anh**  
**Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Lâm Dũng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập ngày 08 tháng 12 năm 2015 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 120/GP-UBCK trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104979904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu vào ngày 08 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 28 tháng 01 năm 2026. Ngày 21 tháng 02 năm 2019, Công ty đăng ký thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS theo Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK. Ngày 15 tháng 01 năm 2026, Công ty thay đổi vốn điều lệ và địa chỉ trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK và 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 50.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.218.257.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm môi giới chứng khoán, tư vấn chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các phòng giao dịch tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1.873 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.738 người).

#### Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

##### Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là: 15.218.257.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.700.057.000.000 VND).

##### Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là tối đa hóa lợi nhuận của khách hàng, gia tăng giá trị của các cổ đông, cùng phát triển với đối tác, chăm lo cuộc sống của cán bộ nhân viên.

##### Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

##### *Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)*

##### *Hạn chế đầu tư (tiếp theo)*

3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
  - a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định tại điểm c, d và e khoản 4 trên.

#### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

##### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

#### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính

Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn đầu tư vào công ty con duy nhất là Công ty TNHH VPBS (Myanmar) vào ngày 21 tháng 03 năm 2025. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có bất kỳ khoản đầu tư vào công ty con nào và vì vậy Công ty không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo quy định tại Điều 48, Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Công ty đã quyết định không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

#### 2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

### 3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi ủy thác tại các công ty quản lý quỹ, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

#### 4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

## 4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản dự phòng đo suy giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

##### Cho vay ký quỹ

Cho vay ký quỹ là việc Công ty cho nhà đầu tư vay tiền để mua chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư mở tại Công ty, đồng thời, nhà đầu tư có trách nhiệm ký quỹ một phần hoặc toàn bộ chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ có trong tài khoản giao dịch ký quỹ để đảm bảo cho khoản vay đó. Các khoản cho vay ký quỹ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay ký quỹ tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

##### Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán

Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (02) ngày giao dịch.

##### 4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần "Thu nhập toàn diện khác" trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

#### 4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày đánh giá nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại giá trị chứng khoán;
- Công ty không đánh giá lại đối với cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) nếu không có báo giá của ba (03) công ty chứng khoán hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày đánh giá lại;

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.7 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính* (tiếp theo)

- Đối với trái phiếu niêm yết, giá đánh giá lại là giá niêm yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất;
- Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ việc đánh giá lại các tài sản tài chính này theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban lãnh đạo chấp thuận bằng văn bản;

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

##### 4.8 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

##### 4.9 *Phân loại lại tài sản tài chính*

*Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 4.9 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)

*Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

#### 4.10 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

*Đầu tư dài hạn khác*

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối năm tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các đơn vị nhận vốn góp bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

#### 4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.11 Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động" trong năm.

**4.12 Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

**4.13 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                                |              |
|--------------------------------|--------------|
| Máy móc thiết bị               | 3 - 8 năm    |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 - 8 năm    |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 3 - 14,5 năm |
| Tài sản hữu hình khác          | 3 - 5 năm    |
| Phần mềm máy tính              | 3 - 15 năm   |

**4.14 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**4.15 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**4.16 Các khoản vay và phát hành trái phiếu**

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

##### 4.18 Lợi ích của nhân viên

###### 4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên công ty đến tuổi nghỉ hưu và tiếp tục làm việc tại Công ty sẽ được nhận phụ cấp hưu trí bằng chi phí bảo hiểm xã hội Công ty phải đóng cho Người lao động tại thời điểm nghỉ hưu, được chi trả dựa trên số ngày làm việc thực tế của Người lao động, không tính vào Thường cuối năm.

###### 4.18.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

##### 4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của báo cáo tình hình tài chính năm theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

##### 4.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

###### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

###### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

###### *Thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

###### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh thu nhập từ bán các khoản phải thu, thu nhập lãi tiền gửi và các doanh thu hoạt động tài chính khác. Trong đó:

###### *Thu nhập lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

###### *Cổ tức*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi hoàn tất chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với các tài sản hoặc công cụ tài chính.

###### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Doanh thu được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### 4.21 Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 4.22 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

#### 4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 4.24 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

##### Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

##### Các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

#### 4.25 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.26 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban lãnh đạo xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

##### 4.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

##### 4.28 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                                    | 31/12/2025<br>VND        | 31/12/2024<br>VND        |
|----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Tiền</b>                                        | <b>4.514.986.137.346</b> | <b>631.751.415.389</b>   |
| Tiền mặt tại quỹ                                   | 242.612.247              | 428.199.425              |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty       | 4.514.743.525.099        | 631.323.215.964          |
| <b>Các khoản tương đương tiền</b>                  | <b>4.166.004.175.670</b> | <b>1.100.390.410.960</b> |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 4.166.004.175.670        | 1.100.390.410.960        |
| <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>8.680.990.313.016</b> | <b>1.732.141.826.349</b> |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

|                                | <i>Khối lượng<br/>giao dịch thực hiện trong năm<br/>(Đơn vị)</i> | <i>Giá trị giao dịch thực<br/>hiện trong năm<br/>(VND)</i> |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| <b>Của Công ty chứng khoán</b> | <b>722.515.472</b>                                               | <b>88.661.814.995.314</b>                                  |
| - Cổ phiếu                     | 427.890                                                          | 7.758.713.525                                              |
| - Trái phiếu                   | 722.087.582                                                      | 88.654.056.281.789                                         |
| <b>Của nhà đầu tư</b>          | <b>94.104.357.356</b>                                            | <b>10.029.719.620.469.400</b>                              |
| - Cổ phiếu                     | 91.380.583.040                                                   | 2.298.882.510.085.830                                      |
| - Chứng quyền                  | 1.748.561.746                                                    | 2.466.487.649.970                                          |
| - Trái phiếu                   | 928.150.719                                                      | 116.674.498.483.587                                        |
| - Chứng khoán phái sinh        | 47.061.851                                                       | 7.611.696.124.250.000                                      |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>94.826.872.828</b>                                            | <b>10.118.381.435.464.700</b>                              |

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

## Một số khái niệm về tài sản tài chính

*Giá gốc*

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

*Giá trị hợp lý/giá trị thị trường*

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

*Giá trị phân bổ*

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "*Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp*" trên báo cáo tình hình tài chính.

*Giá trị ghi sổ*

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

|                                                         | 31/12/2025               |                          | 31/12/2024               |                          |
|---------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                         | Giá gốc<br>VND           | Giá trị hợp lý<br>VND    | Giá gốc<br>VND           | Giá trị hợp lý<br>VND    |
| Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết                      |                          |                          |                          |                          |
| Cổ phiếu chưa niêm yết đăng ký giao dịch trên Upcom     | 14.166.926.309           | 21.849.793.600           | 14.177.545.756           | 14.572.844.580           |
| Cổ phiếu chưa niêm yết khác                             | 597.833.347              | 2.122.898.533            | 597.693.454              | 2.455.682.733            |
| Cổ phiếu hủy niêm yết, ngừng giao dịch                  | 15.356.145.200           | 15.356.145.200           | 15.356.145.200           | 15.356.145.200           |
| Trái phiếu niêm yết                                     | 44.734.558               | 44.734.558               | 34.255.004               | 34.255.004               |
| Trái phiếu chưa niêm yết                                | 297.975.750.000          | 291.651.945.205          | 1.108.448.588.231        | 1.093.447.275.343        |
| Công cụ thị trường tiền tệ - Chứng chỉ tiền gửi         | 1.111.597.365.435        | 1.111.597.365.435        | -                        | -                        |
| Công cụ thị trường tiền tệ - Tiền gửi có kỳ hạn cố định | 4.950.225.086.454        | 4.950.225.086.454        | -                        | -                        |
| <b>Tổng cộng</b>                                        | <b>901.672.522.274</b>   | <b>901.672.522.274</b>   | <b>6.953.060.408.419</b> | <b>6.953.060.408.419</b> |
|                                                         | <b>7.291.636.363.577</b> | <b>7.294.520.491.259</b> | <b>8.091.674.636.064</b> | <b>8.078.926.611.279</b> |

#### 7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

|                          | 31/12/2025               |                          | 31/12/2024     |                       |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------|-----------------------|
|                          | Giá gốc<br>VND           | Giá trị hợp lý<br>VND    | Giá gốc<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Trái phiếu niêm yết      | 1.988.220.624.397        | 1.952.779.872.500        | -              | -                     |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 3.016.211.307.651        | 3.016.211.307.651        | -              | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>5.004.431.932.048</b> | <b>4.968.991.180.151</b> | -              | -                     |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 7.3 Các khoản cho vay

|                                                         | 31/12/2025                |                           | 31/12/2024                |                           |
|---------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                                         | Giá gốc<br>VND            | Giá trị hợp lý (3)<br>VND | Giá gốc<br>VND            | Giá trị hợp lý (3)<br>VND |
| Cho vay hoạt động kỳ quỹ (1)                            | 22.083.485.333.806        | 22.083.485.333.806        | 12.208.784.801.234        | 12.203.907.008.306        |
| Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2) | 512.792.714.851           | 512.792.714.851           | 284.600.643.504           | 284.600.643.504           |
| <b>Tổng cộng</b>                                        | <b>22.596.278.048.657</b> | <b>22.596.278.048.657</b> | <b>12.493.385.444.738</b> | <b>12.488.507.651.810</b> |

- (1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty quản lý như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty.
- (2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.
- (3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

## 7.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

|                                          | 31/12/2025<br>VND        | 31/12/2024<br>VND        |
|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm | 3.666.000.000.000        | 7.075.000.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>3.666.000.000.000</b> | <b>7.075.000.000.000</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm được hưởng lãi suất 5,20% - 8,45%/năm, nhận lãi cuối kỳ.

## 7.5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

|                                             | 31/12/2025<br>VND | 31/12/2024<br>VND    |
|---------------------------------------------|-------------------|----------------------|
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay | -                 | 4.877.792.928        |
| <b>Số dư cuối năm</b>                       | <b>-</b>          | <b>4.877.792.928</b> |

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.6 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính như sau:

| Các loại tài sản tài chính             | 31/12/2025                |                      |                          |                           | 31/12/2024               |                      |                          |                          |
|----------------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                        | Chênh lệch đánh giá       |                      | Giá trị đánh giá lại VND | Giá mua/Giá gốc VND       | Chênh lệch đánh giá      |                      | Giá trị đánh giá lại VND | Giá mua/Giá gốc VND      |
|                                        | Chênh lệch tăng VND       | Chênh lệch giảm VND  |                          |                           | Chênh lệch tăng VND      | Chênh lệch giảm VND  |                          |                          |
| <b>FVTPL</b>                           | <b>7.291.636.363.577</b>  | <b>9.296.401.181</b> | <b>(6.412.273.499)</b>   | <b>7.294.520.491.259</b>  | <b>8.091.574.536.064</b> | <b>4.079.161.911</b> | <b>(16.927.186.596)</b>  | <b>8.078.926.611.279</b> |
| Có phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết     | 14.166.926.309            | 7.731.999.352        | (49.132.061)             | 21.849.793.600            | 14.177.545.756           | 2.182.669.052        | (1.787.370.258)          | 14.572.844.590           |
| Có phiếu chưa niêm yết                 |                           |                      |                          |                           |                          |                      |                          |                          |
| đăng ký giao dịch trên Upcom           | 597.833.347               | 1.564.401.829        | (39.336.643)             | 2.122.898.533             | 597.693.454              | 1.896.492.829        | (38.503.550)             | 2.455.682.733            |
| Có phiếu chưa niêm yết khác            | 15.356.145.200            | -                    | -                        | 15.356.145.200            | 15.356.145.200           | -                    | -                        | 15.356.145.200           |
| Có phiếu hủy niêm yết, ngưng giao dịch | 44.734.558                | -                    | -                        | 44.734.558                | 34.255.004               | -                    | -                        | 34.255.004               |
| Trái phiếu niêm yết                    | 297.975.750.000           | -                    | (6.323.804.795)          | 291.651.945.205           | 1.108.448.588.231        | -                    | (15.001.312.888)         | 1.093.447.275.343        |
| Trái phiếu chưa niêm yết               | 1.111.597.365.435         | -                    | -                        | 1.111.597.365.435         | -                        | -                    | -                        | -                        |
| Cổng cụ thị trường tiền tệ             | 5.851.597.808.728         | -                    | -                        | 5.351.897.808.728         | 6.953.060.408.419        | -                    | -                        | 6.953.060.408.419        |
| AFS                                    | 5.004.431.832.048         | -                    | (35.440.751.897)         | 4.968.991.180.151         | -                        | -                    | -                        | -                        |
| Trái phiếu niêm yết                    | 1.988.220.824.397         | -                    | (35.440.751.897)         | 1.952.779.872.500         | -                        | -                    | -                        | -                        |
| Trái phiếu chưa niêm yết               | 3.016.211.307.651         | -                    | -                        | 3.016.211.307.651         | -                        | -                    | -                        | -                        |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>12.296.068.295.625</b> | <b>9.296.401.181</b> | <b>(41.853.025.396)</b>  | <b>12.263.511.571.410</b> | <b>8.091.574.536.064</b> | <b>4.079.161.911</b> | <b>(16.927.186.596)</b>  | <b>8.078.926.611.279</b> |

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

|                                                                     | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND      |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn</b>                                            | <b>485.658.777.234</b> | <b>421.740.359.838</b> |
| Phải thu bán các tài sản tài chính ngắn hạn                         | 7.911.041.726          | 6.114.267.303          |
| Trong đó: Phải thu khó đòi                                          | -                      | (138.000.000)          |
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư                | 172.418.461.023        | 227.629.721.664        |
| Phải thu lãi hoạt động cho vay hoạt động ký quỹ, ứng trước tiền bán | 257.092.039.725        | 147.880.007.068        |
| Trả trước cho người bán                                             | 13.833.275.151         | 19.624.125.236         |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp ngắn hạn          | 24.408.306.106         | 9.634.152.734          |
| Trong đó: Phải thu khó đòi                                          | -                      | (1.115.000)            |
| Phải thu khác                                                       | 9.995.653.503          | 22.133.410.677         |
| Trong đó: Phải thu khó đòi                                          | -                      | (11.136.209.844)       |
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu                        | -                      | (11.275.324.844)       |
| <b>Phải thu dài hạn</b>                                             | <b>62.537.500.000</b>  | -                      |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp dài hạn           | 62.537.500.000         | -                      |
| <b>Tổng cộng</b>                                                    | <b>548.196.277.234</b> | <b>421.740.359.838</b> |

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

|                                                                      | Giá trị phải thu<br>khó đòi đầu năm<br>VND | Số dự phòng đầu<br>năm<br>VND | Số xử lý nợ<br>trong năm<br>VND | Số dự phòng<br>cuối năm<br>VND | Giá trị phải thu<br>khó đòi cuối năm<br>VND |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán<br/>cung cấp khó đòi</b> | <b>10.054.716.348</b>                      | <b>10.054.716.348</b>         | <b>(10.054.716.348)</b>         | -                              | -                                           |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 17                                           | 55.000.000                                 | 55.000.000                    | (55.000.000)                    | -                              | -                                           |
| <b>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà<br/>nước SCIC</b>       | <b>83.000.000</b>                          | <b>83.000.000</b>             | <b>(83.000.000)</b>             | -                              | -                                           |
| Phải thu khó đòi từ cá nhân                                          | 9.916.716.348                              | 9.916.716.348                 | (9.916.716.348)                 | -                              | -                                           |
| <b>Dự phòng phải thu khó đòi khác</b>                                | <b>1.220.608.496</b>                       | <b>1.220.608.496</b>          | <b>(1.220.608.496)</b>          | -                              | -                                           |
| <b>Tổng cộng</b>                                                     | <b>11.275.324.844</b>                      | <b>11.275.324.844</b>         | <b>(11.275.324.844)</b>         | -                              | -                                           |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

|                                      | 31/12/2025<br>VND     | 31/12/2024<br>VND     |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tạm ứng                              | 494.000.000           | 2.249.378.612         |
| Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ   | 226.081.400           | 766.957.603           |
| Chi phí trả trước ngắn hạn           | 15.318.863.959        | 19.045.565.365        |
| - Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ | 2.971.869.331         | 367.935.531           |
| - Chi phí trả trước dịch vụ          | 12.346.994.628        | 18.667.629.834        |
| Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn     | 2.204.982.000         | 4.735.099.024         |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>18.243.927.359</b> | <b>26.797.000.604</b> |

## 10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

|                                                    | 31/12/2025      |                        | 31/12/2024      |                        |
|----------------------------------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|------------------------|
|                                                    | Tỷ lệ<br>đầu tư | Giá gốc<br>VND         | Tỷ lệ<br>đầu tư | Giá gốc<br>VND         |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                      |                 | -                      |                 | <b>535.881.668</b>     |
| Công ty TNHH VPBS (Myanmar)                        | -               | -                      | 99,0%           | 535.881.668            |
| <b>Đầu tư dài hạn khác</b>                         |                 | <b>39.696.070.000</b>  |                 | <b>23.013.520.000</b>  |
| Công ty Cổ phần Bảo Hiểm OPES                      | -               | -                      | 0,435%          | 5.500.000.000          |
| Công ty TNHH Xã hội Chắp Cánh Foundation           | 5,0%            | 2.500.000.000          | 5,0%            | 2.500.000.000          |
| Công ty Cổ phần Âm nhạc Cổ điển Việt               | 10,0%           | 2.500.000.000          | 10,0%           | 2.500.000.000          |
| Công ty Cổ phần Xếp hạng tín nhiệm đầu tư Việt Nam | 15,0%           | 29.196.070.000         | 6,8%            | 7.013.520.000          |
| Công ty Cổ phần Ezdirect                           | 11,0%           | 5.500.000.000          | 11,0%           | 5.500.000.000          |
| <b>Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư</b>  |                 | <b>(4.897.371.684)</b> |                 | <b>(4.897.371.684)</b> |
| <b>Tổng cộng</b>                                   |                 | <b>34.798.698.316</b>  |                 | <b>18.652.029.984</b>  |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                                                           | Máy móc thiết bị<br>VND | Phương tiện vận tải<br>VND | Thiết bị văn phòng<br>VND | TSCĐ hữu hình khác<br>VND | Tổng cộng<br>VND  |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|---------------------------|---------------------------|-------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                                         |                         |                            |                           |                           |                   |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024                                                 | 2.097.762.151           | 90.505.063.576             | 418.647.957.741           | 23.556.598.583            | 534.807.382.051   |
| Tăng trong năm                                                            | -                       | -                          | 75.897.013.991            | 5.434.656.134             | 81.331.670.125    |
| Giảm trong năm                                                            | (1.377.143.791)         | -                          | (12.354.492.979)          | -                         | (13.741.636.770)  |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025                                                 | 720.618.360             | 90.505.063.576             | 482.180.478.753           | 28.991.254.717            | 602.397.415.406   |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>                                                    |                         |                            |                           |                           |                   |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024                                                 | (1.251.975.921)         | (43.133.628.023)           | (275.686.369.250)         | (8.262.988.943)           | (328.334.962.137) |
| Khấu hao trong năm                                                        | (151.338.863)           | (12.623.971.839)           | (50.378.165.799)          | (4.388.896.469)           | (67.542.372.970)  |
| Bán thanh lý                                                              | 682.696.424             | -                          | 12.344.429.910            | -                         | 13.027.126.334    |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025                                                 | (720.618.360)           | (55.757.599.862)           | (313.720.105.139)         | (12.651.885.412)          | (382.850.208.773) |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                                    |                         |                            |                           |                           |                   |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024                                                 | 845.786.230             | 47.371.435.553             | 142.961.588.491           | 15.293.609.640            | 206.472.419.914   |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025                                                 | -                       | 34.747.463.714             | 168.460.373.614           | 16.339.369.305            | 219.547.208.633   |
| Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:                           |                         |                            |                           | 31/12/2025<br>VND         | 31/12/2024<br>VND |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng |                         |                            |                           | 224.366.797.950           | 205.728.173.225   |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                           | <i>Phần mềm máy tính<br/>VND</i> | <i>Tổng cộng<br/>VND</i> |
|---------------------------|----------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>         |                                  |                          |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 495.729.223.467                  | 495.729.223.467          |
| Tăng trong năm            | 91.127.317.462                   | 91.127.317.462           |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 586.856.540.929                  | 586.856.540.929          |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>     |                                  |                          |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | (276.685.717.447)                | (276.685.717.447)        |
| Hao mòn trong năm         | (101.268.217.563)                | (101.268.217.563)        |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | (377.953.935.010)                | (377.953.935.010)        |
| <b>Giá trị còn lại</b>    |                                  |                          |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 219.043.506.020                  | 219.043.506.020          |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 208.902.605.919                  | 208.902.605.919          |

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

|                                                                         | <i>31/12/2025<br/>VND</i> | <i>31/12/2024<br/>VND</i> |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng | 57.220.759.964            | 51.623.961.184            |

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                             | <i>31/12/2025<br/>VND</i> | <i>31/12/2024<br/>VND</i> |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định (*) | 26.035.715.448            | 20.819.016.333            |

(\*) Chủ yếu là mua sắm các thiết bị máy móc và phần mềm.

## 14. CAM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

|                        | <i>31/12/2025<br/>VND</i> | <i>31/12/2024<br/>VND</i> |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Đặt cọc thuê văn phòng | 6.592.485.375             | 3.302.373.375             |
| Đặt cọc khác           | 96.320.000                | 96.320.000                |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>6.688.805.375</b>      | <b>3.398.693.375</b>      |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

|                                            | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND     |
|--------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ dài hạn | 102.984.951.864        | 46.216.876.710        |
| Chi phí cập nhật và bảo hành thiết bị      | 84.320.623.409         | 38.513.633.830        |
| Chi phí trả trước dài hạn khác             | 18.664.328.455         | 7.703.242.880         |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>102.984.951.864</b> | <b>46.216.876.710</b> |

## 16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

|                           | 31/12/2025<br>VND     | 31/12/2024<br>VND     |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền nộp ban đầu          | 3.638.079.146         | 3.638.079.146         |
| Tiền nộp bổ sung hàng năm | 12.413.496.349        | 12.413.496.349        |
| Tiền lãi phân bổ hàng năm | 3.948.424.505         | 3.948.424.505         |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>20.000.000.000</b> | <b>20.000.000.000</b> |

## 17. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty:

| Tài sản                                         | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND         | Mục đích<br>đảm bảo    |
|-------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                 | <b>5.656.000.000.000</b> | <b>15.125.000.000.000</b> |                        |
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm           | 4.656.000.000.000        | 7.075.000.000.000         | Các khoản vay ngắn hạn |
| Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm | 1.000.000.000.000        | 8.050.000.000.000         | Các khoản vay ngắn hạn |
| <b>Dài hạn</b>                                  | <b>1.412.000.000.000</b> | <b>300.000.000.000</b>    |                        |
| Trái phiếu                                      | 1.412.000.000.000        | 300.000.000.000           | Các khoản vay ngắn hạn |
| <b>Tổng cộng</b>                                | <b>7.068.000.000.000</b> | <b>15.425.000.000.000</b> |                        |

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết biến động số dư vay và nợ thuế tài sản tài chính của Công ty trong năm như sau:

|                                                              | Lãi suất<br>%/năm | Đầu năm<br>VND            | Tăng trong năm<br>VND      | Giảm trong năm<br>VND      | Cuối năm<br>VND           |
|--------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------------|---------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn</b>                                          | Dưới 8%           | <b>18.328.645.000.000</b> | <b>322.255.436.370.407</b> | <b>327.659.723.570.407</b> | <b>12.924.357.800.000</b> |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành |                   | 980.000.000.000           | 2.115.000.000.000          | 980.000.000.000            | 2.115.000.000.000         |
| - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam                          |                   | 5.390.000.000.000         | 10.538.000.000.000         | 12.598.000.000.000         | 3.330.000.000.000         |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                       |                   | 3.490.000.000.000         | 9.808.000.000.000          | 12.208.000.000.000         | 1.090.000.000.000         |
| - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam                            |                   | 2.500.000.000.000         | 2.760.000.000.000          | 3.310.000.000.000          | 1.950.000.000.000         |
| - Các Ngân hàng khác                                         |                   | 4.540.000.000.000         | 26.855.001.000.000         | 29.495.001.000.000         | 1.900.000.000.000         |
| - Vay các tổ chức và cá nhân khác                            |                   | 1.428.645.000.000         | 270.179.435.370.407        | 269.068.722.570.407        | 2.539.357.800.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                                             |                   | <b>18.328.645.000.000</b> | <b>322.255.436.370.407</b> | <b>327.659.723.570.407</b> | <b>12.924.357.800.000</b> |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

|                                     | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm | 31/12/2025<br>VND        | 31/12/2024<br>VND |
|-------------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------------------|-------------------|
| <b>Trái phiếu phát hành dài hạn</b> |                |              |                |                          |                   |
| Trái phiếu VCK125005 (*)            | 03/03/2025     | 03/03/2027   | 8,3%           | 5.000.000.000.000        | -                 |
| <b>Tổng cộng</b>                    |                |              |                | <b>5.000.000.000.000</b> | -                 |
| Chi phí phát hành trái phiếu        |                |              |                | (93.333.340)             | -                 |
| <b>Giá trị sổ sách</b>              |                |              |                | <b>4.999.906.666.660</b> | -                 |

(\*) Đây là trái phiếu không có tài sản bảo đảm. Kỳ tính lãi: sáu (06) tháng liên tục, liên tiếp nhau tính từ ngày phát hành. Lãi suất áp dụng cho hai (02) kỳ tính lãi đầu tiên là 8,3%/năm. Lãi suất áp dụng cho hai (02) kỳ tính lãi tiếp theo được xác định là giá trị cao hơn giữa 8,3%/năm và lãi suất thả nổi, được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng 2,5%/năm.

## 20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

|                                                                    | 31/12/2025<br>VND     | 31/12/2024<br>VND     |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán                              | 52.197.721.568        | 41.138.425.525        |
| Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) | 14.981.800.205        | 5.977.651.796         |
| <b>Tổng cộng</b>                                                   | <b>67.179.521.773</b> | <b>47.116.077.321</b> |

## 21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                      | 31/12/2025<br>VND     | 31/12/2024<br>VND     |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu                        | 28.613.243.772        | -                     |
| Công ty TNHH GK Official                             | 8.617.700.526         | -                     |
| Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và giải pháp CMC | 1.374.766.360         | 15.655.864.434        |
| Các nhà cung cấp khác                                | 21.564.025.718        | 13.695.196.924        |
| <b>Tổng cộng</b>                                     | <b>60.169.736.376</b> | <b>29.351.061.358</b> |

## 22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|                            | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND      |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 1.257.209.046          | 1.293.117.912          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 523.268.120.944        | 278.059.407.477        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 194.568.459.404        | 112.409.112.340        |
| Các loại thuế khác         | 46.843.269             | 48.911.228             |
| <b>Tổng cộng</b>           | <b>719.140.632.663</b> | <b>391.810.548.957</b> |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

|                                                   | Số đầu năm<br>VND      | Số phải nộp trong năm<br>VND | Số đã nộp trong năm<br>VND | Số cuối năm<br>VND     |
|---------------------------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng                             | 1.293.117.912          | 12.776.707.917               | (12.812.616.783)           | 1.257.209.046          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp<br>(Thuyết minh số 35) | 278.058.407.477        | 892.743.627.593              | (647.534.914.126)          | 523.268.120.944        |
| Các loại thuế khác                                | 112.458.023.568        | 2.269.662.602.256            | (2.187.505.323.151)        | 194.615.302.673        |
| - Thuế thu nhập cá nhân                           | 14.546.316.170         | 372.294.467.797              | (346.742.818.755)          | 40.097.965.212         |
| - Thuế thu nhập cá nhân nộp<br>hộ nhà đầu tư      | 97.862.796.170         | 1.896.605.717.721            | (1.839.998.019.699)        | 154.470.494.192        |
| - Thuế khác                                       | 48.911.228             | 762.416.738                  | (764.484.697)              | 46.843.269             |
| <b>Tổng cộng</b>                                  | <b>391.810.548.957</b> | <b>3.175.182.937.766</b>     | <b>(2.847.852.854.060)</b> | <b>719.140.632.663</b> |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

|                                    | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND      |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí phải trả ngắn hạn          | 351.801.559.208        | 170.421.059.451        |
| Chi phí lãi trái phiếu phát hành   | 136.438.356.163        | -                      |
| Chi phí lãi vay phải trả           | 95.004.943.336         | 66.619.349.441         |
| Phí dịch vụ                        | 18.625.167.799         | 21.010.091.288         |
| Phí hoa hồng phải trả cho đối tác  | 40.460.590.910         | 33.129.120.237         |
| Trích trước lương thường nhân viên | 61.272.501.000         | 49.662.498.505         |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>351.801.559.208</b> | <b>170.421.059.451</b> |

## 24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

|                                                                                         | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mua chứng khoán phát hành thêm theo phương thức thực hiện quyền mua chờ thanh toán | 334.625.135.000        | 18.256.870.000        |
| Phải trả khác                                                                           | 108.752.734.728        | 17.385.090.341        |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                        | <b>443.377.869.728</b> | <b>35.641.960.341</b> |

## 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 25.1 Cổ phiếu

|                                                       | 31/12/2025<br>Cổ phiếu | 31/12/2024<br>Cổ phiếu |
|-------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành                 | 1.521.825.700          | 570.005.700            |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành                        | 1.521.825.700          | 570.005.700            |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | 1.521.825.700          | 570.005.700            |
| - Cổ phiếu phổ thông                                  | 1.521.825.700          | 570.005.700            |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                       | 1.521.825.700          | 570.005.700            |
| - Cổ phiếu phổ thông                                  | 1.521.825.700          | 570.005.700            |

B09-CTCK

# Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 25.2 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

|                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Vốn góp của chủ sở hữu<br>VND | Thặng dư vốn cổ phần<br>VND | Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý<br>VND | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ<br>VND | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ<br>VND | Lợi nhuận chưa phân phối<br>VND | Tổng cộng<br>VND          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| <b>Số dư đầu năm</b>                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>5.700.057.000.000</b>      | -                           | -                                                          | <b>85.464.382.859</b>                 | <b>103.007.140.959</b>                            | <b>5.474.391.757.479</b>        | <b>11.362.920.281.297</b> |
| Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 2909.01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông | 7.102.000.000.000             | -                           | -                                                          | (85.464.382.859)                      | (103.007.140.959)                                 | (6.911.528.476.182)             | -                         |
| Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Nghị quyết số 2909.2/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông                                                                                                                                                | 2.023.100.000.000             | 10.115.500.000.000          | -                                                          | -                                     | -                                                 | -                               | 12.138.600.000.000        |
| Phát hành cổ phiếu riêng lẻ                                                                                                                                                                                                                                                       | 395.100.000.000               | 1.580.400.000.000           | -                                                          | -                                     | -                                                 | 3.578.662.786.915               | 1.975.500.000.000         |
| Lợi nhuận sau thuế                                                                                                                                                                                                                                                                | -                             | (185.133.060.848)           | -                                                          | -                                     | -                                                 | -                               | 3.578.662.786.915         |
| Chi phí phát hành                                                                                                                                                                                                                                                                 | -                             | -                           | -                                                          | -                                     | -                                                 | -                               | (185.133.060.848)         |
| Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý                                                                                                                                                                                                                                   | -                             | -                           | (35.440.751.897)                                           | -                                     | -                                                 | -                               | (35.440.751.897)          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>16.218.257.000.000</b>     | <b>11.510.786.939.152</b>   | <b>(35.440.751.897)</b>                                    | -                                     | -                                                 | <b>2.141.526.068.212</b>        | <b>28.835.109.255.467</b> |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

## 25.3 Lợi nhuận chưa phân phối

|                          | 31/12/2025<br>VND        | 31/12/2024<br>VND        |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận đã thực hiện   | 2.138.641.940.530        | 5.487.139.782.264        |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 2.884.127.682            | (12.748.024.785)         |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>2.141.526.068.212</b> | <b>5.474.391.757.479</b> |

## 26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## 26.1 Nợ khó đòi đã xử lý

|                                                                  | 31/12/2025<br>VND     | 31/12/2024<br>VND |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| Các khoản cho vay hoạt động ký quỹ                               | 4.877.792.928         | -                 |
| Các khoản phải thu                                               | 11.275.324.844        | -                 |
| <i>Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi</i> | <i>10.054.716.348</i> | <i>-</i>          |
| - Công ty Cổ phần Sông Đà 17                                     | 55.000.000            | -                 |
| - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước                 | 83.000.000            | -                 |
| - Khoản phải thu khó đòi từ khách hàng cá nhân                   | 9.916.716.348         | -                 |
| <i>Phải thu khó đòi khác</i>                                     | <i>1.220.608.496</i>  | <i>-</i>          |
| <b>Tổng cộng</b>                                                 | <b>16.153.117.772</b> | <b>-</b>          |

## 26.2 Ngoại tệ các loại

|                  | 31/12/2025<br>USD | 31/12/2024<br>USD |
|------------------|-------------------|-------------------|
| USD              | 1.175,92          | 906,16            |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>1.175,92</b>   | <b>906,16</b>     |

## 26.3 Tài sản tài chính niêm yết/Đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK

|                                                 | 31/12/2025<br>VND        | 31/12/2024<br>VND      |
|-------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 3.520.571.850.000        | 753.011.640.000        |
| <b>Tổng cộng</b>                                | <b>3.520.571.850.000</b> | <b>753.011.640.000</b> |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)****26.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK**

|                                                                             | 31/12/2025<br>VND | 31/12/2024<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | -                 | 4.580.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                                                            | <b>-</b>          | <b>4.580.000</b>  |

**26.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK**

|                  | 31/12/2025<br>VND        | 31/12/2024<br>VND |
|------------------|--------------------------|-------------------|
| Cổ phiếu         | 15.036.470.000           | -                 |
| Trái phiếu       | 2.800.000.000.000        | -                 |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>2.815.036.470.000</b> | <b>-</b>          |

**26.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư**

|                                                 | 31/12/2025<br>VND          | 31/12/2024<br>VND          |
|-------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 100.234.371.034.220        | 104.042.900.150.000        |
| Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng         | 1.521.971.160.000          | 1.281.420.850.000          |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố              | 1.097.839.280.000          | 988.534.280.000            |
| Tài sản tài chính bị phong tỏa, tạm giữ         | 14.316.270.000             | 11.947.290.000             |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán                | 975.764.754.700            | 1.724.879.100.000          |
| <b>Tổng cộng</b>                                | <b>103.844.262.498.920</b> | <b>108.029.681.670.000</b> |

**26.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

|                                                                               | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND     |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng   | 341.890.590.000        | 14.308.890.000        |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 43.745.260.000         | -                     |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ    | -                      | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>                                                              | <b>385.635.850.000</b> | <b>14.308.890.000</b> |

**26.8 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư**

|                         | 31/12/2025<br>VND        | 31/12/2024<br>VND        |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ | 3.422.727.538.000        | 1.515.089.060.000        |
| Trái phiếu              | -                        | 194.100.000              |
| <b>Tổng cộng</b>        | <b>3.422.727.538.000</b> | <b>1.515.283.160.000</b> |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 26.9 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

|                  | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND |
|------------------|------------------------|-------------------|
| Cổ phiếu         | 235.532.280.000        | -                 |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>235.532.280.000</b> | <b>-</b>          |

## 26.10 Tiền gửi của Nhà đầu tư

|                                                                                             | 31/12/2025<br>VND         | 31/12/2024<br>VND         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý              | 16.814.186.845.803        | 17.155.020.529.658        |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 16.789.705.620.091        | 17.154.717.322.114        |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 24.481.225.712            | 303.207.544               |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                            | <b>16.814.186.845.803</b> | <b>17.155.020.529.658</b> |

## 26.11 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

|                                                                   | 31/12/2025<br>VND | 31/12/2024<br>VND     |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành | -                 | 59.336.726.449        |
| <b>Tổng cộng</b>                                                  | <b>-</b>          | <b>59.336.726.449</b> |

## 26.12 Phải trả Nhà đầu tư

|                                                                                                      | 31/12/2025<br>VND         | 31/12/2024<br>VND         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 16.814.186.845.803        | 17.155.022.775.592        |
| - Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý     | 16.789.705.620.091        | 17.154.719.568.048        |
| - Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý     | 24.481.225.712            | 303.207.544               |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                                     | <b>16.814.186.845.803</b> | <b>17.155.022.775.592</b> |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-C FCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)****26.13 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

|                                                                      | 31/12/2025<br>VND | 31/12/2024<br>VND     |
|----------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của<br>Tổ chức phát hành | -                 | 59.334.480.515        |
| <b>Tổng cộng</b>                                                     | -                 | <b>59.334.480.515</b> |

**26.14 Phải trả vay công ty chứng khoán của Nhà đầu tư**

|                                                    | 31/12/2025<br>VND         | 31/12/2024<br>VND         |
|----------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Phải trả nghiệp vụ cho vay hoạt động ký quỹ</b> | <b>22.340.305.901.418</b> | <b>12.356.339.014.440</b> |
| Phải trả gốc vay hoạt động ký quỹ                  | 22.083.485.333.806        | 12.208.784.801.234        |
| - Nhà đầu tư trong nước                            | 22.083.485.333.806        | 12.208.784.801.234        |
| Phải trả lãi vay hoạt động ký quỹ                  | 256.820.567.612           | 147.554.213.206           |
| - Nhà đầu tư trong nước                            | 256.820.567.612           | 147.554.213.206           |
| <b>Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán</b>       | <b>513.064.186.964</b>    | <b>284.926.437.366</b>    |
| Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán          | 512.792.714.851           | 284.600.643.504           |
| - Nhà đầu tư trong nước                            | 512.792.714.851           | 284.600.643.504           |
| Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán          | 271.472.113               | 325.793.862               |
| - Nhà đầu tư trong nước                            | 271.472.113               | 325.793.862               |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 27. LẠI/LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

#### 27.1 Lãi/lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

| STT | Danh mục các khoản đầu tư          | Số lượng bán       | Đơn vị | Tổng giá trị bán VND       | Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND | Lãi bán chứng khoán năm nay VND | Lỗ bán chứng khoán năm nay VND | Lãi bán chứng khoán năm trước VND | Lỗ bán chứng khoán năm trước VND |
|-----|------------------------------------|--------------------|--------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết | 213.945            |        | 3.877.745.000              | 3.880.968.525                                                | 8.711.014                       | (11.934.539)                   | 3.502.528.362                     | (1.464.442.087)                  |
| 2   | Trái phiếu niêm yết                | 350.705.128        |        | 38.698.338.061.878         | 38.405.574.599.480                                           | 304.776.328.999                 | (12.012.866.601)               | 139.360.150.311                   | (17.434.657.447)                 |
| 3   | Trái phiếu chưa niêm yết           | 4.548.690          |        | 3.132.490.866.223          | 3.077.086.691.615                                            | 55.865.715.068                  | (461.540.458)                  | 174.205.913.526                   | (2.488.317.554)                  |
| 4   | Công cụ thị trường tiền tệ         | 47.684.782         |        | 155.443.148.909.293        | 155.204.231.050.086                                          | 252.611.692.871                 | (13.693.833.664)               | 88.786.093.225                    | (30.498.607.824)                 |
|     | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>403.152.545</b> |        | <b>197.277.855.582.394</b> | <b>196.690.773.309.706</b>                                   | <b>613.262.447.950</b>          | <b>(26.180.175.262)</b>        | <b>405.854.685.424</b>            | <b>(51.886.024.922)</b>          |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 27. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 27.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

| STT              | Danh mục các loại tài sản tài chính                 | Giá trị mua theo sổ kế toán VND | Giá trị hợp lý VND        | Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND | Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND | Chênh lệch (thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND) |
|------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| I                | Loại FVTPL                                          | 7.291.638.363.577               | 7.294.520.491.259         | 2.884.127.882                              | (12.748.024.785)                          | 15.632.152.467                                         |
| 1                | Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết                  | 14.166.926.309                  | 21.849.793.600            | 7.682.867.291                              | 395.298.824                               | 7.287.568.467                                          |
| 2                | Cổ phiếu chưa niêm yết đăng ký giao dịch trên Upcom | 597.833.347                     | 2.122.898.533             | 1.525.065.185                              | 1.857.989.279                             | (332.924.093)                                          |
| 3                | Cổ phiếu chưa niêm yết khác                         | 15.356.145.200                  | 15.356.145.200            | -                                          | -                                         | -                                                      |
| 4                | Cổ phiếu hủy niêm yết, ngừng giao dịch              | 44.734.558                      | 44.734.558                | -                                          | -                                         | -                                                      |
| 5                | Trái phiếu niêm yết                                 | 297.975.750.000                 | 291.651.945.205           | (6.323.804.795)                            | (15.001.312.888)                          | 8.677.508.093                                          |
| 6                | Trái phiếu chưa niêm yết                            | 1.111.597.365.435               | 1.111.597.365.435         | -                                          | -                                         | -                                                      |
| 7                | Công cụ thị trường tiền tệ                          | 5.851.897.608.728               | 5.851.897.608.728         | -                                          | -                                         | -                                                      |
| II               | Tài sản tài chính AFS                               | 5.004.431.932.048               | 4.968.991.180.151         | (35.440.751.897)                           | -                                         | (35.440.751.897)                                       |
| 1                | Trái phiếu niêm yết                                 | 1.988.220.624.397               | 1.952.779.872.500         | (35.440.751.897)                           | -                                         | (35.440.751.897)                                       |
| 2                | Trái phiếu chưa niêm yết                            | 3.016.211.307.651               | 3.016.211.307.651         | -                                          | -                                         | -                                                      |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                     | <b>12.296.068.295.625</b>       | <b>12.263.511.671.410</b> | <b>(32.556.624.215)</b>                    | <b>(12.748.024.785)</b>                   | <b>(19.808.599.430)</b>                                |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, AFS, HTM, các khoản cho vay và phải thu*

|                                  | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Từ tài sản tài chính FVTPL       | 489.115.615.231                                                   | 520.809.637.017                                                   |
| Từ tài sản tài chính HTM         | 480.379.592.591                                                   | 331.584.450.078                                                   |
| Từ các khoản cho vay và phải thu | 2.504.445.130.126                                                 | 1.762.808.498.034                                                 |
| Từ tài sản tài chính AFS         | 12.830.002.868                                                    | -                                                                 |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>3.486.770.340.816</b>                                          | <b>2.615.002.585.129</b>                                          |

## 28. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

|                                           | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Doanh thu dịch vụ cung cấp thông tin      | 1.057.969.209                                                     | 1.077.501.925                                                     |
| Doanh thu phí dịch vụ công ty chứng khoán | 101.176.813.370                                                   | 91.012.485.735                                                    |
| Doanh thu phí tin nhắn SMS                | 4.643.468.518                                                     | 4.798.966.965                                                     |
| <b>Tổng cộng</b>                          | <b>106.878.251.097</b>                                            | <b>96.888.954.625</b>                                             |

## 29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                                                                    | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Lãi chênh lệch tỷ giá                                                              | 1.020.060                                                         | 697.743                                                           |
| Doanh thu cổ tức từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh | 605.000.000                                                       | 954.250.000                                                       |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                                                         | 83.988.474.466                                                    | 57.918.999.370                                                    |
| Lãi bán các khoản đầu tư                                                           | 2.475.000.000                                                     | -                                                                 |
| Thu từ hoạt động kinh doanh công cụ tài chính khác                                 | 971.233.889.228                                                   | 560.878.921.758                                                   |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                   | <b>1.058.283.383.754</b>                                          | <b>619.752.868.871</b>                                            |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                                        | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 3.080.063.498.425                                                 | 2.618.121.015.339                                                 |
| Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán   | 45.827.351.840                                                    | 76.772.528.100                                                    |
| Chi phí hoạt động tư vấn tài chính     | 13.582.669.498                                                    | 15.325.945.558                                                    |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>3.139.473.519.763</b>                                          | <b>2.710.219.488.997</b>                                          |

## Chi tiết chi phí hoạt động theo khoản mục chi phí

|                              | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Chi phí môi giới chứng khoán | 829.048.229.371                                                   | 684.256.291.034                                                   |
| Chi phí hoạt động lưu ký     | 45.827.351.840                                                    | 76.772.528.100                                                    |
| Lương và các khoản phúc lợi  | 1.211.159.281.580                                                 | 1.056.727.793.781                                                 |
| Chi phí bảo hiểm theo lương  | 26.623.736.960                                                    | 27.408.144.571                                                    |
| Chi phí công cụ, dụng cụ     | 328.870.171                                                       | 825.237.563                                                       |
| Chi phí khấu hao TSCĐ        | 40.048.035.585                                                    | 39.122.942.782                                                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài    | 985.824.167.987                                                   | 824.968.051.166                                                   |
| Chi phí khác                 | 613.846.269                                                       | 138.500.000                                                       |
| <b>Tổng cộng</b>             | <b>3.139.473.519.763</b>                                          | <b>2.710.219.488.997</b>                                          |

## 31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

|                                  | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Lương và các khoản phúc lợi      | 2.563.622.713                                                     | 2.451.037.783                                                     |
| Chi phí bảo hiểm theo lương      | 251.681.580                                                       | 285.725.010                                                       |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 36.925.470.469                                                    | 32.459.502.392                                                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 16.180.191.521                                                    | 15.352.034.791                                                    |
| Chi phí khác                     | 15.426.285.982                                                    | 44.033.459.088                                                    |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>71.347.252.265</b>                                             | <b>94.581.759.064</b>                                             |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                                                        | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Chi phí lãi trái phiếu                                                 | 345.643.836.174                                                   | -                                                                 |
| Chi phí lãi vay                                                        | 639.379.176.326                                                   | 576.247.663.730                                                   |
| Trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn | -                                                                 | 1.152.497.367                                                     |
| Chi phí tài chính khác                                                 | 7.220.250.273                                                     | 14.366.231.423                                                    |
| <b>Tổng cộng</b>                                                       | <b>992.243.262.773</b>                                            | <b>591.766.392.520</b>                                            |

## 33. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN

|                                  | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Lương và các khoản phúc lợi      | 224.582.377.356                                                   | 190.600.572.516                                                   |
| Chi phí bảo hiểm theo lương      | 16.899.186.635                                                    | 14.516.646.918                                                    |
| Chi phí công cụ, dụng cụ         | 4.223.963.315                                                     | 5.143.523.140                                                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 91.837.084.479                                                    | 78.206.762.980                                                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 198.408.984.281                                                   | 145.596.786.082                                                   |
| Chi phí khác                     | 3.560.147.558                                                     | 4.035.706.705                                                     |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>539.511.743.624</b>                                            | <b>438.099.998.341</b>                                            |

## 34. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

|                                             | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>                        |                                                                   |                                                                   |
| Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 1.819.281.102                                                     | 652.621.160                                                       |
| Thu nhập khác                               | 4.946.848.542                                                     | 72.176.712                                                        |
| <b>Tổng thu nhập khác</b>                   | <b>6.766.129.644</b>                                              | <b>724.797.872</b>                                                |
| <b>Chi phí khác</b>                         |                                                                   |                                                                   |
| Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định     | (714.510.438)                                                     | -                                                                 |
| Chi phí khác                                | (82.416.614)                                                      | (1.326.950.411)                                                   |
| <b>Tổng chi phí khác</b>                    | <b>(796.927.052)</b>                                              | <b>(1.326.950.411)</b>                                            |
| <b>Tổng cộng</b>                            | <b>5.969.202.592</b>                                              | <b>(602.152.539)</b>                                              |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2024: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

|                                                                 | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2025<br>VND | Cho năm tài chính<br>kết thúc ngày 31<br>tháng 12 năm 2024<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Lợi nhuận thuần trước thuế                                      | 4.471.406.414.508                                                 | 3.153.763.370.735                                                 |
| Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán                      | (7.166.361.922)                                                   | 21.241.423.463                                                    |
| Các khoản điều chỉnh tăng                                       | 91.943.492.557                                                    | 53.230.868.654                                                    |
| - Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL       | 82.863.440.012                                                    | 45.155.360.698                                                    |
| - Chi phí không được khấu trừ                                   | 9.080.052.545                                                     | 8.075.507.956                                                     |
| Các khoản điều chỉnh giảm                                       | 99.109.854.479                                                    | 31.989.445.191                                                    |
| - Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức | 614.262.000                                                       | 1.157.023.800                                                     |
| - Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL       | 98.495.592.479                                                    | 30.832.421.391                                                    |
| Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành                       | 4.464.240.052.586                                                 | 3.175.004.794.198                                                 |
| Thuế suất thuế TNDN                                             | 20,00%                                                            | 20,00%                                                            |
| Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành (*)                   | 892.848.010.517                                                   | 635.000.958.840                                                   |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm                                      | 278.059.407.477                                                   | 114.857.609.075                                                   |
| Điều chỉnh giảm thuế TNDN theo Quyết toán thuế                  | (104.382.924)                                                     | -                                                                 |
| Thuế TNDN đã trả trong năm                                      | (647.534.914.126)                                                 | (471.599.160.438)                                                 |
| Thuế TNDN phải trả cuối năm                                     | 523.268.120.944                                                   | 278.059.407.477                                                   |

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập tính thuế và có thể có những điều chỉnh lũy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

|                                                                            | <i>Cho năm tài chính<br/>kết thúc ngày 31<br/>tháng 12 năm 2025</i> | <i>Cho năm tài chính<br/>kết thúc ngày 31<br/>tháng 12 năm 2024<br/>(trình bày lại)</i> |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)        | 3.578.662.786.915                                                   | 2.518.762.411.895                                                                       |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*) | 1.305.164.522                                                       | 954.025.340                                                                             |
| <b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>                         | <b>2.742</b>                                                        | <b>2.640</b>                                                                            |

(\*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thường, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" tại các kỳ báo cáo. Theo đó số liệu số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2024 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để thưởng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2025.

## 37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

|                                                                     | <i>Cho năm tài chính<br/>kết thúc ngày 31<br/>tháng 12 năm 2025<br/>VND</i> | <i>Cho năm tài chính<br/>kết thúc ngày 31<br/>tháng 12 năm 2024<br/>VND</i> |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu</b>        | -                                                                           | <b>3.018.805.381</b>                                                        |
| - Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu             | -                                                                           | 3.018.805.381                                                               |
| <b>Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu</b>         | <b>(220.573.812.745)</b>                                                    | -                                                                           |
| - Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại khi bán | (35.440.751.897)                                                            | -                                                                           |
| - Chi phí phát hành ghi giảm thặng dư vốn cổ phần                   | (185.133.060.848)                                                           | -                                                                           |
| <b>Tổng cộng</b>                                                    | <b>(220.573.812.745)</b>                                                    | <b>3.018.805.381</b>                                                        |

B09-CTCK

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

38.1 *Nghị quyết với các bên liên quan*

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| <i>Danh sách bên liên quan</i>                     |  | <i>Mối quan hệ</i>                                             |
|----------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn                |  | Công ty đầu tư                                                 |
| Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát  |  | Có ảnh hưởng đáng kể                                           |
| Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam |  | Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan |

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

| <i>Bên liên quan</i>                               | <i>Giao dịch</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>Tăng trong năm</i> | <i>Giảm trong năm</i> | <i>Đơn vị tính: VND</i>                     |
|----------------------------------------------------|------------------|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam | Góp vốn đầu tư   | 7.013.520.000                    | 22.182.550.000        | -                     | Ngày 31 tháng 12 năm 2025<br>29.196.070.000 |

Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thù lao và tiền lương, thưởng của từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

| <i>Họ tên</i>          | <i>Chức danh</i>                       | <i>Năm nay</i>            |                | <i>Năm trước</i>          |                | <i>Đơn vị tính: VND</i> |
|------------------------|----------------------------------------|---------------------------|----------------|---------------------------|----------------|-------------------------|
|                        |                                        | <i>Tiền lương, thưởng</i> | <i>Thù lao</i> | <i>Tiền lương, thưởng</i> | <i>Thù lao</i> |                         |
| Ông Nguyễn Lâm Dũng    | Chủ tịch Hội đồng Quản trị             | 888.394.984               | 60.000.000     | 784.436.000               | 60.000.000     |                         |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Thành viên HĐQT                        | 2.255.746.225             | 60.000.000     | 2.054.732.750             | 60.000.000     |                         |
| Bà Trần Thị Bảo Ngọc   | Thành viên HĐQT                        | 2.615.051.100             | 60.000.000     | 2.092.482.000             | 60.000.000     |                         |
| Bà Trần Thị Kim Dung   | Thành viên HĐQT                        | 1.203.424.030             | 40.000.000     | 1.079.938.000             | -              |                         |
| John Desmond Sheehy    | Thành viên HĐQT                        | -                         | 15.000.000     | -                         | -              |                         |
| Ông Lê Minh Tài        | Tổng Giám đốc                          | 179.871.429               | -              | -                         | -              |                         |
| Ban Kiểm soát          | Trưởng ban và Thành viên Ban Kiểm soát | 2.027.058.100             | 79.548.387     | 2.189.955.600             | 36.000.000     |                         |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 38.2 Thông tin báo cáo bộ phận

##### Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| Năm 2025                            | Môi giới và dịch vụ khách hàng | Tự doanh và kinh doanh nguồn vốn | Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác | Đơn vị tính: VND |                    |
|-------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|------------------|--------------------|
|                                     |                                |                                  |                                      |                  | Tổng cộng          |
| 1. Doanh thu hoạt động              | 7.292.294.887.908              | 1.781.132.745.645                | 252.336.325.742                      |                  | 9.325.763.959.295  |
| 2. Chi phí hoạt động                | 3.471.534.686.439              | 828.931.518.174                  | 14.379.596.550                       |                  | 4.314.845.801.163  |
| 3. Các chi phí không phân bổ        | -                              | -                                | -                                    |                  | 539.511.743.624    |
| Kết quả hoạt động                   | 3.820.760.201.469              | 952.201.227.471                  | 237.956.729.192                      |                  | 4.471.406.414.508  |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 |                                |                                  |                                      |                  |                    |
| 1. Tài sản bộ phận                  | 22.906.651.968.062             | 20.302.733.006.419               | 95.605.949.233                       |                  | 43.304.990.923.714 |
| 2. Tài sản không phân bổ            | -                              | -                                | -                                    |                  | 5.097.389.349.944  |
| Tổng tài sản                        | 22.906.651.968.062             | 20.302.733.006.419               | 95.605.949.233                       |                  | 48.402.380.273.658 |
| 1. Nợ phải trả bộ phận              | 5.733.113.230.450              | 13.019.362.743.336               | -                                    |                  | 18.752.475.973.786 |
| 2. Nợ không phân bổ                 | -                              | -                                | -                                    |                  | 814.795.044.405    |
| Tổng công nợ                        | 5.733.113.230.450              | 13.019.362.743.336               | -                                    |                  | 19.567.271.018.191 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

38.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| Năm 2024                            | Môi giới và dịch vụ khách hàng | Tự doanh và kinh doanh nguồn vốn | Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác | Đơn vị tính: VND |                    |
|-------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|------------------|--------------------|
|                                     |                                |                                  |                                      |                  | Tổng cộng          |
| 1. Doanh thu hoạt động              | 5.580.258.845.694              | 957.296.743.832                  | 549.243.756.162                      |                  | 7.086.799.345.688  |
| 2. Chi phí hoạt động                | 2.694.893.543.439              | 783.389.537.204                  | 16.652.895.969                       |                  | 3.494.935.976.612  |
| 3. Các chi phí không phân bổ        | -                              | -                                | -                                    |                  | 438.099.998.341    |
| Kết quả hoạt động                   | 2.885.365.302.255              | 173.907.206.628                  | 532.590.860.193                      |                  | 3.153.763.370.735  |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                                |                                  |                                      |                  |                    |
| 1. Tài sản bộ phận                  | 12.759.322.901.756             | 16.418.832.182.775               | 35.243.658.599                       |                  | 29.213.398.743.130 |
| 2. Tài sản không phân bổ            | -                              | -                                | -                                    |                  | 1.154.498.928.345  |
| Tổng tài sản                        | 12.759.322.901.756             | 16.418.832.182.775               | 35.243.658.599                       |                  | 30.367.897.671.475 |
| 1. Nợ phải trả bộ phận              | 196.525.053.728                | 18.395.264.349.441               | -                                    |                  | 18.591.789.403.169 |
| 2. Nợ không phân bổ                 | -                              | -                                | -                                    |                  | 413.187.987.009    |
| Tổng công nợ                        | 196.525.053.728                | 18.395.264.349.441               | -                                    |                  | 19.004.977.390.178 |

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****38.3 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND     |
|------------------|------------------------|-----------------------|
| Đến 1 năm        | 59.804.106.050         | 20.967.911.789        |
| Trên 1 - 5 năm   | 146.531.647.103        | 76.711.991.400        |
| Trên 5 năm       | 11.568.268.800         | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>217.704.021.953</b> | <b>97.679.903.189</b> |

**38.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ**

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

**38.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban lãnh đạo liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****38.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban lãnh đạo giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền gửi và các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

|                     | <u>Tăng/giảm điểm cơ bản</u> | <u>Ảnh hưởng đến lợi<br/>nhuận trước thuế<br/>VND</u> |
|---------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Kỳ kế toán năm 2025 | +100                         | (5.773.674.870)                                       |
|                     | -100                         | 5.773.674.870                                         |
| Kỳ kế toán năm 2024 | +100                         | (95.215.031.737)                                      |
|                     | -100                         | 95.215.031.737                                        |

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất thấp. Công ty không cần sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình, đồng thời cũng không cần thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (liếp theo)

#### 38.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

##### **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, với sự biến động giảm của thị trường chứng khoán Việt Nam so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty là 39.373.571.891 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

##### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

##### **Phải thu khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

##### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### **Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****38.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản cho vay bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

|             | <i>Số dư đã dự<br/>phòng<br/>VND</i> | <i>Không quá hạn và<br/>không bị suy giảm<br/>VND</i> | <i>Tổng cộng<br/>VND</i> |
|-------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | -                                    | 22.596.278.048.657                                    | 22.596.278.048.657       |
| Số đầu năm  | 4.877.792.928                        | 12.488.507.651.810                                    | 12.493.385.444.738       |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

B09-CTCK

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tạ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

38.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

|                                                           | Quá hạn<br>VND | Không kỳ hạn<br>VND | Đến 01 năm<br>VND  | Từ 01 - 05 năm<br>VND | Trên 05 năm<br>VND | Tổng cộng<br>VND   |
|-----------------------------------------------------------|----------------|---------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                            |                |                     |                    |                       |                    |                    |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                        | -              | 4.514.986.137.346   | 4.166.004.175.670  | -                     | -                  | 8.680.990.313.016  |
| Tài sản tài chính                                         | -              | 12.263.511.671.410  | 26.262.278.048.667 | 39.696.070.000        | -                  | 38.556.466.790.067 |
| Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (*)           | -              | 7.294.520.491.259   | -                  | -                     | -                  | 7.294.520.491.259  |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                 | -              | -                   | 3.666.000.000.000  | -                     | -                  | 3.666.000.000.000  |
| Các khoản cho vay (*)                                     | -              | -                   | 22.596.278.048.667 | -                     | -                  | 22.596.278.048.667 |
| Các khoản đầu tư sáng để bán                              | -              | 4.968.961.180.151   | -                  | -                     | -                  | 4.968.961.180.151  |
| Góp vốn đầu tư dài hạn (*)                                | -              | -                   | -                  | 39.696.070.000        | -                  | 39.696.070.000     |
| Tài sản khác                                              | -              | 30.922.133.827      | 474.030.494.083    | 623.711.833.375       | -                  | 1.028.864.451.285  |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược                         | -              | -                   | 2.204.982.000      | 6.688.805.375         | -                  | 8.893.787.375      |
| Phải thu khác (*)                                         | -              | -                   | 471.825.502.083    | 62.537.500.000        | -                  | 534.363.002.083    |
| Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang) | -              | -                   | -                  | 454.485.528.000       | -                  | 454.485.528.000    |
| Tài sản khác                                              | -              | 30.922.133.827      | -                  | -                     | -                  | 30.922.133.827     |
| <b>Tổng cộng</b>                                          | -              | 16.809.419.942.583  | 30.902.312.708.410 | 563.407.903.375       | -                  | 48.275.140.554.368 |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                                        |                |                     |                    |                       |                    |                    |
| Vay và nợ ngắn hạn                                        | -              | -                   | 12.924.357.800.000 | -                     | -                  | 12.924.357.800.000 |
| Vay và nợ dài hạn                                         | -              | -                   | -                  | -                     | -                  | -                  |
| Trái phiếu phát hành                                      | -              | -                   | -                  | 4.999.906.666.660     | -                  | 4.999.906.666.660  |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán                  | -              | -                   | 67.179.521.773     | -                     | -                  | 67.179.521.773     |
| Chi phí phải trả                                          | -              | -                   | 351.801.559.208    | -                     | -                  | 351.801.559.208    |
| Doanh thu chưa thực hiện                                  | -              | -                   | 32.465.752         | -                     | -                  | 32.465.752         |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                       | -              | -                   | 719.140.632.663    | -                     | -                  | 719.140.632.663    |
| Phải trả, phải nộp khác                                   | -              | -                   | 504.852.372.135    | -                     | -                  | 504.852.372.135    |
| <b>Tổng cộng</b>                                          | -              | -                   | 14.567.364.351.531 | 4.999.906.666.660     | -                  | 19.567.271.018.191 |
| <b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>                    | -              | 16.809.419.942.583  | 16.334.948.356.879 | (4.436.498.763.285)   | -                  | 28.707.869.536.177 |

(\*) Không bao gồm các khoản dự phòng

**Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS**

B09-CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**39. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2025, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

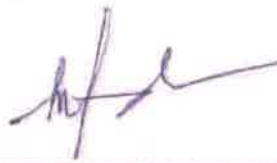
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt


Bà Lê Thị Thu Huyền  
Người lập

Bà Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Lâm Dũng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trên đây là Báo cáo thường niên 2025  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.

Trân trọng cảm ơn./

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng



**Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS**

Địa chỉ: Số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội

1900 6457

[vps.com.vn](http://vps.com.vn)